BỘ GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO

LỊCH SỬ 11





NHÀ XUẤT BẢN GIÁO DỤC VIỆT NAM

VŨ MINH GIANG (Tổng Chủ biên xuyên suốt)
PHẠM HỒNG TUNG (Tổng Chủ biên cấp THPT)
TRẦN THỊ VINH (Chủ biên)
HOÀNG HẢI HÀ – ĐÀO TUẤN THÀNH – NGUYỄN THỊ THU THUỶ

LỊCH SỬ

(Tái bản lần thứ ba)

11

sach-giao-khoa.com

NHÀ XUẤT BẢN GIÁO DỤC VIỆT NAM

LỜI NÓI ĐẦU

Các em học sinh thân mến!

Lịch sử là môn học thuộc nhóm Khoa học xã hội, gồm hai phần: phần bắt buộc đối với tất cả học sinh và phần lựa chọn cho học sinh chọn môn Lịch sử theo định hướng nghề nghiệp. Môn Lịch sử giúp các em hình thành, phát triển năng lực lịch sử cũng như những phẩm chất chủ yếu và năng lực chung được xác định trong Chương trình giáo dục phổ thông tổng thể. Môn Lịch sử giữ vai trò chủ đạo trong việc giáo dục lòng yêu nước, truyền thống dân tộc, đồng thời góp phần giúp các em rèn luyện tư duy hệ thống và phản biện, kết nối quá khứ với hiện tại.

Sách giáo khoa *Lịch sử 11* sẽ giúp các em khám phá, tìm hiểu những vấn đề thú vị, hấp dẫn của lịch sử.

Trước hết, về lịch sử thế giới, các em sẽ được tìm hiểu sự hình thành, phát triển của chủ nghĩa tư bản và chủ nghĩa xã hội qua chủ đề "Cách mạng tư sản và sự phát triển của chủ nghĩa tư bản" và "Chủ nghĩa xã hội từ năm 1917 đến nay".

Về lịch sử khu vực, các em sẽ được tìm hiểu những vấn đề cơ bản về cuộc đấu tranh giành độc lập dân tộc và sự phát triển của các quốc gia Đông Nam Á thông qua chủ đề "Quá trình giành độc lập dân tộc của các quốc gia Đông Nam Á".

Ở phần Lịch sử Việt Nam, các em sẽ được tìm hiểu sâu hơn về các cuộc kháng chiến, khởi nghĩa trước năm 1945 và các cuộc cải cách tiêu biểu trong lịch sử qua các chủ đề "Chiến tranh bảo vệ Tổ quốc và chiến tranh giải phóng dân tộc trong lịch sử Việt Nam (trước Cách mạng tháng Tám năm 1945)", "Một số cuộc cải cách lớn trong lịch sử Việt Nam (trước năm 1858)". Đặc biệt, chủ đề "Lịch sử bảo vệ chủ quyền, các quyền và lợi ích hợp pháp của Việt Nam ở Biển Đông" sẽ giúp các em nhận thức một cách có hệ thống về quá trình xác lập chủ quyền và quản lí liên tục của Việt Nam đối với quần đảo Hoàng Sa, quần đảo Trường Sa.

Sách giáo khoa *Lịch sử 11* được biên soạn theo định hướng phát triển phẩm chất và năng lực, từ cách gắn kết kiến thức lịch sử với thực tiễn đến cách tổ chức hoạt động học tập cho học sinh. Việc kiểm tra, đánh giá kết quả giáo dục chú trọng đến khả năng vận dụng kiến thức lịch sử của các em vào việc giải quyết những vấn đề thực tiễn.

Cấu trúc cuốn sách bao gồm: Lời nói đầu, Hướng dẫn sử dụng sách, các chủ đề, Bảng tra cứu khái niệm, thuật ngữ và Bảng phiên âm. Nội dung sách có nhiều thông tin tạo điều kiện cho các em kết nối với kiến thức, kĩ năng của các môn học khác như: Địa lí, Ngữ văn, Giáo dục quốc phòng và an ninh, Mĩ thuật,...

Để sử dụng tốt cuốn sách này, các em hãy cùng hoạt động, tương tác tích cực với thầy cô và các bạn; chủ động tìm kiếm thông tin qua sách, báo, internet để có thể tái hiện và nhận thức lịch sử một cách sinh động, khách quan.

Chúc các em học tập tốt và có những trải nghiệm thật bổ ích!

CÁC TÁC GIẢ

MỤC LỤC

Mục	NỘI DUNG	*Trang*
LỜI NÓI ĐẦU		2
HƯỚNG DẪN SỬ DỤNG SÁCH		4
CHỦ ĐỀ 1. CÁCH MẠNG TƯ SẢN VÀ SỰ PHÁT TRIỂN CỦA CHỦ NGHĨA TƯ BẢN		6
Bài 1	Một số vấn đề chung về cách mạng tư sản	6
Bài 2	Sự xác lập và phát triển của chủ nghĩa tư bản	12
CHỦ ĐỀ 2. CHỦ NGHĨA XÃ HỘI TỪ NĂM 1917 ĐẾN NAY		19
Bài 3	Sự hình thành Liên bang Cộng hoà xã hội chủ nghĩa Xô viết	19
Bài 4	Sự phát triển của chủ nghĩa xã hội từ sau Chiến tranh thế giới thứ hai đến nay	22
CHỦ ĐỀ 3. QUÁ TRÌNH GIÀNH ĐỘC LẬP DÂN TỘC CỦA CÁC QUỐC GIA ĐÔNG NAM Á		29
Bài 5	Quá trình xâm lược và cai trị của chủ nghĩa thực dân ở Đông Nam Á	29
Bài 6	Hành trình đi đến độc lập dân tộc ở Đông Nam Á	37
CHỦ ĐỀ 4. CHIẾN TRANH BẢO VỆ TỔ QUỐC VÀ CHIẾN TRANH GIẢI PHÓNG DÂN TỘC TRONG LỊCH SỬ VIỆT NAM (TRƯỚC CÁCH MẠNG THÁNG TÁM NĂM 1945)		43
Bài 7	Khái quát về chiến tranh bảo vệ Tổ quốc trong lịch sử Việt Nam	43
Bài 8	Một số cuộc khởi nghĩa và chiến tranh giải phóng trong lịch sử Việt Nam (từ thế kỉ III trước Công nguyên đến cuối thế kỉ XIX)	50
CHỦ ĐỀ 5. MỘT SỐ CUỘC CẢI CÁCH LỚN TRONG LỊCH SỬ VIỆT NAM (TRƯỚC NĂM 1858)		60
Bài 9	Cuộc cải cách của Hồ Quý Ly và Triều Hồ	60
Bài 10	Cuộc cải cách của Lê Thánh Tông (thế kỉ XV)	64
Bài 11	Cuộc cải cách của Minh Mạng (nửa đầu thế kỉ XIX)	69
CHỦ ĐỀ 6. LỊCH SỬ BẢO VỆ CHỦ QUYỀN, CÁC QUYỀN VÀ LỢI ÍCH HỢP PHÁP CỦA VIỆT NAM Ở BIỂN ĐÔNG		73
Bài 12	Vị trí và tầm quan trọng của Biển Đông	73
Bài 13	Việt Nam và Biển Đông	80
BẢNG TRA CỨU KHÁI NIỆM, THUẬT NGỮ		91
BẢNG PHIÊN ÂM		94

sách-giáo-khoa.com

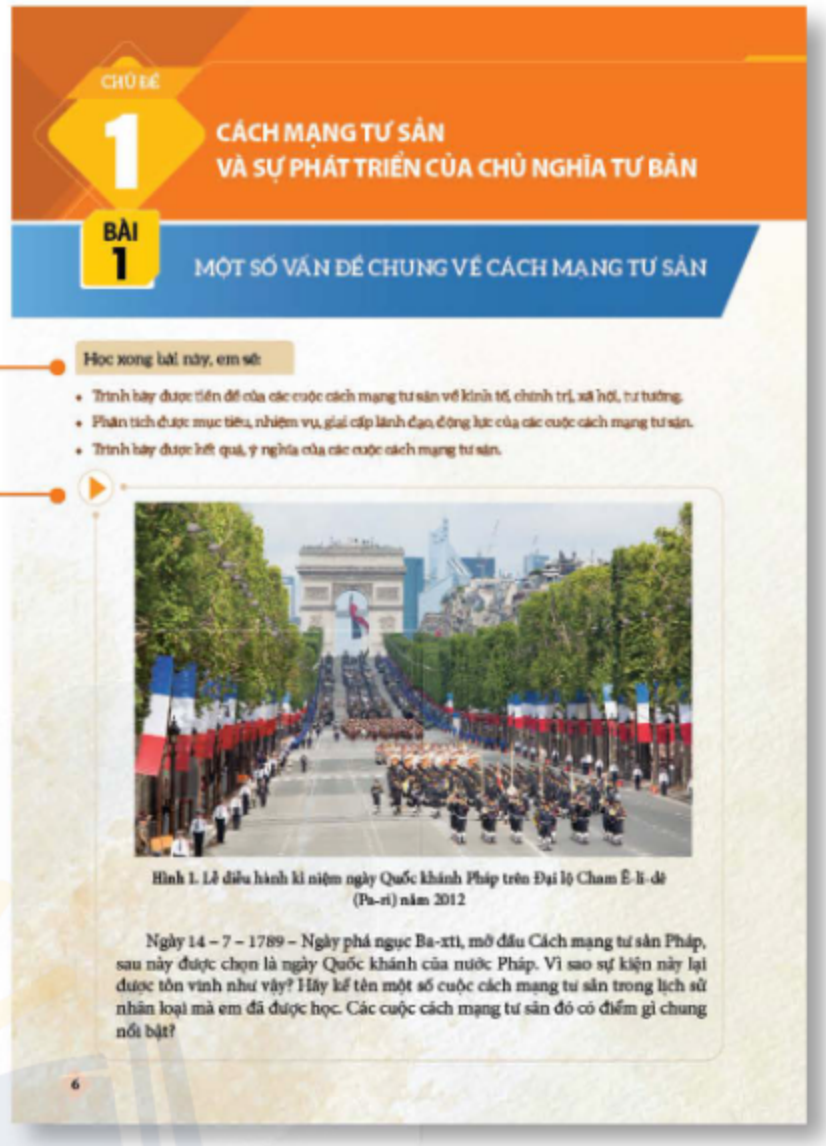
HƯỚNG DẪN SỬ DỤNG SÁCH

Mục tiêu bài học:

Xác định kiến thức, năng lực và phẩm chất học sinh cần đạt được sau khi học.

Mở đầu bài học:

Xác định nhiệm vụ, vấn đề học tập học sinh cần giải quyết; kết nối với những điều học sinh đã biết, nêu vấn đề nhằm kích thích tư duy, tạo hứng thú với bài học mới.



CHỦ ĐỀ 1
CÁCH MẠNG TƯ SẢN VÀ SỰ PHÁT TRIỂN CỦA CHỦ NGHĨA TƯ BẢN

BÀI 1
MỘT SỐ VẤN ĐỀ CHUNG VỀ CÁCH MẠNG TƯ SẢN

Học xong bài này, em sẽ:

- Trình bày được tiền đề của các cuộc cách mạng tư sản về kinh tế, chính trị, xã hội, tư tưởng.
- Phân tích được mục tiêu, nhiệm vụ, giai cấp lãnh đạo, động lực của các cuộc cách mạng tư sản.
- Trình bày được kết quả, ý nghĩa của các cuộc cách mạng tư sản.

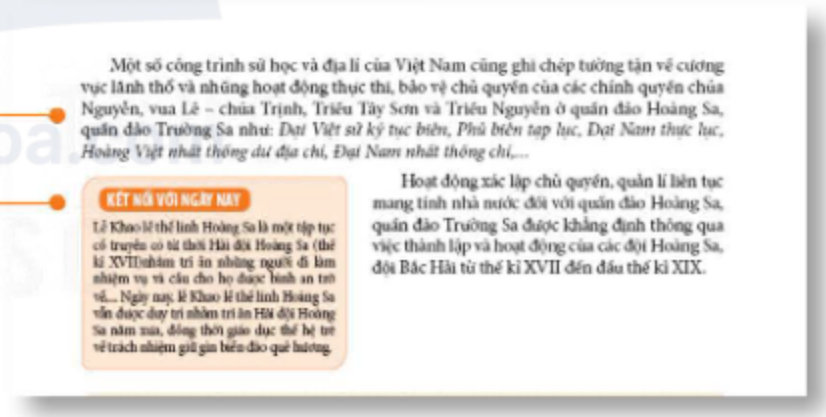
Hình 1. Lễ diễu hành kỉ niệm ngày Quốc khánh Pháp trên Đại lộ Cham Ê-li-dê (Pa-ri) năm 2012

Ngày 14 – 7 – 1789 – Ngày phá ngục Ba-xti, mở đầu Cách mạng tư sản Pháp, sau này được chọn là ngày Quốc khánh của nước Pháp. Vì sao sự kiện này lại được tôn vinh như vậy? Hãy kể tên một số cuộc cách mạng tư sản trong lịch sử nhân loại mà em đã được học. Các cuộc cách mạng tư sản đó có điểm gì chung nổi bật?

6

Hình thành kiến thức mới:

Nội dung của bài học (bao gồm kênh hình và kênh chữ) là các mục nội dung đi kèm các hoạt động học để học sinh tiếp nhận kiến thức mới; được thiết kế theo hai tuyến: chính và phụ.



Một số công trình sử học và địa lí của Việt Nam cũng ghi chép tường tận về cương vực lãnh thổ và những hoạt động thực thi, bảo vệ chủ quyền của các chính quyền chúa Nguyễn, vua Lê – chúa Trịnh, Triều Tây Sơn và Triều Nguyễn ở quần đảo Hoàng Sa, quần đảo Trường Sa như: *Đại Việt sử ký tục biên*, *Phủ biên tạp lục*, *Đại Nam thực lục*, *Hoàng Việt nhất thống dư địa chí*, *Đại Nam nhất thống chí*,...

KẾT NỐI VỚI NGÀY NAY

Lễ Khao lề thế linh Hoàng Sa là một tập tục có truyền có từ thời Hải đội Hoàng Sa (thế kỉ XVII) nhằm tri ân những người đi làm nhiệm vụ và cầu cho họ được bình an trở về,... Ngày nay, lễ Khao lề thế linh Hoàng Sa vẫn được duy trì nhằm tri ân Hải đội Hoàng Sa năm xưa, đồng thời giáo dục thế hệ trẻ về trách nhiệm giữ gìn biển đảo quê hương.

Hoạt động xác lập chủ quyền, quản lí liên tục mang tính nhà nước đối với quần đảo Hoàng Sa, quần đảo Trường Sa được khẳng định thông qua việc thành lập và hoạt động của các đội Hoàng Sa, đội Bắc Hải từ thế kỉ XVII đến đầu thế kỉ XIX.

Tuyến phụ:

Thông tin bổ trợ hoặc có tính liên môn để giải thích, mở rộng, làm rõ nội dung tuyến chính.



EM CÓ BIẾT ?

Bảo tàng Quang Trung ở xã Tây Sơn, tỉnh Gia Lai, khánh thành vào năm 1978. Nơi đây lưu giữ nhiều hiện vật lịch sử liên quan đến cuộc khởi nghĩa Tây Sơn. Hằng năm, bảo tàng thu hút được đông đảo người dân đến tham quan, tìm hiểu về lịch sử.

Hình 7. Tượng Quang Trung ở Bảo tàng Quang Trung

Trình bày ý nghĩa lịch sử của phong trào Tây Sơn.

4. Những bài học lịch sử chính

Các cuộc khởi nghĩa và chiến tranh giải phóng trong lịch sử dân tộc dù thắng lợi hay thất bại đều để lại những bài học lịch sử sâu sắc và giữ nguyên giá trị đến ngày nay.

Thứ nhất, bài học về xây dựng lực lượng. Đây là một trong những nhân tố quyết định thắng lợi của công cuộc chống ngoại xâm của dân tộc.

Hội thề Lũng Nhai với sự tập hợp của các anh hùng hào kiệt các nơi đã đặt cơ sở cho sự hình thành hạt nhân đầu tiên của bộ tham mưu khởi nghĩa Lam Sơn.

Khi Quang Trung tiến quân ra Bắc, đến Nghệ An, ông tổ chức một cuộc duyệt binh lớn, tự mình cưỡi voi ra trận để khích lệ quân sĩ. Tại Thanh Hoá, Quang Trung tuyển mộ thêm binh sĩ và đọc bài dụ quân sĩ tham gia đánh giặc. Nhờ vậy, lực lượng quân Tây Sơn đã tăng

Từ thập kỉ 60 của thế kỉ XVIII, cuộc cách mạng công nghiệp bắt đầu từ Anh, sau đó lan ra các nước Pháp, Đức,... đã tạo ra những chuyển biến to lớn về kinh tế – xã hội, làm thay đổi bộ mặt của các nước này và khẳng định sự thắng lợi của chủ nghĩa tư bản.

Trong thập kỉ 60 – 70 của thế kỉ XIX, các cuộc cách mạng tư sản tiếp diễn dưới những hình thức khác nhau và giành được thắng lợi (như cuộc đấu tranh thống nhất I-ta-li-a, thống nhất Đức,...), dẫn đến sự xác lập chủ nghĩa tư bản ở châu Âu và Bắc Mỹ.



Hình 3. Lễ đăng quang Hoàng đế nước Đức thống nhất (1 – 1871) tại Cung điện Vec-xai (Pháp)

Trình bày sự xác lập của chủ nghĩa tư bản ở châu Âu và Bắc Mỹ.

2. Sự phát triển của chủ nghĩa tư bản

a) Chủ nghĩa đế quốc và quá trình xâm lược thuộc địa

Sự phát triển nhanh chóng của chủ nghĩa tư bản kéo theo nhu cầu ngày càng cao về nguyên liệu và nhân công, dẫn tới việc tăng cường chính sách xâm lược, mở rộng thuộc địa. Cuối thế kỉ XIX – đầu thế kỉ XX, các nước tư bản chuyển sang giai đoạn đế quốc chủ nghĩa.

Chủ nghĩa đế quốc là hệ quả trực tiếp của quá trình xâm lược thuộc địa nhằm tìm kiếm thị trường, thu lợi nhuận và đầu tư tư bản ở nước ngoài.

TƯ LIỆU. "Điều quan trọng là chủ nghĩa tư bản không thể tồn tại và phát triển được nếu không thường xuyên mở rộng phạm vi thống trị của nó, không khai phá những xứ sở mới và không lôi cuốn các xứ sở không phải tư bản chủ nghĩa vào cơn lốc kinh tế thế giới."

(*Lê-nin: Toàn tập*, Tập 3, NXB Chính trị quốc gia, 2005, tr. 751)

13

Tuyến chính:

Nội dung chính của bài học, gồm kênh chữ, kênh hình, tư liệu và các câu hỏi, yêu cầu để định hướng hoạt động học của học sinh.

Tư liệu:

Được trích dẫn từ các nguồn tư liệu khác nhau. Đây cũng là tuyến chính, là ngữ liệu để giáo viên tổ chức các hoạt động dạy học, giúp học sinh tự nhận thức bài học.

Thứ hai, chủ nghĩa tư bản đã và đang phải đối mặt và không thể giải quyết được những vấn đề chính trị, xã hội nan giải.

Tình trạng bất an trong xã hội Mỹ là điều đáng lo ngại cho người dân. Tội ác, bạo lực, tệ nạn xã hội thường xuyên xảy ra. Nạn phân biệt chủng tộc, nhất là sự đối xử bất công với người Mỹ gốc Phi vẫn diễn ra. Nhiều vụ xả súng xảy ra ở các trường học, trên đường phố gây thương vong cho nhiều nạn nhân, chủ yếu là trẻ em.

Thứ ba, chủ nghĩa tư bản không có khả năng giải quyết triệt để các mâu thuẫn xã hội. Sự chênh lệch giàu nghèo làm sâu sắc thêm tình trạng bất bình đẳng trong xã hội.

"Chiếm lấy phố Uôn" hay còn gọi là phong trào "99 chống lại 1" là một phong trào xuất hiện ở nước Mỹ vào đầu năm 2011. Tên của phong trào này nói lên rằng: 1% dân số Mỹ giàu có sở hữu tài sản quốc gia bằng số tài sản của 99% dân số. Phong trào đã lan sang nhiều nước tư bản chủ nghĩa.



Hình 9. Người biểu tình ở Niu Oóc (Mỹ) tham gia phong trào "Chiếm lấy phố Uôn" (2011)

Nêu tiềm năng và thách thức của chủ nghĩa tư bản hiện đại.

LUYỆN TẬP VÀ VẬN DỤNG

Lập bảng tóm tắt những nét chính về sự mở rộng và phát triển của chủ nghĩa tư bản từ cuối thế kỉ XIX đến đầu thế kỉ XX.

1. Có quan điểm cho rằng: Chủ nghĩa tư bản hiện đại ngày nay đã thay đổi về bản chất, không còn là chủ nghĩa tư bản như trước đây. Nêu ý kiến của em về quan điểm này.

2. Sưu tầm tư liệu từ sách, báo, internet về phong trào "Chiếm lấy phố Uôn" và giải thích vì sao phong trào này chỉ sau một thời gian ngắn đã lan ra các bang ở Mỹ và hàng trăm thành phố ở nhiều nước tư bản trên thế giới.

18

Luyện tập:

Các câu hỏi, bài tập để củng cố kiến thức, rèn luyện các kĩ năng gắn với kiến thức vừa học.

Vận dụng:

Các bài tập giúp học sinh vận dụng kiến thức, kĩ năng đã học để giải quyết các tình huống, vấn đề trong thực tiễn.

sach-giao-khoa

CHỦ ĐỀ 1

CÁCH MẠNG TƯ SẢN VÀ SỰ PHÁT TRIỂN CỦA CHỦ NGHĨA TƯ BẢN

BÀI 1

MỘT SỐ VẤN ĐỀ CHUNG VỀ CÁCH MẠNG TƯ SẢN

Học xong bài này, em sẽ:

- Trình bày được tiền đề của các cuộc cách mạng tư sản về kinh tế, chính trị, xã hội, tư tưởng.
- Phân tích được mục tiêu, nhiệm vụ, giai cấp lãnh đạo, động lực của các cuộc cách mạng tư sản.
- Trình bày được kết quả, ý nghĩa của các cuộc cách mạng tư sản.



Hình 1. Lễ diễu hành kỉ niệm ngày Quốc khánh Pháp trên Đại lộ Cham Ê-li-dê (Pa-ri) năm 2012

Ngày 14 – 7 – 1789 – Ngày phá ngục Ba-xti, mở đầu Cách mạng tư sản Pháp, sau này được chọn là ngày Quốc khánh của nước Pháp. Vì sao sự kiện này lại được tôn vinh như vậy? Hãy kể tên một số cuộc cách mạng tư sản trong lịch sử nhân loại mà em đã được học. Các cuộc cách mạng tư sản đó có điểm gì chung nổi bật?

1. Tiền đề của các cuộc cách mạng tư sản

Cách mạng tư sản là cuộc cách mạng do nhiều lực lượng lãnh đạo (tư sản, quý tộc mới, chủ nô,...) nhằm chống lại chế độ phong kiến, thực dân, thiết lập nhà nước tư sản, mở đường cho chủ nghĩa tư bản phát triển,...

Các cuộc cách mạng tư sản bùng nổ và giành thắng lợi từ giữa thế kỉ XVI đến đầu thế kỉ XX dựa trên các tiền đề về kinh tế, chính trị, xã hội và tư tưởng.

a) Kinh tế

Kinh tế tư bản chủ nghĩa ra đời và phát triển trong lòng chế độ phong kiến hoặc chế độ thuộc địa.

Ở Anh, từ giữa thế kỉ XVI, nông nghiệp đã phát triển theo hướng sản xuất hàng hoá và hỗ trợ cho sự phát triển công thương nghiệp. Các ngành luyện sắt, thiếc, đóng tàu phát triển nhanh. Trước năm 1640, sản lượng khai thác than ở Anh chiếm 4/5 tổng sản lượng than ở châu Âu.

13 thuộc địa Anh ở Bắc Mỹ là nguồn cung cấp nguyên liệu (bông, thuốc lá,...) và là thị trường tiêu thụ hàng hoá của chính quốc. Từ giữa thế kỉ XVII đến giữa thế kỉ XVIII, nền kinh tế của 13 thuộc địa ngày càng phát triển. Các công trường thủ công sản xuất phát triển, nhiều trung tâm công nghiệp hình thành ở miền Bắc và miền Trung.

Ở Pháp, đến giữa thế kỉ XVIII, nông nghiệp vẫn rất lạc hậu (năng suất cây trồng thấp, 1/3 diện tích đất bị bỏ hoang,...) song kinh tế công thương nghiệp phát triển mạnh theo hướng tư bản chủ nghĩa (máy hơi nước và máy móc được sử dụng trong khai mỏ, luyện kim,...).

Tuy nhiên, sự phát triển đó gặp phải nhiều rào cản của nhà nước phong kiến hay chính sách cai trị hà khắc của chính quốc đối với thuộc địa. Để mở đường cho chủ nghĩa tư bản phát triển cần phải xoá bỏ những rào cản đó.

TƯ LIỆU 1. "Vì sao mà Mỹ làm cách mạng?

1. Có bao nhiêu thổ sản, Mỹ phải cung cấp cho Anh hết, không được bán cho nước khác.

2. Dân Mỹ không được lập ra lò máy và hội buôn bán.

3. Các nước không được vào buôn bán với Mỹ, chỉ Anh được buôn bán mà thôi. Vì ba điều ấy, lại thêm thuế má nặng nề, làm cho kinh tế rất khốn đốn, nên từ năm 1770, dân Mỹ tức mình "tẩy chay" Anh".

(*Hồ Chí Minh: Toàn tập*, Tập 2, NXB Chính trị quốc gia, 2011, tr. 290)

Khai thác Tư liệu 1 và thông tin trong mục, trình bày tiền đề về kinh tế của các cuộc cách mạng tư sản.

b) Chính trị

Chính sách cai trị của nhà nước phong kiến, thực dân gây ra sự bất mãn ngày càng lớn cho giai cấp tư sản và các tầng lớp khác trong xã hội. Họ đấu tranh để xoá bỏ ách áp bức, bóc lột.

Ở Anh, nhà vua nắm mọi quyền lực, cai trị độc đoán, tự ý đánh thuế mà không cần hỏi ý kiến của Quốc hội. Vua đứng đầu Giáo hội Anh (Anh giáo), tiến hành đàn áp các tín đồ Thanh giáo (tôn giáo cải cách), lập ra các toà án để buộc tội những người chống đối.

Tại 13 thuộc địa Anh ở Bắc Mỹ, chính sách cai trị của thực dân Anh đã tác động tiêu cực đến các tầng lớp trong xã hội. Người dân phải tuân theo các đạo luật khắt khe do Chính phủ Anh đề ra.

TƯ LIỆU 2. "Ở Pháp, vương quyền là đỉnh cao của lâu đài phong kiến và chuyên chế. Nhà vua luôn có quyền hành chuyên chế và vô hạn;... quyết định mọi công việc đối nội và đối ngoại của quốc gia. Triều vua Lu-i XVI là một sự chuyên quyền cao độ. Theo những "mật lệnh có ấn vua" nhằm khủng bố nhân dân, hàng trăm người bị bắt, tù đày ở các nơi trong nước".

(A. Man-phờ-rét, *Đại Cách mạng Pháp 1789*, NXB Khoa học, 1965, tr. 18 – 19)

Khai thác Tư liệu 2 và thông tin trong mục, trình bày tiền đề về chính trị của các cuộc cách mạng tư sản.

c) Xã hội

Những biến đổi về kinh tế làm cho mâu thuẫn xã hội ngày càng gay gắt. Giai cấp tư sản và đồng minh (quý tộc mới ở Anh, chủ nô ở Bắc Mỹ,...) tuy giàu có về kinh tế nhưng không có quyền lực chính trị tương xứng. Họ tìm cách tập hợp quần chúng nhân dân để làm cách mạng.

Ở Anh, nông dân là giai cấp đông đảo nhất trong xã hội. Họ không chỉ chịu ách áp bức nặng nề của Nhà nước, quý tộc phong kiến và Giáo hội Anh giáo mà còn liên tục bị tước đoạt ruộng đất. Nông dân mất đất phải ra thành thị, làm thuê trong các công xưởng hay di cư sang Bắc Mỹ. Ngoài nông dân, cuộc sống của các giai cấp, tầng lớp khác như công nhân, thợ thủ công,... cũng rất khổ cực.

Tại 13 thuộc địa Anh ở Bắc Mỹ, chính sách khai thác thuộc địa của thực dân Anh đã gây ra mâu thuẫn ngày càng gay gắt giữa các tầng lớp nhân dân thuộc địa (tư sản, chủ nô, trại chủ, nông dân,...) với chế độ thực dân.

Ở Pháp, nông dân là giai cấp chiếm đa số. Ngoài việc phải nộp nhiều loại tô, thuế cho lãnh chúa, họ còn phải chịu nhiều nghĩa vụ khác đối với Nhà nước và nhà thờ. Công nhân tập trung ở các thành thị lớn, điều kiện lao động và đời sống rất khó khăn (ngày làm việc kéo dài, lương thấp,...). Những người bình dân thành thị khác như thợ thủ công, người buôn bán nhỏ,... sống tạm bợ, chen chúc nhau trong những vùng ngoại ô. Mâu thuẫn giữa tăng lữ và quý tộc phong kiến với tư sản và các tầng lớp nhân dân ngày càng sâu sắc.



Hình 2. Tình cảnh người nông dân Pháp trước cách mạng (tranh biếm hoạ)

Trình bày tiền đề về xã hội của các cuộc cách mạng tư sản.

d) Tư tưởng

Để tập hợp quần chúng nhân dân, giai cấp tư sản cần có hệ tư tưởng để chống lại hệ tư tưởng phong kiến bảo thủ. Với các cuộc cách mạng nổ ra sớm (Nê-đéc-lan, Anh), khi chưa có hệ tư tưởng của riêng mình, giai cấp tư sản, quý tộc mới đã mượn "ngọn cờ" tôn giáo cải cách để tập hợp quần chúng (đạo Tin Lành ở Hà Lan, Thanh giáo ở Anh). Ở Pháp, nền tảng của hệ tư tưởng dân chủ tư sản chính là Triết học Ánh sáng với các đại diện tiêu biểu là S. Mông-te-xki-ơ, Vôn-te, G. G. Rút-xô.

EM CÓ BIẾT ?

Theo Ph. Ăng-ghen: Những vĩ nhân ở Pháp soi sáng đầu óc mọi người để chuẩn bị cho cuộc cách mạng sắp bùng nổ, cho nên chính họ là những nhà cách mạng phi thường. Họ không chịu khuất phục trước bất kì một thứ uy quyền nào bên ngoài.

S. Mông-te-xki-ơ (1689 – 1755) chủ trương hạn chế quyền của vua, đảm bảo quyền tự do của công dân.

Vôn-te (1694 – 1778) chủ trương xây dựng chính quyền quân chủ sáng suốt, bảo vệ quyền tự do tín ngưỡng, khẳng định quyền tư hữu, là điều kiện cần thiết cho một xã hội có trật tự.

G. G. Rút-xô (1712 – 1778) cho rằng phải xoá bỏ triệt để nền quân chủ, thành lập chế độ cộng hoà.

1. Trình bày tiền đề về tư tưởng của các cuộc cách mạng tư sản.

2. Lựa chọn một cuộc cách mạng tư sản mà em đã học, nêu tiền đề của cuộc cách mạng đó.

2. Mục tiêu, nhiệm vụ, giai cấp lãnh đạo, động lực của các cuộc cách mạng tư sản

a) Mục tiêu và nhiệm vụ

Các cuộc cách mạng tư sản đều nhằm mục tiêu xoá bỏ những rào cản kìm hãm sự phát triển của nền kinh tế tư bản chủ nghĩa, mở đường cho chủ nghĩa tư bản phát triển.

Cách mạng tư sản bao gồm hai nhiệm vụ cơ bản: dân tộc và dân chủ. Nhiệm vụ *dân tộc* nhằm xoá bỏ tình trạng phong kiến cát cứ, hình thành thị trường dân tộc thống nhất (hoặc giải phóng dân tộc). Nhiệm vụ *dân chủ* nhằm xoá bỏ chế độ phong kiến chuyên chế, xác lập nền dân chủ tư sản.

Trong Cách mạng tư sản Anh, tầng lớp quý tộc mới và giai cấp tư sản đấu tranh chống chế độ phong kiến chuyên chế. Cuộc Chiến tranh giành độc lập của 13 thuộc địa Anh ở Bắc Mỹ hướng tới mục tiêu giải phóng dân tộc, lập nên quốc gia mới. Cách mạng tư sản Pháp (cuối thế kỉ XVIII) lật đổ chế độ quân chủ chuyên chế. Cuộc đấu tranh thống nhất Đức, I-ta-li-a nhằm xoá bỏ tình trạng phân tán về chính trị, chia cắt về lãnh thổ. Tất cả các sự kiện đó đều tạo điều kiện cho chủ nghĩa tư bản phát triển.

Phân tích mục tiêu và nhiệm vụ của các cuộc cách mạng tư sản.

sach-giao-khoa.com

b) Giai cấp lãnh đạo và động lực của các cuộc cách mạng tư sản

• ***Giai cấp lãnh đạo***

Lãnh đạo cách mạng tư sản là giai cấp tư sản và đồng minh của họ (chủ nô, quý tộc tư sản hoá,...).

Cách mạng tư sản Anh diễn ra dưới sự lãnh đạo của liên minh tư sản và quý tộc mới, song vai trò quan trọng thuộc về quý tộc mới. Cuộc Chiến tranh giành độc lập của 13 thuộc địa Anh ở Bắc Mỹ diễn ra dưới sự lãnh đạo của liên minh tư sản và chủ nô. Trong Cách mạng tư sản Pháp cuối thế kỉ XVIII, giai cấp tư sản giành độc quyền lãnh đạo cách mạng.

• ***Động lực cách mạng***

Trong các cuộc cách mạng tư sản, giai cấp lãnh đạo và quần chúng nhân dân giữ vai trò quan trọng và là động lực quyết định thắng lợi của cách mạng. Khi quần chúng nhân dân tham gia đông đảo, liên tục thì thắng lợi của cách mạng càng triệt để, tiêu biểu như Cách mạng tư sản Pháp cuối thế kỉ XVIII.

Trong Cách mạng tư sản Anh, quần chúng nhân dân (nông dân, thợ thủ công,...) giữ vai trò quyết định thắng lợi của cách mạng. Trong Chiến tranh giành độc lập ở Bắc Mỹ, trại chủ, nông dân, công nhân, nô lệ ở 13 thuộc địa là lực lượng chính. Với Cách mạng tư sản Pháp, nông dân, thợ thủ công và công nhân tích cực tham gia chống phong kiến cùng các thế lực phản động trong và ngoài nước, trở thành đồng minh quan trọng của giai cấp tư sản.



Hình 3. Cuộc tấn công ngục Ba-xti ngày 14 – 7 – 1789 trong Cách mạng tư sản Pháp

Phân tích giai cấp lãnh đạo và động lực của các cuộc cách mạng tư sản.

3. Kết quả và ý nghĩa của các cuộc cách mạng tư sản

Thắng lợi của các cuộc cách mạng tư sản đã lật đổ nền quân chủ chuyên chế hoặc giành độc lập dân tộc, mở đường cho chủ nghĩa tư bản phát triển. Đầu thập kỉ 70 của thế kỉ XIX, chủ nghĩa tư bản được xác lập trên phạm vi thế giới.

Cách mạng tư sản Anh đặt dấu mốc cho sự xác lập chủ nghĩa tư bản ở Anh, thiết lập chế độ quân chủ lập hiến. Vì vậy, cuộc cách mạng này có ý nghĩa to lớn đối với sự phát triển của xã hội loài người trong buổi đầu chuyển từ chế độ phong kiến sang chế độ tư bản.

Chiến tranh giành độc lập của 13 thuộc địa Anh ở Bắc Mỹ đã giải phóng nhân dân các thuộc địa Anh khỏi ách thống trị thực dân, đưa đến sự thành lập nhà nước tư sản đầu tiên ở ngoài châu Âu, thúc đẩy phong trào giải phóng dân tộc ở khu vực Mỹ La-tinh phát triển và có ảnh hưởng tích cực đến phong trào giành độc lập ở nhiều nơi trên thế giới vào cuối thế kỉ XVIII – đầu thế kỉ XIX.

Trong số các cuộc cách mạng tư sản, Cách mạng Pháp được đánh giá là cuộc cách mạng vĩ đại.

Nhờ giai cấp tư sản giành độc quyền lãnh đạo, sự tham gia tích cực và sáng tạo của quần chúng nhân dân (chủ yếu là nông dân và dân nghèo thành thị) trong tiến trình cách mạng nên các nhiệm vụ của một cuộc cách mạng tư sản đã được giải quyết triệt để. Việc xoá bỏ chế độ quân chủ chuyên chế, thiết lập nền dân chủ tư sản đã mở đường cho nền kinh tế tư bản chủ nghĩa phát triển mạnh mẽ hơn. Trong lịch sử thế giới, Cách mạng Pháp cuối thế kỉ XVIII có ảnh hưởng sâu rộng và ý nghĩa quốc tế lớn lao.

TƯ LIỆU 3. "Không phải không có lí do mà cuộc Cách mạng Pháp được gọi là cuộc cách mạng vĩ đại. Đối với giai cấp mà cuộc cách mạng đó phục vụ, tức giai cấp tư sản, thì cuộc cách mạng đó đã phục vụ được nhiều, khiến cho cả thế kỉ XIX, một thế kỉ đã đem lại văn minh và văn hoá cho toàn thể loài người, đã trôi qua dưới dấu hiệu của cuộc Cách mạng Pháp."

(*Lê-nin: Toàn tập*, Tập 38, NXB Chính trị quốc gia, Hà Nội, 2006, tr. 444)

1. Trình bày kết quả, ý nghĩa của các cuộc cách mạng tư sản.

2. Lựa chọn một cuộc cách mạng tư sản mà em đã học, nêu kết quả, ý nghĩa của cuộc cách mạng đó.

LUYỆN TẬP VÀ VẬN DỤNG

1. Lập bảng tóm tắt những nét chính về mục tiêu, nhiệm vụ, giai cấp lãnh đạo, động lực cách mạng, kết quả, ý nghĩa của các cuộc cách mạng tư sản.

2. Vì sao trong các cuộc cách mạng tư sản, Cách mạng tư sản Pháp cuối thế kỉ XVIII được coi là "đại cách mạng"?

Sưu tầm tư liệu từ sách, báo, internet về một cuộc cách mạng tư sản mà em ấn tượng nhất và viết một đoạn văn ngắn (khoảng 200 chữ) giới thiệu về cuộc cách mạng tư sản đó.

BÀI 2
SỰ XÁC LẬP VÀ PHÁT TRIỂN CỦA CHỦ NGHĨA TƯ BẢN

Học xong bài này, em sẽ:

- Trình bày được sự xác lập của chủ nghĩa tư bản ở châu Âu và Bắc Mỹ.
- Trình bày được quá trình mở rộng xâm lược thuộc địa và phát triển của chủ nghĩa tư bản.
- Trình bày được sự phát triển của chủ nghĩa tư bản từ tự do cạnh tranh sang độc quyền.
- Nêu được khái niệm chủ nghĩa tư bản hiện đại, tiềm năng và thách thức của chủ nghĩa tư bản hiện đại.
- Có nhận thức đúng đắn về tiềm năng và hạn chế của chủ nghĩa tư bản hiện đại. Vận dụng được những hiểu biết về lịch sử chủ nghĩa tư bản để giải thích những vấn đề thời sự của xã hội tư bản hiện nay.

"Giai cấp tư sản trong quá trình thống trị giai cấp chưa đầy một thế kỉ đã tạo ra những lực lượng sản xuất nhiều hơn và đồ sộ hơn lực lượng sản xuất của tất cả các thế hệ trước cộng lại."

(C. Mác – Ph. Ăng-ghen, *Tuyên ngôn của Đảng Cộng sản*, NXB Sự thật, 1983, tr. 60)

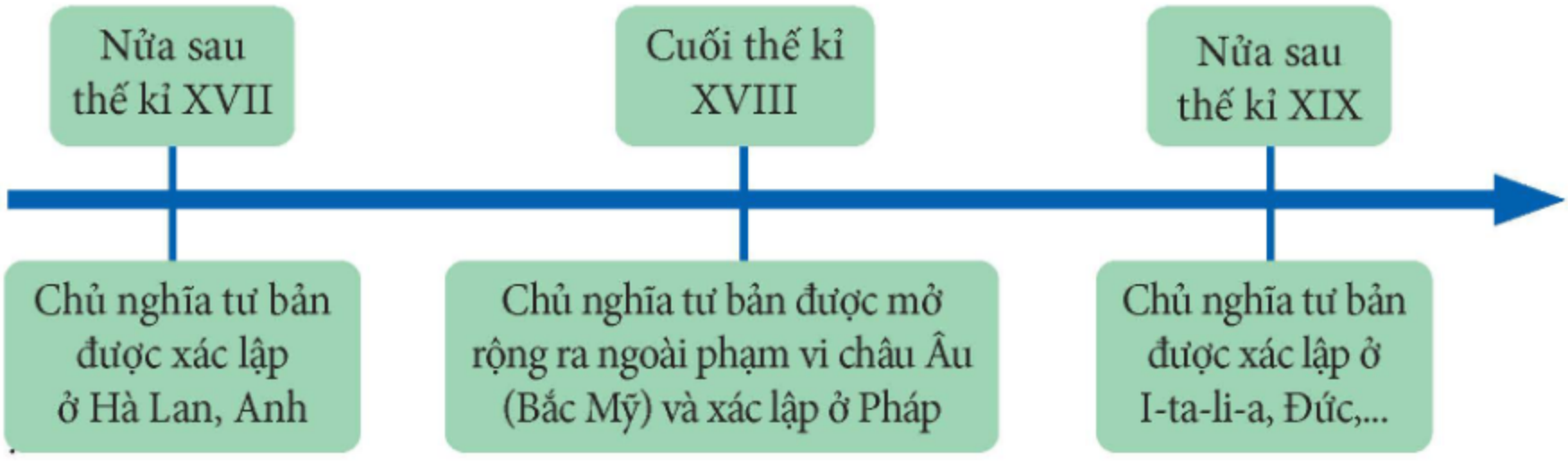
Từ nhận định trên của C. Mác và Ph. Ăng-ghen, hãy chia sẻ những hiểu biết của em về sự xác lập, mở rộng và phát triển của chủ nghĩa tư bản.



Hình 1. Bìa *Tuyên ngôn của Đảng Cộng sản*

1. Sự xác lập chủ nghĩa tư bản ở châu Âu và Bắc Mỹ

Ở châu Âu, sau Cách mạng tư sản Anh và đặc biệt là Cách mạng tư sản Pháp, chủ nghĩa tư bản từng bước được xác lập. Chiến tranh giành độc lập của 13 thuộc địa Anh ở Bắc Mỹ cuối thế kỉ XVIII đánh dấu sự mở rộng của chủ nghĩa tư bản ở ngoài châu Âu.



Hình 2. Sơ đồ sự xác lập của chủ nghĩa tư bản ở châu Âu và Bắc Mỹ

Từ thập kỉ 60 của thế kỉ XVIII, cuộc cách mạng công nghiệp bắt đầu từ Anh, sau đó lan ra các nước Pháp, Đức,... đã tạo ra những chuyển biến to lớn về kinh tế – xã hội, làm thay đổi bộ mặt của các nước này và khẳng định sự thắng lợi của chủ nghĩa tư bản.

Trong thập kỉ 60 – 70 của thế kỉ XIX, các cuộc cách mạng tư sản tiếp diễn dưới những hình thức khác nhau và giành được thắng lợi (như cuộc đấu tranh thống nhất I-ta-li-a, thống nhất Đức,...), dẫn đến sự xác lập chủ nghĩa tư bản ở châu Âu và Bắc Mỹ.



Hình 3. Lễ đăng quang Hoàng đế nước Đức thống nhất (1 – 1871) tại Cung điện Véc-xai (Pháp)

Trình bày sự xác lập của chủ nghĩa tư bản ở châu Âu và Bắc Mỹ.

2. Sự phát triển của chủ nghĩa tư bản

a) Chủ nghĩa đế quốc và quá trình xâm lược thuộc địa

Sự phát triển nhanh chóng của chủ nghĩa tư bản kéo theo nhu cầu ngày càng cao về nguyên liệu và nhân công, dẫn tới việc tăng cường chính sách xâm lược, mở rộng thuộc địa. Cuối thế kỉ XIX – đầu thế kỉ XX, các nước tư bản chuyển sang giai đoạn đế quốc chủ nghĩa.

Chủ nghĩa đế quốc là hệ quả trực tiếp của quá trình xâm lược thuộc địa nhằm tìm kiếm thị trường, thu lợi nhuận và đầu tư tư bản ở nước ngoài.

TƯ LIỆU. "Điều quan trọng là chủ nghĩa tư bản không thể tồn tại và phát triển được nếu không thường xuyên mở rộng phạm vi thống trị của nó, không khai phá những xứ sở mới và không lôi cuốn các xứ sở không phải tư bản chủ nghĩa vào cơn lốc kinh tế thế giới."

(*Lê-nin*: *Toàn tập*, Tập 3, NXB Chính trị quốc gia, 2005, tr. 751)

Trong quá trình xâm lược thuộc địa, các nước đế quốc đã thiết lập hệ thống thuộc địa ở châu Á, châu Phi và khu vực Mỹ La-tinh.

Trong số các nước đế quốc, nước Anh được mệnh danh là "đế quốc mà Mặt Trời không bao giờ lặn". Đến năm 1914, thuộc địa của Anh đã rộng tới 33 triệu km^2 với 400 triệu người, chiếm 1/4 diện tích và 1/4 dân số thế giới, gấp 12 lần thuộc địa của Đức và 3 lần thuộc địa của Pháp.

Trình bày quá trình mở rộng xâm lược thuộc địa của chủ nghĩa tư bản.

b) Sự mở rộng và phát triển của chủ nghĩa tư bản

Nửa đầu thế kỉ XIX, tại hàng loạt các thuộc địa của thực dân Tây Ban Nha và Bồ Đào Nha ở khu vực Mỹ La-tinh đã bùng nổ phong trào đấu tranh giành độc lập, đưa đến sự thành lập các quốc gia tư sản.



Hình 4. Lược đồ thuộc địa của các nước châu Âu ở khu vực Mỹ La-tinh và năm các thuộc địa giành được độc lập

Ở châu Á, cuộc Duy tân Minh Trị bắt đầu từ năm 1868, đưa Nhật Bản từ một nước phong kiến trở thành nước tư bản chủ nghĩa.

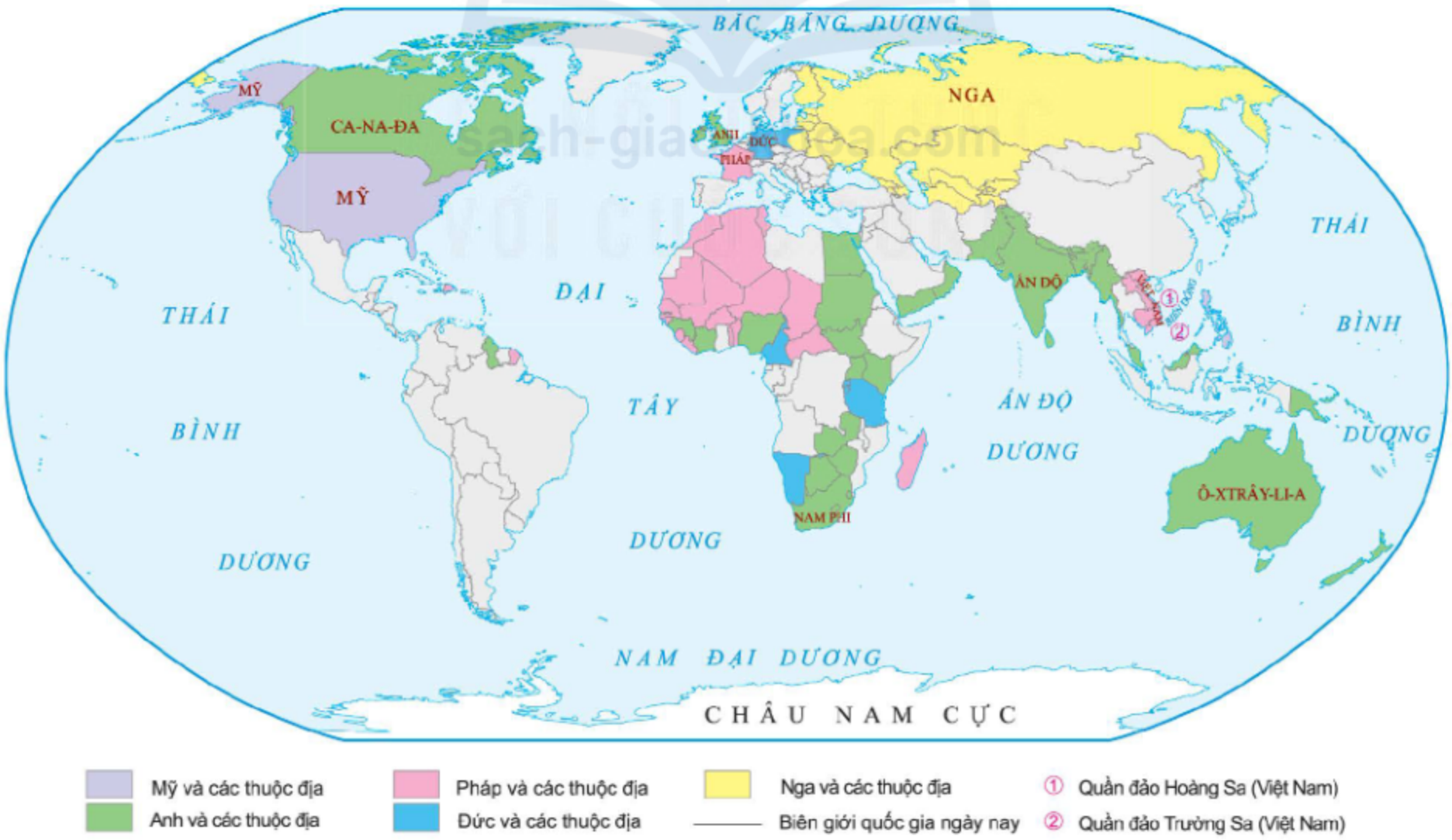
Cuộc Duy tân Minh Trị bao gồm những cải cách trên các lĩnh vực: chính trị, kinh tế, quân sự, văn hoá, xã hội, giáo dục,... Cuộc cải cách đã đưa nền kinh tế Nhật Bản phát triển mạnh mẽ trong những năm cuối thế kỉ XIX – đầu thế kỉ XX, giúp Nhật Bản tránh được nguy cơ bị xâm lược từ các cường quốc thực dân phương Tây; đồng thời biến nước này thành một nước đế quốc chủ nghĩa, gắn với cuộc xâm lược thuộc địa ở khu vực Đông Bắc Á.



Hình 5. Một con phố ở Nhật Bản cuối thế kỉ XIX

Ở Trung Quốc, Cách mạng Tân Hợi (1911) do những trí thức cấp tiến và tiểu tư sản lãnh đạo đã lật đổ triều đại Mãn Thanh, chấm dứt chế độ quân chủ chuyên chế tồn tại lâu đời ở Trung Quốc. Mặc dù cuộc cách mạng này không thực sự thủ tiêu giai cấp địa chủ phong kiến nhưng đã mở đường cho chủ nghĩa tư bản phát triển ở quốc gia rộng lớn và đông dân nhất châu Á.

Trong những năm cuối thế kỉ XIX – đầu thế kỉ XX, cùng với việc các nước đế quốc đẩy mạnh xâm lược thuộc địa, chủ nghĩa tư bản đã mở rộng phạm vi ảnh hưởng trên toàn thế giới.



Hình 6. Lược đồ các đế quốc và thuộc địa đầu thế kỉ XX

1. Trình bày sự mở rộng và phát triển của chủ nghĩa tư bản cuối thế kỉ XIX – đầu thế kỉ XX.
2. Em có nhận xét gì về tốc độ mở rộng và phát triển của chủ nghĩa tư bản cuối thế kỉ XIX – đầu thế kỉ XX?

c) Chủ nghĩa tư bản từ tự do cạnh tranh sang độc quyền

Thời kì xác lập chủ nghĩa tư bản là thời kì tự do cạnh tranh của chủ nghĩa tư bản. Cuối thế kỉ XIX – đầu thế kỉ XX, chủ nghĩa tư bản chuyển sang giai đoạn độc quyền.

Trong khoảng 3 thập kỉ (cuối thế kỉ XIX – đầu thế kỉ XX), việc sử dụng những nguồn năng lượng mới cùng nhiều thành tựu khoa học – kĩ thuật đã thúc đẩy sự phát triển mạnh mẽ của nền kinh tế tư bản chủ nghĩa.

Cùng với sự phát triển kinh tế, quá trình cạnh tranh gay gắt làm cho các xí nghiệp vừa và nhỏ bị phá sản, dẫn đến sự xuất hiện những xí nghiệp khổng lồ và các tổ chức độc quyền.

Tổ chức độc quyền là sự liên minh giữa các nhà tư bản lớn để tập trung vào tay mình phần lớn việc sản xuất hoặc tiêu thụ một số hàng hoá nhằm thu lợi nhuận cao. Các hình thức tiêu biểu của tổ chức độc quyền là các-ten, xanh-đi-ca ở Đức và Pháp, tơ-rớt ở Mỹ.



Hình 7. Tranh biếm hoạ về một công ti độc quyền dầu mỏ ở Mỹ (1904)

Sự phát triển của các tổ chức độc quyền tạo ra cơ sở cho bước chuyển của chủ nghĩa tư bản từ tự do cạnh tranh sang độc quyền. Trong giai đoạn này, các tổ chức tư bản độc quyền đã chi phối sự phát triển của toàn bộ nền kinh tế.

Đầu thế kỉ XX, các tổ chức độc quyền ở Pháp, Mỹ, Anh chỉ chiếm khoảng 1% tổng số xí nghiệp toàn thế giới nhưng lại chiếm hơn 3/4 tổng số máy hơi nước và động cơ điện, số lượng công nhân; tổng số sản phẩm được làm ra chiếm gần một nửa so với toàn thế giới.

1. Khai thác Hình 7 và thông tin trong mục, cho biết quyền lực của các tổ chức độc quyền được thể hiện như thế nào?
2. Trình bày sự phát triển của chủ nghĩa tư bản từ tự do cạnh tranh sang độc quyền.

3. Chủ nghĩa tư bản hiện đại

a) Khái niệm chủ nghĩa tư bản hiện đại

Chủ nghĩa tư bản hiện đại là thuật ngữ dùng để chỉ một giai đoạn phát triển của chủ nghĩa tư bản từ sau Chiến tranh thế giới thứ hai đến nay với những biểu hiện mới, tiêu biểu là sự kết hợp giữa sức mạnh kinh tế của các tổ chức độc quyền tư nhân với sức mạnh chính trị của nhà nước tư sản. Chủ nghĩa tư bản hiện đại có sức sản xuất phát triển cao trên cơ sở những thành tựu của cách mạng khoa học – công nghệ, có lực lượng lao động đáp ứng sự phát triển nhảy vọt của nền sản xuất, đồng thời không ngừng điều chỉnh để tồn tại và phát triển trong bối cảnh mới.

Nêu khái niệm chủ nghĩa tư bản hiện đại.

b) Tiềm năng và thách thức của chủ nghĩa tư bản hiện đại

- ***Tiềm năng***

Tiềm năng của chủ nghĩa tư bản hiện đại được biểu hiện cụ thể trên các lĩnh vực như: kinh tế, khoa học – công nghệ, kinh nghiệm quản lí, khả năng tự điều chỉnh để tồn tại và phát triển,...

Chủ nghĩa tư bản có ưu thế trong việc sử dụng những thành tựu của cuộc Cách mạng công nghiệp lần thứ tư để phát triển kinh tế. Các nước tư bản phát triển trở thành trung tâm kinh tế, tài chính, khoa học – công nghệ của thế giới, có quy mô nền kinh tế và thu nhập bình quân đầu người thuộc hàng cao nhất thế giới.

EM CÓ BIẾT ?

Nhóm G7 được sáng lập năm 1976 là diễn đàn kinh tế của 7 quốc gia tư bản phát triển là Mỹ, Ca-na-đa, Anh, Pháp, Đức, I-ta-li-a và Nhật Bản.

- ***Thách thức***

Chủ nghĩa tư bản hiện đại đang phải đối mặt với nhiều thách thức.

Thứ nhất, chủ nghĩa tư bản đang phải đối mặt và khó có thể giải quyết được những cuộc khủng hoảng kinh tế, tài chính mang tính toàn cầu.

Từ cuộc khủng hoảng dầu mỏ năm 1973 đến nay, tuy các nước tư bản phát triển đã coi trọng tìm kiếm các nguồn năng lượng mới, xanh và sạch, tuy nhiên, sự phụ thuộc của các nước vào dầu mỏ vẫn rất lớn. Khủng hoảng năng lượng tiếp tục gây ra nhiều tác động tiêu cực đến các nước tư bản: lạm phát cao, ô nhiễm môi trường,...



Hình 8. Biểu tình chống biến đổi khí hậu ở Anh (2019)

sach-giao-khoa.com

Thứ hai, chủ nghĩa tư bản đã và đang phải đối mặt và không thể giải quyết được những vấn đề chính trị, xã hội nan giải.

Tình trạng bất an trong xã hội Mỹ là điều đáng lo ngại cho người dân. Tội ác, bạo lực, tệ nạn xã hội thường xuyên xảy ra. Nạn phân biệt chủng tộc, nhất là sự đối xử bất công với người Mỹ gốc Phi vẫn diễn ra. Nhiều vụ xả súng xảy ra ở các trường học, trên đường phố gây thương vong cho nhiều nạn nhân, chủ yếu là trẻ em.

Thứ ba, chủ nghĩa tư bản không có khả năng giải quyết triệt để các mâu thuẫn xã hội. Sự chênh lệch giàu nghèo làm sâu sắc thêm tình trạng bất bình đẳng trong xã hội.

"Chiếm lấy phố Uôn" hay còn gọi là phong trào "99 chống lại 1" là một phong trào xuất hiện ở nước Mỹ vào đầu năm 2011. Tên của phong trào này nói lên rằng: 1% dân số Mỹ giàu có sở hữu tài sản quốc gia bằng số tài sản của 99% dân số. Phong trào đã lan sang nhiều nước tư bản chủ nghĩa.



Hình 9. Người biểu tình ở Niu Oóc (Mỹ) tham gia phong trào "Chiếm lấy phố Uôn" (2011)

Nêu tiềm năng và thách thức của chủ nghĩa tư bản hiện đại.

LUYỆN TẬP VÀ VẬN DỤNG

Lập bảng tóm tắt những nét chính về sự mở rộng và phát triển của chủ nghĩa tư bản từ cuối thế kỉ XIX đến đầu thế kỉ XX.

1. Có quan điểm cho rằng: Chủ nghĩa tư bản hiện đại ngày nay đã thay đổi về bản chất, không còn là chủ nghĩa tư bản như trước đây. Nêu ý kiến của em về quan điểm này.

2. Sưu tầm tư liệu từ sách, báo, internet về phong trào "Chiếm lấy phố Uôn" và giải thích vì sao phong trào này chỉ sau một thời gian ngắn đã lan ra các bang ở Mỹ và hàng trăm thành phố ở nhiều nước tư bản trên thế giới.

CHỦ ĐỀ 2

CHỦ NGHĨA XÃ HỘI TỪ NĂM 1917 ĐẾN NAY

BÀI 3

SỰ HÌNH THÀNH LIÊN BANG CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA XÔ VIẾT

Học xong bài này, em sẽ:

- Trình bày được quá trình hình thành Liên bang Cộng hoà xã hội chủ nghĩa Xô viết.
- Phân tích được ý nghĩa sự ra đời của Liên bang Cộng hoà xã hội chủ nghĩa Xô viết.

Trong *Lời mở đầu* của tác phẩm *Mười ngày rung chuyển thế giới (Ten days that shook the World)*, nhà báo Giôn Rít (Mỹ) đã đánh giá Cách mạng tháng Mười Nga năm 1917 là "một trong những sự kiện vĩ đại nhất của lịch sử", mở đường cho sự ra đời Liên bang Cộng hoà xã hội chủ nghĩa Xô viết. Tác phẩm đã được xuất bản ở nhiều nước trên thế giới. Vì sao Cách mạng tháng Mười Nga được đánh giá cao như vậy? Hãy chia sẻ những hiểu biết của em về quá trình hình thành và ý nghĩa của sự ra đời Liên bang Cộng hoà xã hội chủ nghĩa Xô viết.

1. Quá trình hình thành Liên bang Cộng hoà xã hội chủ nghĩa Xô viết

Sau thắng lợi của Cách mạng tháng Mười Nga, nhiệm vụ hàng đầu của Chính quyền Xô viết là đập tan bộ máy nhà nước cũ, xây dựng nhà nước mới của những người lao động. Đại hội Xô viết toàn Nga lần thứ hai, khai mạc đêm 25 – 10 –1917 (ngày 7 – 11 – 1917 theo lịch mới) tại Điện Xmô-nưi, ra tuyên bố thành lập Chính quyền Xô viết do Lê-nin đứng đầu.



Hình 1. Lê-nin tuyên bố thành lập Chính quyền Xô viết (1917)

TƯ LIỆU. Tại Đại hội Xô viết toàn Nga lần thứ hai, Lê-nin nhấn mạnh: "Bây giờ đây, ở nước Nga, chúng ta cần phải đặt hết tâm trí vào việc xây dựng một nhà nước vô sản xã hội chủ nghĩa".

(*Lê-nin: Toàn tập*, Tập 35, NXB Chính trị quốc gia, 2006, tr. 3)

Trong cuộc chiến đấu chống thù trong, giặc ngoài (1918 – 1921), các nước Cộng hoà xã hội chủ nghĩa trên đất nước Xô viết đã đoàn kết, giúp đỡ lẫn nhau để giữ vững chính quyền Xô viết. Chiến tranh kết thúc, nhiệm vụ khôi phục kinh tế, xây dựng chủ nghĩa xã hội và bảo vệ đất nước đòi hỏi sự liên minh chặt chẽ hơn nữa, nhất là sự thống nhất trên cơ sở nhà nước của các nước Cộng hoà Xô viết.

Tư tưởng chỉ đạo của Lê-nin trong việc thành lập Liên bang Cộng hoà xã hội chủ nghĩa Xô viết là sự bình đẳng về mọi mặt, quyền dân tộc tự quyết và xây dựng một cộng đồng anh em giữa các dân tộc.

Ngày 30 – 12 – 1922, tại Mát-xcơ-va, dưới sự chỉ đạo trực tiếp của Lê-nin, Đại hội lần thứ nhất các Xô viết toàn Liên bang đã thông qua bản *Tuyên ngôn* thành lập Liên bang Cộng hoà xã hội chủ nghĩa Xô viết (gọi tắt là Liên Xô) và bản Hiệp ước Liên bang.

Khi mới thành lập, Liên Xô gồm 4 nước Cộng hoà Xô viết là Nga, U-crai-na, Bê-lô-rút-xi-a và Ngoại Cáp-ca-dơ. Đến năm 1940, Liên Xô gồm 15 nước cộng hoà.

EM CÓ BIẾT ?

Hiến pháp Liên Xô mô tả: Quốc huy Liên Xô là biểu tượng quốc gia, bao gồm hình ảnh búa liềm trên quả địa cầu được vẽ trên nền những tia nắng mặt trời, xung quanh là những bông lúa mì, với dòng chữ "Giai cấp vô sản thế giới đoàn kết lại".



Hình 2. Quốc huy đầu tiên của Liên Xô (1923)

Tháng 1 – 1924, bản Hiến pháp đầu tiên của Liên Xô được thông qua, hoàn thành quá trình thành lập Nhà nước Liên bang Cộng hoà xã hội chủ nghĩa đầu tiên trên thế giới.

Hiến pháp Liên Xô năm 1924 ghi nhận việc hợp tác trên cơ sở tự nguyện của các nước Cộng hoà Xô viết thành một nhà nước Liên bang, phân định các quyền của Liên bang và của các nước Cộng hoà, quy định cơ cấu tổ chức cơ quan Nhà nước tối cao Liên bang và các nước Cộng hoà.

Hiến pháp phản ánh con đường giải quyết vấn đề dân tộc trong một quốc gia nhiều dân tộc, trên cơ sở nguyên tắc bình đẳng và tình hữu nghị giữa các dân tộc.

Ngày 21 – 1 – 1924, V. I. Lê-nin – vị lãnh tụ vĩ đại của giai cấp vô sản, người đứng đầu Đảng và Nhà nước Xô viết qua đời. Xta-lin tiếp tục lãnh đạo công cuộc xây dựng và bảo vệ đất nước Liên Xô.

Trình bày quá trình hình thành Liên bang Cộng hoà xã hội chủ nghĩa Xô viết.

2. Ý nghĩa của sự ra đời Liên bang Cộng hoà xã hội chủ nghĩa Xô viết

Ý nghĩa trong nước: Quá trình thành lập Liên bang Cộng hoà xã hội chủ nghĩa Xô viết phù hợp với lợi ích chung của các dân tộc trên đất nước Xô viết. Sức mạnh của tình đoàn kết và sự hợp tác, giúp đỡ giữa các dân tộc tạo điều kiện cho sự phát triển nhanh chóng về kinh tế, xã hội của tất cả các nước Cộng hoà, đồng thời tăng cường vị thế của Liên Xô trên trường quốc tế.

Việc thành lập Liên Xô dưới sự chỉ đạo của V. I. Lê-nin đã mở ra con đường giải quyết đúng đắn vấn đề dân tộc trên đất nước Xô viết trên cơ sở bình đẳng và sự giúp đỡ lẫn nhau.

Ý nghĩa quốc tế: Liên Xô trở thành biểu tượng và là chỗ dựa về tinh thần, vật chất to lớn cho phong trào cách mạng thế giới. Những thành tựu của Liên Xô đã cổ vũ, lôi cuốn mạnh mẽ phong trào giải phóng dân tộc tại những nước thuộc địa ở châu Á, châu Phi và khu vực Mỹ La-tinh, đồng thời tạo tiền đề cho sự ra đời của hệ thống xã hội chủ nghĩa.



Hình 3. Tượng Liên minh công nông – biểu tượng của Nhà nước Xô viết ở ngoại ô Mát-xcơ-va (Nga) ngày nay

Phân tích ý nghĩa việc thành lập Liên bang Cộng hoà xã hội chủ nghĩa Xô viết.

sach-giao-khoa.com

LUYỆN TẬP VÀ VẬN DỤNG

1. Lập bảng tóm tắt quá trình hình thành Liên bang Cộng hoà xã hội chủ nghĩa Xô viết.

2. Vì sao nói: Liên Xô trở thành chỗ dựa tinh thần, vật chất cho phong trào cách mạng thế giới.

Theo kết quả cuộc khảo sát (năm 2021) của Trung tâm Nghiên cứu dư luận xã hội toàn Nga, khoảng 67% người được hỏi có mong muốn khôi phục Liên Xô. Theo em, vì sao cho đến nay có nhiều người dân Nga vẫn tôn trọng và mong muốn gìn giữ những giá trị của Liên bang cộng hoà xã hội chủ nghĩa Xô viết?

BÀI 4
SỰ PHÁT TRIỂN CỦA CHỦ NGHĨA XÃ HỘI TỪ SAU CHIẾN TRANH THẾ GIỚI THỨ HAI ĐẾN NAY

Học xong bài này, em sẽ:

- Trình bày được sự phát triển của chủ nghĩa xã hội ở Đông Âu sau Chiến tranh thế giới thứ hai, nêu được sự mở rộng của chủ nghĩa xã hội ở châu Á và khu vực Mỹ La-tinh.
- Giải thích được nguyên nhân dẫn tới sự sụp đổ của mô hình chủ nghĩa xã hội ở Đông Âu và Liên Xô.
- Nêu được nét chính về chủ nghĩa xã hội từ năm 1991 đến nay và những thành tựu, ý nghĩa của công cuộc cải cách mở cửa ở Trung Quốc.
- Có ý thức trân trọng thành tựu, giá trị của chủ nghĩa xã hội, sẵn sàng tham gia đóng góp vào công cuộc xây dựng chủ nghĩa xã hội ở Việt Nam.

Sau Chiến tranh thế giới thứ hai, chủ nghĩa xã hội được mở rộng ở Đông Âu, một số nước châu Á và khu vực Mỹ La-tinh, trở thành một hệ thống thế giới. Trong quá trình phát triển, chủ nghĩa xã hội đã vượt qua những khó khăn, thách thức, tiến hành cải cách, đổi mới và tiếp tục khẳng định vị trí quan trọng của mình trong tiến trình lịch sử thế giới. Hãy chia sẻ những điều em biết về sự phát triển và thành tựu của chủ nghĩa xã hội từ sau Chiến tranh thế giới thứ hai đến nay.

1. Sự phát triển của chủ nghĩa xã hội sau Chiến tranh thế giới thứ hai

a) Sự phát triển của chủ nghĩa xã hội ở Đông Âu

Thắng lợi của Hồng quân Liên Xô trong việc tiêu diệt chủ nghĩa phát xít ở châu Âu đã tạo điều kiện thuận lợi cho nhân dân các nước Đông Âu nổi dậy giành chính quyền, thành lập nhà nước dân chủ nhân dân.

Một loạt Nhà nước dân chủ nhân dân ở Đông Âu được thành lập như: Cộng hoà Nhân dân Ba Lan (1944), Cộng hoà Nhân dân Ru-ma-ni (1944), Cộng hoà Hung-ga-ri (1945), Cộng hoà Tiệp Khắc (1945), Liên bang Cộng hoà Dân chủ Nhân dân Nam Tư (1945), Cộng hoà Nhân dân An-ba-ni (1945), Cộng hoà Bun-ga-ri (1946), Cộng hoà Dân chủ Đức (1949).



Hình 1. Lược đồ các nước dân chủ nhân dân ở Đông Âu sau Chiến tranh thế giới thứ hai

Những thành tựu của Liên Xô sau Chiến tranh thế giới thứ hai là nguồn cổ vũ mạnh mẽ cho công cuộc xây dựng chủ nghĩa xã hội ở Đông Âu. Quá trình phát triển của chủ nghĩa xã hội ở Đông Âu từ năm 1945 đến giữa những năm 70 của thế kỉ XX trải qua hai giai đoạn chính.

Bảng tóm tắt nét chính về sự phát triển của chủ nghĩa xã hội ở Đông Âu từ năm 1945 đến giữa những năm 70 của thế kỉ XX

Giai đoạn	Nét chính
Từ năm 1945 đến năm 1949	Sau khi thành lập chính quyền dân chủ nhân dân, các nước Đông Âu hoàn thành việc thực hiện những nhiệm vụ của cách mạng dân chủ nhân dân: tiến hành cải cách ruộng đất; quốc hữu hoá các nhà máy, xí nghiệp của tư bản; thực hiện các quyền tự do, dân chủ;...
Từ năm 1949 đến giữa những năm 70	• Đây là giai đoạn phát triển của công cuộc xây dựng chủ nghĩa xã hội ở Đông Âu. • Với sự giúp đỡ của Liên Xô, sự nỗ lực của toàn thể nhân dân, các nước Đông Âu thực hiện công nghiệp hoá, điện khí hoá toàn quốc, phát triển nông nghiệp,... Từ những nước nghèo, các nước xã hội chủ nghĩa Đông Âu trở thành những quốc gia có nền công nghiệp, nông nghiệp phát triển.

Trình bày nét chính về sự phát triển của chủ nghĩa xã hội ở các nước Đông Âu từ sau Chiến tranh thế giới thứ hai đến giữa những năm 70 của thế kỉ XX.

b) Sự mở rộng của chủ nghĩa xã hội ở châu Á và khu vực Mỹ La-tinh

- ***Sự mở rộng của chủ nghĩa xã hội ở châu Á***

Thắng lợi của Hồng quân Liên Xô trong Chiến tranh thế giới thứ hai đã thúc đẩy phong trào giải phóng dân tộc ở châu Á phát triển mạnh mẽ.

Sau khi Trung Quốc hoàn thành cuộc cách mạng dân tộc dân chủ nhân dân, năm 1949, nước Cộng hoà Nhân dân Trung Hoa được thành lập và lựa chọn con đường đi lên chủ nghĩa xã hội.



Hình 2. Mao Trạch Đông tuyên bố thành lập nước Cộng hoà Nhân dân Trung Hoa (1949)

Cuộc kháng chiến chống thực dân Pháp thắng lợi năm 1954, miền Bắc Việt Nam được giải phóng và tiến hành xây dựng chủ nghĩa xã hội. Sau khi giải phóng hoàn toàn miền Nam (4 – 1975) và hoàn thành thống nhất đất nước về mặt Nhà nước (1976), cả nước Việt Nam tiến lên xây dựng chủ nghĩa xã hội.

Tháng 12 – 1975, sau khi hoàn thành cách mạng giải phóng đất nước, nước Cộng hoà Dân chủ Nhân dân Lào chính thức thành lập và đi lên con đường xây dựng chủ nghĩa xã hội.

Việc các nước châu Á lựa chọn con đường xây dựng chủ nghĩa xã hội đã đánh dấu sự mở rộng, tăng cường sức mạnh của chủ nghĩa xã hội trên phạm vi toàn cầu.

• ***Sự mở rộng chủ nghĩa xã hội ở khu vực Mỹ La-tinh***

Sau thắng lợi của cách mạng Cu-ba năm 1959, nước Cộng hoà Cu-ba được thành lập. Chính phủ cách mạng đã tiến hành những cải cách dân chủ trên các lĩnh vực kinh tế, chính trị, xã hội. Từ năm 1961, Cu-ba bước vào thời kì xây dựng xã hội chủ nghĩa. Mặc dù phải đối mặt với nhiều khó khăn, thách thức, đặc biệt là chính sách cấm vận của Mỹ, nhưng nhân dân Cu-ba vẫn kiên định đi theo con đường xã hội chủ nghĩa.

Công cuộc xây dựng chủ nghĩa xã hội của Cu-ba đạt được nhiều thành tựu to lớn. Từ nền nông nghiệp độc canh (bông, mía) và công nghiệp đơn nhất (khai thác mỏ), Cu-ba đã xây dựng được nền công nghiệp với cơ cấu các ngành hợp lí; nền nông nghiệp phát triển đa dạng; giáo dục, y tế, văn hoá đạt trình độ phát triển cao.

EM CÓ BIẾT ?

Trước Chiến tranh thế giới thứ hai, Liên Xô là nước xã hội chủ nghĩa duy nhất trên thế giới, chiếm khoảng 17% diện tích, 9% dân số và 7% sản lượng công nghiệp của thế giới. Sau Chiến tranh thế giới thứ hai, hệ thống xã hội chủ nghĩa chiếm khoảng 1/4 diện tích, 35% dân số và 30% giá trị tổng sản lượng công nghiệp toàn thế giới.

Sau Chiến tranh thế giới thứ hai, chủ nghĩa xã hội từ phạm vi một nước đã trở thành một hệ thống thế giới, trải dài từ châu Âu sang châu Á, lan tới vùng biển Ca-ri-bê thuộc khu vực Mỹ La-tinh. Các nước xã hội chủ nghĩa ngày càng phát triển và lớn mạnh, có vị trí quan trọng trên thế giới.

Nêu những nét chính về sự mở rộng của chủ nghĩa xã hội ở châu Á (Trung Quốc, Việt Nam, Lào) và khu vực Mỹ La-tinh (Cu-ba).

2. Nguyên nhân khủng hoảng, sụp đổ của chủ nghĩa xã hội ở Đông Âu và Liên Xô

Từ nửa sau những năm 70, tốc độ tăng trưởng kinh tế của các nước xã hội chủ nghĩa Đông Âu bắt đầu có sự suy giảm.

Từ những năm 80, các nước Đông Âu lâm vào thời kì suy thoái, khủng hoảng kinh tế – xã hội trầm trọng. Cuối những năm 80, chế độ chủ nghĩa xã hội tan rã ở các nước Đông Âu. Ở Đức, sau khi Bức tường Béc-lin sụp đổ (1989), việc thống nhất nước Đức được thực hiện với sự sáp nhập Cộng hoà Dân chủ Đức vào Cộng hoà Liên bang Đức (1990).



Hình 3. Bức tường Béc-lin bị phá bỏ (11 – 1989)

Ở Liên Xô, sự thất bại của công cuộc cải tổ đã đẩy đất nước lâm vào tình trạng khủng hoảng. Tháng 12 – 1991, Nhà nước Liên bang Xô viết tan rã, chấm dứt chế độ xã hội chủ nghĩa ở Liên Xô sau hơn 70 năm tồn tại.

TƯ LIỆU. "Do duy trì quá lâu những khiếm khuyết của mô hình cũ của chủ nghĩa xã hội, chậm trễ trong cách mạng khoa học và công nghệ, nhiều nước xã hội chủ nghĩa đã lâm vào khủng hoảng trầm trọng. Ở một số nước, Đảng Cộng sản và công nhân không còn nắm vai trò lãnh đạo, chế độ xã hội đã thay đổi."

(Đảng Cộng sản Việt Nam, *Cương lĩnh xây dựng đất nước trong thời kì quá độ lên chủ nghĩa xã hội, Văn kiện Đảng toàn tập*, Tập 51, NXB Chính trị quốc gia, 1991, tr. 132)

Nguyên nhân dẫn đến sự khủng hoảng và sụp đổ của chủ nghĩa xã hội ở Đông Âu và Liên Xô là tổng hợp của nhiều yếu tố. Trong đó, nguyên nhân cơ bản bao gồm:

Thứ nhất, do đường lối lãnh đạo của Đảng Cộng sản ở Liên Xô và các nước Đông Âu mang tính chủ quan, duy ý chí; áp dụng máy móc mô hình kinh tế tập trung, quan liêu, bao cấp trong nhiều năm; chậm đổi mới cơ chế và hệ thống quản lí kinh tế.

Thứ hai, những thành tựu của cuộc cách mạng khoa học – công nghệ hiện đại không được áp dụng kịp thời vào sản xuất; năng suất lao động xã hội suy giảm dẫn tới tình trạng trì trệ kéo dài về kinh tế; sự sa sút, khủng hoảng lòng tin trong xã hội.

Thứ ba, quá trình cải cách, cải tổ phạm sai lầm nghiêm trọng về đường lối, cách thức tiến hành. Sự xoá bỏ vai trò lãnh đạo của Đảng Cộng sản khiến cho khủng hoảng ngày càng nghiêm trọng, trực tiếp dẫn đến sự sụp đổ của chủ nghĩa xã hội ở Đông Âu, sự tan rã của Liên Xô.

Thứ tư, hoạt động chống phá của các lực lượng thù địch ở trong nước và các thế lực bên ngoài góp phần làm gia tăng tình trạng bất ổn và rối loạn.

Khai thác tư liệu trên và thông tin trong mục, giải thích nguyên nhân dẫn tới sự sụp đổ mô hình chủ nghĩa xã hội ở Đông Âu và Liên Xô.

3. Chủ nghĩa xã hội từ năm 1991 đến nay

a) Khái quát về chủ nghĩa xã hội từ năm 1991 đến nay

Từ năm 1991 đến nay, ở châu Á, các nước Trung Quốc, Việt Nam, Lào,... từng bước tiến hành cải cách, mở cửa, đổi mới, kiên định con đường xây dựng xã hội chủ nghĩa, đạt được những thành tựu to lớn về kinh tế, chính trị, xã hội và các lĩnh vực khác.

Công cuộc đổi mới ở Việt Nam (bắt đầu từ năm 1986) đã đưa đất nước ra khỏi khủng hoảng kinh tế – xã hội và tình trạng kém phát triển, trở thành nước đang phát triển có thu nhập trung bình, đời sống vật chất, tinh thần của người dân được cải thiện rõ rệt. Những thành tựu to lớn về kinh tế, chính trị, xã hội đã khẳng định con đường đi lên chủ nghĩa xã hội phù hợp với thực tiễn Việt Nam.

Từ năm 1986, Lào thực hiện đường lối đổi mới toàn diện theo định hướng xã hội chủ nghĩa, tiến hành công nghiệp hoá, hiện đại hoá. Sau hơn 35 năm đổi mới, nhân dân Lào giành được những thành tựu cơ bản, thực hiện thành công hai nhiệm vụ chiến lược: xây dựng, bảo vệ đất nước và hội nhập quốc tế, đồng thời tạo điều kiện cho người dân được thụ hưởng thành quả phát triển kinh tế, xã hội.



Hình 4. Đại hội đại biểu toàn quốc Đảng Nhân dân Cách mạng Lào lần thứ XI (1 – 2021)

Ở khu vực Mỹ La-tinh, từ năm 1991, mặc dù phải tiếp tục đối mặt với nhiều khó khăn, thách thức, đặc biệt là lệnh cấm vận kéo dài của Mỹ và phương Tây, Cu-ba vẫn quyết tâm đi theo con đường xây dựng chủ nghĩa xã hội, thực hiện cải cách kinh tế và đạt được những thành tựu quan trọng.

Thực hiện cải cách kinh tế từng bước, có chọn lọc, Cu-ba chủ trương xây dựng nền kinh tế với cơ cấu đa dạng, phát triển theo định hướng thị trường nhưng đảm bảo kế thừa những nguyên tắc của chủ nghĩa xã hội, chú trọng nâng cao đời sống nhân dân. Các ngành nghề mới phát triển và có đóng góp quan trọng vào sự phát triển kinh tế như: công nghiệp du lịch, công nghệ sinh học, khai thác dầu khí,... Hệ thống giáo dục, y tế miễn phí luôn là ưu tiên hàng đầu của Chính phủ Cu-ba, thể hiện tính ưu việt của chủ nghĩa xã hội.



Hình 5. Thủ đô La Ha-ba-na (Cu-ba) ngày nay

Từ sau năm 1991, phong trào đấu tranh của giai cấp công nhân và nhân dân lao động ở các nước thuộc khu vực Mỹ La-tinh phát triển mạnh mẽ.

Việc Cu-ba kiên trì con đường xây dựng xã hội chủ nghĩa là một trong những nguồn động viên, cổ vũ cho phong trào đấu tranh bảo vệ độc lập, chủ quyền dân tộc và quyền phân phối phúc lợi xã hội công bằng cho người dân ở một số nước Mỹ La-tinh.

Những thành tựu của công cuộc đổi mới, cải cách ở các nước châu Á, khu vực Mỹ La-tinh là cơ sở vững chắc để chứng minh chủ nghĩa xã hội có sức sống, có triển vọng thực sự trên thế giới, đồng thời khẳng định con đường đi lên chủ nghĩa xã hội là phù hợp với thực tiễn và xu thế phát triển của thời đại.

Nêu những nét chính về chủ nghĩa xã hội từ năm 1991 đến nay.

b) Thành tựu chính của công cuộc cải cách mở cửa ở Trung Quốc

Từ tháng 12 – 1978, Trung Quốc thực hiện công cuộc cải cách mở cửa, chuyển đổi thành công sang nền kinh tế thị trường xã hội chủ nghĩa và đạt được thành tựu to lớn về kinh tế, xã hội.

Về kinh tế, tổng sản phẩm trong nước (GDP) đã tăng từ 367,9 tỉ nhân dân tệ (1978) lên hơn 114 nghìn tỉ nhân dân tệ (2021). Bình quân tăng trưởng hằng năm là khoảng 9,5% (1980 – 2017), vượt xa mức trung bình thế giới là 2,9%. Quy mô GDP của Trung Quốc từ vị trí thứ tám thế giới (những năm 80 của thế kỉ XX), vươn lên vị trí thứ hai thế giới (từ năm 2010).



Hình 6. Một góc thành phố Thâm Quyến (Quảng Đông, Trung Quốc) ngày nay

EM CÓ BIẾT ?

Trải qua 40 năm phát triển "thần tốc" (1980 – 2020), từ một làng chài hoang vắng ở tỉnh Quảng Đông, Thâm Quyến trở thành trung tâm công nghệ cao, một trong những đặc khu kinh tế hàng đầu của Trung Quốc và đứng thứ năm trong danh sách các thành phố đứng đầu châu Á.

Về khoa học – công nghệ, Trung Quốc đạt được những thành tựu nổi bật như: phát triển ngành hàng không vũ trụ (phóng được tàu Thần Châu vào không gian); xây dựng hệ thống định vị vệ tinh Bắc Đẩu, hệ thống đường sắt cao tốc; phát triển hạ tầng kĩ thuật số, các trung tâm dữ liệu hiện đại. Đặc biệt, Trung Quốc đạt được những tiến bộ vượt bậc trong các lĩnh vực công nghệ mới như: công nghệ thông tin – viễn thông thế hệ mới, trí tuệ nhân tạo, công nghệ sinh học,...

Về văn hoá – giáo dục, Trung Quốc thực hiện cải cách giáo dục toàn diện, nâng cao vị trí của nền giáo dục trong việc cung cấp nguồn nhân lực chất lượng cao phục vụ cho công cuộc xây dựng và hiện đại hoá đất nước. Trung Quốc đã thực hiện kế hoạch quốc gia trung hạn và dài hạn về cải cách giáo dục và phát triển (2010 – 2020) với mục tiêu phát triển Trung Quốc trở thành một trong số những cường quốc đổi mới sáng tạo hàng đầu trên thế giới.

Bên cạnh đó, Trung Quốc đạt được những bước tiến cơ bản trong việc giải quyết những vấn đề xã hội như: xoá đói giảm nghèo, thực hiện các chính sách an sinh xã hội,... Những thành tựu trong công cuộc cải cách mở cửa cho thấy sự đúng đắn của con đường xây dựng chủ nghĩa xã hội của Trung Quốc.

Nêu thành tựu và ý nghĩa của công cuộc cải cách mở cửa của Trung Quốc.

LUYỆN TẬP VÀ VẬN DỤNG

Lập bảng tóm tắt những nét chính về sự phát triển của chủ nghĩa xã hội ở các nước Đông Âu, châu Á và khu vực Mỹ La-tinh từ sau Chiến tranh thế giới thứ hai.

1. Sự sụp đổ mô hình chủ nghĩa xã hội ở Đông Âu và Liên Xô đã để lại những bài học gì đối với công cuộc xây dựng chủ nghĩa xã hội ở Việt Nam hiện nay?

2. Nêu hành động cụ thể của em để đóng góp vào công cuộc xây dựng chủ nghĩa xã hội ở Việt Nam.

CHỦ ĐỀ 3

QUÁ TRÌNH GIÀNH ĐỘC LẬP DÂN TỘC CỦA CÁC QUỐC GIA ĐÔNG NAM Á

BÀI 5

QUÁ TRÌNH XÂM LƯỢC VÀ CAI TRỊ CỦA CHỦ NGHĨA THỰC DÂN Ở ĐÔNG NAM Á

Học xong bài này, em sẽ:

- Trình bày được quá trình các nước thực dân phương Tây xâm lược và thiết lập nền thống trị ở Đông Nam Á hải đảo và Đông Nam Á lục địa.
- Trình bày được công cuộc cải cách ở Xiêm.
- Giải thích được vì sao Xiêm là nước duy nhất ở Đông Nam Á không trở thành thuộc địa của thực dân phương Tây.

Bảo tàng Hàng hải ở Ma-lắc-ca (Ma-lai-xi-a) mô phỏng theo con tàu Phlo-đờ Ma của Bồ Đào Nha bị đắm ở Ma-lắc-ca thu hút sự chú ý của đông đảo khách tham quan. Phlo-đờ Ma là một trong số những con tàu thuộc hạm đội hùng mạnh của thực dân Bồ Đào Nha tấn công xâm lược Vương quốc Ma-lắc-ca, cũng là một thương cảng sầm uất ở Đông Nam Á vào năm 1511. Sự kiện này đã mở đầu cho quá trình xâm lược và thống trị kéo dài nhiều thế kỉ của thực dân phương Tây ở Đông Nam Á. Quá trình thực dân phương Tây xâm lược và cai trị ở các nước Đông Nam Á diễn ra như thế nào?

Hình 1. Mô hình con tàu Phlo-đờ Ma

1. Quá trình xâm lược và cai trị của thực dân phương Tây ở Đông Nam Á

a) Quá trình xâm lược

Từ đầu thế kỉ XVI, các nước phương Tây bắt đầu mở rộng quá trình xâm nhập vào các nước Đông Nam Á. Trong thời gian đầu, quá trình này được tiến hành thông qua các hoạt động buôn bán và truyền giáo. Thông qua các thương điếm, các nước châu Âu mở rộng giao thương và từng bước chuẩn bị cho quá trình xâm lược.

Quá trình xâm lược của thực dân phương Tây diễn ra trong bối cảnh phần lớn các nước Đông Nam Á bước vào thời kì suy thoái, khủng hoảng của chế độ phong kiến về chính trị, kinh tế, xã hội với nhiều cuộc nổi dậy chống lại chế độ phong kiến.



Hình 2. Lược đồ các nước Đông Nam Á cuối thế kỉ XIX – đầu thế kỉ XX

• ***Đối với Đông Nam Á hải đảo***

Các nước Đông Nam Á hải đảo là đối tượng đầu tiên thu hút sự chú ý của thực dân phương Tây, bởi đây là khu vực giàu tài nguyên, có nguồn hương liệu và hàng hoá phong phú, lại nằm trên tuyến đường biển huyết mạch nối liền phương Đông và phương Tây với nhiều thương cảng sầm uất.

TƯ LIỆU 1. Năm 1511, thực dân Bồ Đào Nha đánh chiếm Ma-lắc-ca (nay thuộc Ma-lai-xi-a)... Việc đánh chiếm Ma-lắc-ca là "một trong những đặc điểm quan trọng nhất của một kế hoạch chiến lược toàn diện" của người Bồ Đào Nha ở khu vực này.

(Theo D. G. E. Hôn, *Lịch sử Đông Nam Á*,
NXB Chính trị quốc gia, Hà Nội, 1997, tr. 379)

Giữa thế kỉ XVI, Phi-líp-pin chính thức bị thực dân Tây Ban Nha xâm lược và thống trị. Sau cuộc chiến tranh Mỹ – Tây Ban Nha (1898), Phi-líp-pin đã trở thành thuộc địa của Mỹ.



Hình 3. Tượng đài La-pu-la-pu ở đảo Mác-tan (Phi-líp-pin)

EM CÓ BIẾT ?

La-pu-la-pu, người anh hùng dân tộc của Phi-líp-pin, thủ lĩnh của thổ dân ở đảo Mác-tan, đã lãnh đạo đội quân đánh thắng thực dân Tây Ban Nha năm 1521. Hình ảnh của ông đã được chọn làm biểu tượng cho ý chí chiến đấu, sự dũng cảm của lực lượng Cảnh sát và Cục Phòng cháy chữa cháy của Phi-líp-pin ngày nay.

Cuối thế kỉ XVI, thực dân Hà Lan bắt đầu quá trình xâm nhập In-đô-nê-xi-a. Nhưng phải đến giữa thế kỉ XIX, trải qua cuộc cạnh tranh quyết liệt với Bồ Đào Nha, Hà Lan mới hoàn thành việc kiểm soát nước này.

Mặc dù đến muộn hơn, nhưng thực dân Anh đã nhanh chóng mở rộng ảnh hưởng ở khu vực Đông Nam Á. Đầu thế kỉ XX, toàn bộ vùng lãnh thổ ngày nay của Ma-lai-xi-a, Xin-ga-po, Bru-nây rơi vào tay người Anh dưới những hình thức cai trị khác nhau.

Trải qua gần 4 thế kỉ (từ đầu thế kỉ XVI đến đầu thế kỉ XX), bằng những thủ đoạn khác nhau, từ buôn bán, xâm nhập thị trường, đến tiến hành chiến tranh xâm lược và cạnh tranh quyết liệt với nhau, thực dân phương Tây đã hoàn thành quá trình xâm lược các nước Đông Nam Á hải đảo.

• ***Đối với Đông Nam Á lục địa***

Quá trình xâm lược của thực dân phương Tây đối với các nước Đông Nam Á lục địa bắt đầu vào thế kỉ XIX, muộn hơn so với các nước Đông Nam Á hải đảo.

Thực dân Anh sau hơn 60 năm (1824 – 1885), tiến hành 3 cuộc chiến tranh mới chiếm được Miến Điện (Mi-an-ma). Thực dân Pháp phải trải qua cuộc chiến tranh xâm lược kéo dài gần nửa thế kỉ (1858 – 1893) mới hoàn thành việc xâm chiếm 3 nước Đông Dương.

sach-giao-khoa.com



Hình 4. Hải quân Anh tiến vào hải cảng ở Y-an-gun (Miến Điện) năm 1824 (tranh vẽ)

Đến đầu thế kỉ XX, các nước thực dân phương Tây đã hoàn thành quá trình thôn tính Đông Nam Á. Hầu hết các nước trong khu vực đều trở thành thuộc địa của thực dân phương Tây. Vương quốc Xiêm (Thái Lan) tuy giữ được nền độc lập nhưng bị lệ thuộc vào nước ngoài về nhiều mặt và trở thành vùng đệm giữa khu vực thuộc địa của thực dân Anh và thực dân Pháp.



Hình 5. Liên quân Pháp – Tây Ban Nha tấn công Đà Nẵng (Việt Nam) năm 1858 (tranh vẽ)

1. Khai thác Tư liệu 1 (tr. 31) và thông tin trong mục, trình bày quá trình thực dân phương Tây xâm lược các nước Đông Nam Á.
2. Theo em, cách thức tiến hành xâm lược các nước Đông Nam Á của thực dân phương Tây có những điểm gì chung?

b) Chính sách cai trị

Về chính trị, thực dân phương Tây tiến hành thiết lập nền thống trị ở Đông Nam Á dưới các hình thức khác nhau, nhưng đều có điểm chung là bên cạnh sự cai trị của chính quyền thực dân thì các thế lực phong kiến địa phương vẫn được duy trì như một công cụ để thi hành chính sách cai trị thuộc địa.

Về hình thức cai trị, dù các nước thực dân áp đặt hình thức cai trị trực tiếp hay gián tiếp, nhưng các quyền hành chính, lập pháp, tư pháp, ngoại giao, quân sự,... của các thuộc địa vẫn tập trung trong tay đại diện của chính quyền thực dân.

Chính sách "chia để trị" là phương thức phổ biến được thực dân phương Tây sử dụng nhằm chia rẽ, làm suy yếu sức mạnh dân tộc của các nước Đông Nam Á. Ngoài ra, chính quyền thực dân chú trọng việc xây dựng và sử dụng lực lượng quân đội người bản địa để bảo vệ bộ máy cai trị và đàn áp sự phản kháng của người dân thuộc địa.

Về kinh tế, chính quyền thực dân thực hiện chính sách bóc lột, khai thác các thuộc địa, biến các nước trong khu vực thành nơi cung cấp nguồn nguyên liệu và thị trường tiêu thụ hàng hoá, phục vụ lợi ích cho chính quốc.

TƯ LIỆU 2. Điểm chung của chính sách thống trị thực dân ở Đông Nam Á là khai thác, vơ vét và bòn rút các quốc gia trong khu vực bằng chính sách thuế khoá đánh vào các tầng lớp nhân dân bản địa, cướp ruộng đất lập đồn điền, bóc lột sức người, khai thác tài nguyên; thông qua khai thác triệt để sản phẩm nông nghiệp, tiếp tục đầu tư để bóc lột lâu dài trong công nghiệp... Vì vậy, cao su, cà phê, chè, lúa gạo là những sản vật đặc trưng của Đông Nam Á được thực dân phương Tây chú ý khai thác từ sớm.

(Lương Ninh (Chủ biên), *Đông Nam Á: Lịch sử từ nguyên thuỷ đến ngày nay*, NXB Chính trị quốc gia Sự thật, Hà Nội, 2018, tr. 377)



Hình 6. Tình cảnh người dân In-đô-nê-xi-a dưới ách thống trị của thực dân Hà Lan (tranh vẽ)

Về văn hoá – xã hội, các nước thực dân phương Tây đã tìm mọi cách kìm hãm người dân ở các nước thuộc địa trong tình trạng lạc hậu, nghèo đói, đồng thời làm xói mòn giá trị truyền thống của các quốc gia Đông Nam Á.

Hầu hết người dân các nước thuộc địa đều mù chữ: ở Mã Lai, năm 1931 chỉ có 8,5% dân số biết chữ; ở Việt Nam, năm 1926 chỉ có khoảng 6% trẻ em ở độ tuổi đi học được tới trường, hơn 90% dân số không biết chữ. Cùng với chính sách ngu dân, thực dân phương Tây thi hành chính sách đầu độc người dân bản địa bằng rượu, thuốc phiện để dễ bề cai trị. Hệ thống y tế lạc hậu khiến cho tỉ lệ tử vong vì ốm đau, bệnh tật tăng cao, đặc biệt là trẻ em.

TƯ LIỆU 3. Trong tác phẩm *Bản án chế độ thực dân Pháp*, Nguyễn Ái Quốc đã tố cáo chính sách thống trị của thực dân Pháp: "Một bên là những người bản xứ,... họ phải đổ mồ hôi, sôi nước mắt trong những lao tác nặng nhọc nhất và bạc bẽo nhất để kiếm sống một cách chật vật, và hầu như chỉ bằng sức của họ thôi, để nuôi mọi ngân quỹ của chính quyền. Một bên là những người Pháp và người nước ngoài, họ đều đi lại tự do, tự dành cho mình tất cả các tài nguyên của đất nước, chiếm đoạt toàn bộ xuất nhập khẩu và tất cả các ngành nghề béo bở nhất, bóc lột trâng tráo trong cảnh dốt nát và nghèo khốn của nhân dân".

(*Hồ Chí Minh: Toàn tập*, Tập 1, NXB Chính trị quốc gia, 2011, tr. 12)



Hình 7. Tình cảnh người dân thuộc địa dưới ách cai trị của thực dân (tranh biếm hoạ)

Khai thác các tư liệu 2, 3 và thông tin trong mục, trình bày chính sách cai trị của thực dân phương Tây đối với các nước Đông Nam Á.

2. Công cuộc cải cách ở Xiêm



Hình 8. Tượng vua Ra-ma V (Chu-la-long-kon)

Vào giữa thế kỉ XIX, Vương quốc Xiêm đứng trước sự đe doạ xâm lược của thực dân phương Tây. Từ năm 1851, vua Ra-ma IV đã tiến hành cải cách, chủ trương mở cửa buôn bán với nước ngoài. Đặc biệt, từ năm 1868, dưới thời vua Ra-ma V, Xiêm đã tiến hành hàng loạt cải cách quan trọng về kinh tế, xã hội, hành chính, giáo dục, ngoại giao,...



Hình 9. Trường Đại học Chu-la-long-kon (Thái Lan) thành lập năm 1917 ▶

Về kinh tế

- Trong công nghiệp, Chính phủ thực hiện chính sách khuyến khích đầu tư vào các ngành công nghiệp, đường sắt,... Với việc mở cửa nền kinh tế từ nửa sau thế kỉ XIX, Băng Cốc đã trở thành trung tâm buôn bán của khu vực.
- Trong nông nghiệp, năm 1874, Chính phủ Xiêm đã áp dụng biện pháp miễn trừ và giảm thuế nông nghiệp, tạo điều kiện phát triển sản xuất nông nghiệp và khai khẩn đất hoang. Đến đầu thế kỉ XX, Chính phủ ban hành những quy định quản lí ruộng đất hiện đại.

Về hành chính

Từ năm 1892, Ra-ma V tiến hành cải cách hành chính theo mô hình phương Tây.

Về giáo dục

Công tác giáo dục được nhà vua đặc biệt chú trọng. Năm 1898, sau khi đi khảo sát nền giáo dục ở châu Âu, nhà vua cho công bố Chương trình giáo dục đầu tiên ở Xiêm.

Về ngoại giao

- Trước mối đe doạ về chủ quyền đất nước từ các cường quốc phương Tây, năm 1897, Ra-ma V tiến hành chuyến công du sang các nước châu Âu, gặp gỡ đại diện các chính phủ Anh, Pháp, Đức, Nga,... nhằm mục tiêu xoá bỏ các hiệp ước bất bình đẳng đã kí trước đó.
- Chính phủ Xiêm kí các hiệp ước với nội dung đồng ý cắt một số vùng lãnh thổ thuộc ảnh hưởng của Xiêm ở Lào, Cam-pu-chia cho Pháp (1907) và ở Mã Lai cho Anh (1909) để bảo vệ nền độc lập của nước mình.

Hình 10. Sơ đồ một số biện pháp chính trong công cuộc cải cách ở Xiêm

Công cuộc cải cách đã góp phần thúc đẩy sản xuất phát triển, mở cửa cho hàng hoá xuất khẩu,... đưa Vương quốc Xiêm phát triển theo con đường tư bản chủ nghĩa, từng bước hội nhập với thế giới trong những thập niên tiếp theo.

Trên cơ sở những thành tựu của công cuộc cải cách, Chính phủ Xiêm có thực lực để thực hiện đường lối ngoại giao mềm dẻo, nhằm giữ vững nền độc lập và chủ quyền đất nước, không bị rơi vào tình trạng thuộc địa.

Trong bối cảnh hầu hết các quốc gia trong khu vực đều trở thành thuộc địa của thực dân, công cuộc cải cách của Xiêm chính là một trong những con đường ứng phó hiệu quả với làn sóng xâm lược của thực dân phương Tây ở Đông Nam Á.

1. Trình bày nét chính về công cuộc cải cách ở Xiêm.
2. Vì sao Xiêm là nước duy nhất ở khu vực Đông Nam Á không trở thành thuộc địa của thực dân phương Tây?

LUYỆN TẬP VÀ VẬN DỤNG

1. Xây dựng trục thời gian thể hiện những nét chính về quá trình thực dân phương Tây xâm lược các nước Đông Nam Á.

2. Theo em, những chính sách cai trị của thực dân phương Tây ở Đông Nam Á đã tác động như thế nào đối với các nước trong khu vực?

Sưu tầm tài liệu từ sách, báo, internet, viết một bài (khoảng 300 chữ) về quá trình thực dân phương Tây xâm lược và thiết lập nền thống trị ở một nước trong khu vực Đông Nam Á.

sach-giao-khoa.com

BÀI 6 HÀNH TRÌNH ĐI ĐẾN ĐỘC LẬP DÂN TỘC Ở ĐÔNG NAM Á

Học xong bài này, em sẽ:

- Tóm tắt được những nét chính về cuộc đấu tranh chống thực dân xâm lược ở một số nước Đông Nam Á hải đảo và Đông Nam Á lục địa.
- Nêu được các giai đoạn phát triển của cuộc đấu tranh giành độc lập dân tộc ở Đông Nam Á.
- Nêu được những ảnh hưởng của chế độ thực dân đối với các thuộc địa. Liên hệ với thực tế ở Việt Nam.
- Tóm tắt được những nét chính về quá trình tái thiết và phát triển ở Đông Nam Á.
- Có ý thức trân trọng thành quả đấu tranh giành độc lập dân tộc và phát triển của các dân tộc ở Đông Nam Á hiện nay.



Hình 1. Quốc kì các quốc gia Đông Nam Á ngày nay

Quốc kì của các quốc gia Đông Nam Á hiện nay rất đa dạng và là biểu tượng cho nền độc lập dân tộc của mỗi quốc gia. Hầu hết các nước trong khu vực đều phải trải qua quá trình đấu tranh lâu dài, gian khổ để giành độc lập dân tộc, sau đó là quá trình tái thiết và phát triển đất nước, đưa Đông Nam Á trở thành khu vực năng động như ngày nay. Hành trình đó diễn ra như thế nào? Hãy chia sẻ một số sự kiện liên quan đến cuộc đấu tranh giành độc lập và quá trình phát triển của các nước ở Đông Nam Á mà em biết.

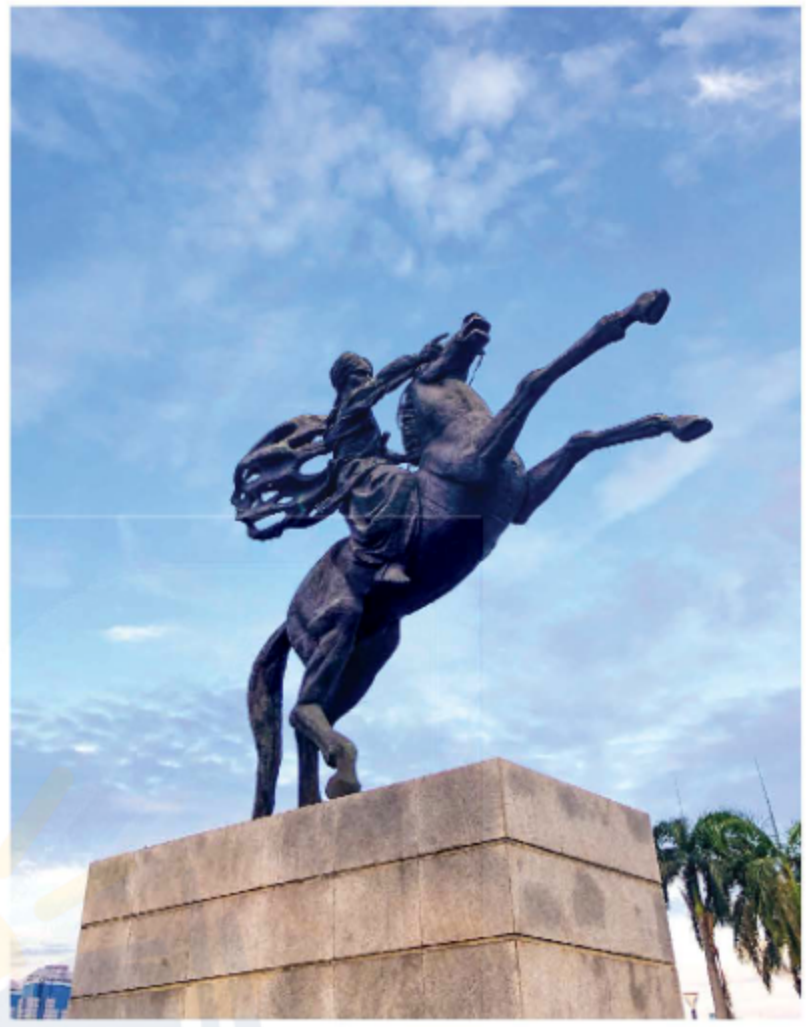
1. Phong trào đấu tranh chống thực dân xâm lược ở Đông Nam Á

a) Đông Nam Á hải đảo

Phong trào chống thực dân xâm lược ở các nước Đông Nam Á hải đảo bùng nổ từ rất sớm, tiêu biểu là ở In-đô-nê-xi-a và Phi-líp-pin.

Từ thế kỉ XVI đến thế kỉ XIX, phong trào đấu tranh chống thực dân Hà Lan đã bùng nổ mạnh mẽ ở In-đô-nê-xi-a. Trong số đó, nổi bật là cuộc khởi nghĩa của Hoàng tử Đi-pô-nê-gô-rô (1825 – 1830), với sự hưởng ứng của các lãnh chúa và sự tham gia của đông đảo người dân trên đảo Gia-va và các đảo khác. Cuộc khởi nghĩa tuy thất bại nhưng đã gây tổn thất nặng nề cho chính quyền thực dân. Sau cuộc khởi nghĩa, phong trào đấu tranh vẫn tiếp tục lan rộng khắp các đảo ở In-đô-nê-xi-a, kéo dài đến cuối thế kỉ XIX – đầu thế kỉ XX.

Ở Phi-líp-pin, cuộc đấu tranh chống thực dân Tây Ban Nha bùng nổ từ năm 1521, lan rộng ra các đảo khác và kéo dài hơn 3 thế kỉ. Trong số đó, cuộc khởi nghĩa của Đa-ga-hô ở Bô-hô là cuộc khởi nghĩa kéo dài nhất (1744 – 1829).



Hình 2. Tượng Đi-pô-nê-gô-rô ở Gia-các-ta (In-đô-nê-xi-a)

Nêu những nét chính về phong trào đấu tranh chống thực dân xâm lược ở In-đô-nê-xi-a và Phi-líp-pin.

b) Đông Nam Á lục địa

Ở Miến Điện, thực dân Anh phải trải qua 3 cuộc chiến tranh kéo dài hơn 60 năm (1824 – 1885) mới chiếm được Miến Điện. Phong trào chiến tranh du kích lan rộng trong cả nước, khiến cho thực dân Anh bị tổn thất nặng nề. Sau khi hoàn thành quá trình xâm lược, thực dân Anh phải tiếp tục đối phó với cuộc chiến tranh du kích kéo dài hơn 10 năm sau.

Trên bán đảo Đông Dương, từ nửa sau thế kỉ XIX, phong trào chống thực dân Pháp xâm lược bùng nổ mạnh mẽ và từng bước lan rộng.

Ở Việt Nam, từ năm 1858, cuộc chiến đấu chống xâm lược của nhân dân Việt Nam đã làm thất bại kế hoạch "đánh nhanh, thắng nhanh" của thực dân Pháp. Phong trào kháng chiến lan rộng ra các tỉnh Nam Kì và Bắc Kì, thu hút sự tham gia của đông đảo các tầng lớp nhân dân. Thực dân Pháp phải mất 26 năm (1858 – 1884) mới đặt được ách đô hộ trên toàn bộ đất nước Việt Nam.

Ở Cam-pu-chia, nhiều cuộc khởi nghĩa chống thực dân Pháp diễn ra sôi nổi trong cả nước, mở đầu là cuộc khởi nghĩa của Hoàng thân Si-vô-tha (1861 – 1892). Các cuộc khởi nghĩa của A-cha Xoa (1863 – 1866), Pu-côm-bô (1866 – 1867) có quy mô lớn, gây nhiều tổn thất cho thực dân Pháp.

Trình bày những nét chính về phong trào đấu tranh chống thực dân xâm lược ở Đông Nam Á lục địa.

EM CÓ BIẾT ?

Trong cuộc khởi nghĩa của Pu-côm-bô, nghĩa quân đã lập căn cứ ở Tây Ninh (Việt Nam), liên kết với Trương Quyền (con của Trương Định) trong những trận đánh Pháp. Cuộc khởi nghĩa của Pu-côm-bô là biểu tượng của sự đoàn kết chiến đấu giữa nhân dân Cam-pu-chia với nhân dân Việt Nam trong cuộc đấu tranh chống thực dân Pháp.

2. Các giai đoạn phát triển của cuộc đấu tranh giành độc lập dân tộc ở Đông Nam Á

Từ cuối thế kỉ XIX, sau khi thực dân phương Tây áp đặt ách thống trị đối với các nước Đông Nam Á, cuộc đấu tranh của nhân dân các nước này chuyển sang một thời kì mới – thời kì đấu tranh giành lại độc lập dân tộc và trải qua 3 giai đoạn phát triển chính.

1945 – 1975: Hoàn thành cuộc đấu tranh giành độc lập dân tộc

- Từ năm 1954 đến năm 1975, các nước Đông Nam Á đã lần lượt hoàn thành cuộc đấu tranh giành độc lập dân tộc (riêng Bru-nây được trao trả độc lập vào năm 1984).
- Từ năm 1945 đến năm 1954, làn sóng đấu tranh dâng cao. Năm 1945, In-đô-nê-xi-a tuyên bố độc lập, Việt Nam và Lào tiến hành cách mạng giành chính quyền và tuyên bố độc lập cùng trong năm đó. Một số nước được trao trả độc lập như Phi-líp-pin (1946) và Miến Điện (1948).

1920 – 1945: Xuất hiện xu hướng mới trong phong trào đấu tranh

Giai cấp vô sản bắt đầu bước lên vũ đài chính trị trong khu vực. Các đảng cộng sản được thành lập ở một số nước như: In-đô-nê-xi-a (1920), Việt Nam, Mã Lai, Xiêm và Phi-líp-pin (trong những năm 30 của thế kỉ XX), mở ra xu hướng vô sản trong cuộc đấu tranh giành độc lập dân tộc.

Từ cuối thế kỉ XIX đến năm 1920: Khởi đầu cuộc đấu tranh giành độc lập dân tộc

- Sự ra đời và phát triển của giai cấp vô sản ở các nước Đông Nam Á đã tạo nền tảng cho sự hình thành xu hướng mới trong phong trào đấu tranh.
- Giai đoạn chuyển tiếp từ đấu tranh chống xâm lược sang đấu tranh giành độc lập dân tộc. Phong trào đấu tranh theo ý thức hệ phong kiến dần được thay thế bằng phong trào theo xu hướng tư sản, tiêu biểu là cuộc khởi nghĩa chống thực dân Tây Ban Nha của nhân dân Phi-líp-pin (1896 – 1898).

Hình 3. Sơ đồ các giai đoạn phát triển chính của cuộc đấu tranh giành độc lập ở Đông Nam Á từ cuối thế kỉ XIX đến năm 1975

sách-giáo-khoa.com

Trình bày các giai đoạn phát triển của cuộc đấu tranh giành độc lập dân tộc ở Đông Nam Á.

3. Thời kì tái thiết và phát triển sau khi giành được độc lập

a) Những ảnh hưởng của chế độ thực dân

Về kinh tế, sau nhiều thế kỉ là thuộc địa của chủ nghĩa thực dân, phần lớn các nước Đông Nam Á vẫn là những nước nông nghiệp lạc hậu và lệ thuộc nặng nề vào nước ngoài. Một số nước trong khu vực mặc dù được coi là "vựa lúa" của thế giới nhưng lại rơi vào tình trạng thiếu lương thực, đói kém triền miên.

TƯ LIỆU 1. Sau gần 150 năm là thuộc địa của Anh, Xin-ga-po chỉ là một hải cảng trung chuyển hàng hoá, nền kinh tế hoàn toàn phụ thuộc vào thị trường bên ngoài, tỉ lệ thất nghiệp tăng cao. Thủ tướng Lý Quang Diệu cho rằng: "Những gì mà người Xin-ga-po cần là sự trợ giúp tạo công ăn việc làm cho người lao động thông qua các ngành công nghiệp sản xuất chứ không phải là sự phụ thuộc vào những chuyến viện trợ liên tục... Chúng ta không thể sống bằng cái bát đi ăn xin".

(Theo Lý Quang Diệu, *Bí quyết hoá rồng: Lịch sử Xin-ga-po 1965 – 2000*, NXB Trẻ, 2001, tr. 67)

Về chính trị, việc áp đặt bộ máy cai trị, thực hiện chính sách "chia để trị", chính sách "ngu dân" của các chính quyền thực dân đã để lại những hậu quả nặng nề và lâu dài cho các nước Đông Nam Á.

Chính sách "chia để trị", sự phân biệt đối xử với các tộc người khác nhau là một trong những nguyên nhân sâu xa dẫn đến sự chia rẽ sâu sắc giữa các cộng đồng dân cư. Tình trạng xung đột về sắc tộc, tôn giáo,... còn kéo dài nhiều năm sau khi giành độc lập ở một số nước như Mi-an-ma, In-đô-nê-xi-a, Phi-líp-pin,...

TƯ LIỆU 2. Trong tác phẩm *Bản án chế độ thực dân Pháp*, Nguyễn Ái Quốc viết: "Nhân dân Đông Dương khẩn khoản đòi mở trường học vì trường học thiếu một cách nghiêm trọng... "Làm cho dân ngu để dễ trị" đó là chính sách mà các nhà cầm quyền ở các thuộc địa của chúng ta ưa dùng nhất".

(*Hồ Chí Minh*: *Toàn tập*, Tập 2, NXB Chính trị quốc gia, 2011, tr. 107 – 108)

Về văn hoá, chính sách nô dịch, áp đặt văn hoá ngoại lai của chính quyền thực dân đã ảnh hưởng tiêu cực đến việc bảo vệ và phát huy những giá trị truyền thống của nền văn hoá các dân tộc ở Đông Nam Á.

Bên cạnh những tác động tiêu cực nêu trên, sự thống trị của chủ nghĩa thực dân phương Tây cũng tạo ra những chuyển biến nhất định đến quá trình phát triển của một số nước Đông Nam Á về hạ tầng cơ sở (mở mang đường giao thông, xây dựng thành phố hải cảng mới,...).

Khai thác các tư liệu 1, 2 (tr. 40) và thông tin trong mục, nêu những ảnh hưởng của chế độ thực dân đối với các nước Đông Nam Á.

b) Quá trình tái thiết và phát triển

Để thoát khỏi tình trạng nghèo nàn, lạc hậu sau khi giành độc lập, các nước Đông Nam Á như In-đô-nê-xi-a, Ma-lai-xi-a, Phi-líp-pin, Xin-ga-po tiến hành chiến lược công nghiệp hoá từ giữa những năm 50 của thế kỉ XX, sớm hơn so với các nước còn lại trong khu vực.

Trong giai đoạn đầu, các nước Đông Nam Á thực hiện chiến lược công nghiệp hoá thay thế nhập khẩu với mục tiêu xây dựng nền kinh tế độc lập tự chủ, nhằm giải quyết những vấn đề cấp bách đặt ra cho nền kinh tế. Trong giai đoạn tiếp theo, các nước lần lượt chuyển sang thực hiện chiến lược công nghiệp hoá hướng về xuất khẩu, tập trung phát triển khu vực sản xuất hàng hoá xuất khẩu, lấy đó làm động lực chủ yếu để phát triển toàn bộ nền kinh tế.

Các nước Việt Nam, Lào, Cam-pu-chia từng bước chuyển sang nền kinh tế thị trường, tiến hành công nghiệp hoá từ cuối thập kỉ 80 – 90 của thế kỉ XX. Sau khi giành độc lập năm 1984, Bru-nây tiến hành điều chỉnh chính sách nhằm đa dạng hoá nền kinh tế. Mi-an-ma bắt đầu tiến hành cải cách kinh tế từ cuối năm 1998.

Trải qua quá trình phát triển, bằng những chính sách năng động và linh hoạt, các nước Đông Nam Á đã đạt được những thành tựu to lớn trong phát triển kinh tế với tốc độ tăng trưởng hằng năm đạt mức cao. Đời sống xã hội có những chuyển biến căn bản.

Kể từ năm 1967, tốc độ tăng trưởng GDP của các nước Đông Nam Á luôn đạt mức cao (trừ năm 1998, năm đỉnh điểm của khủng hoảng tài chính châu Á). Từ năm 1999, tốc độ tăng trưởng GDP cao hơn so với mức trung bình của thế giới. Hiệp hội các quốc gia Đông Nam Á (ASEAN) trở thành nền kinh tế lớn thứ năm thế giới với GDP đạt khoảng 3 000 tỉ USD từ năm 2018.

EM CÓ BIẾT ?

Hiệp hội các quốc gia Đông Nam Á (ASEAN) được thành lập ngày 8 – 8 – 1967 tại Băng Cốc (Thái Lan) với 5 thành viên ban đầu, phát triển dần thành một tổ chức khu vực hợp tác toàn diện, chặt chẽ với 11 thành viên và trở thành "mái nhà chung" của 11 quốc gia Đông Nam Á.



Hình 4. Một góc Thủ đô Xin-ga-po (Xin-ga-po) ngày nay

Tóm tắt những nét chính về quá trình tái thiết và phát triển của các nước Đông Nam Á sau khi giành được độc lập.

sach-giao-khoa.com

LUYỆN TẬP VÀ VẬN DỤNG

1. Nêu nhận xét của em về phong trào đấu tranh chống thực dân xâm lược ở khu vực Đông Nam Á.

2. Xây dựng trục thời gian tóm tắt các giai đoạn đấu tranh giành độc lập dân tộc ở khu vực Đông Nam Á.

1. Sưu tầm tài liệu từ sách, báo và internet, viết một bài (khoảng 300 chữ) về quá trình tái thiết và phát triển của một quốc gia Đông Nam Á mà em ấn tượng nhất.

2. Tìm hiểu và nêu ví dụ về những ảnh hưởng tiêu cực của chế độ thực dân Pháp đối với Việt Nam.

CHỦ ĐỀ

4

CHIẾN TRANH BẢO VỆ TỔ QUỐC VÀ CHIẾN TRANH GIẢI PHÓNG DÂN TỘC TRONG LỊCH SỬ VIỆT NAM (TRƯỚC CÁCH MẠNG THÁNG TÁM NĂM 1945)

BÀI 7

KHÁI QUÁT VỀ CHIẾN TRANH BẢO VỆ TỔ QUỐC TRONG LỊCH SỬ VIỆT NAM

Học xong bài này, em sẽ:

- Nêu được vị trí địa chiến lược của Việt Nam. Phân tích được vai trò, ý nghĩa của chiến tranh bảo vệ Tổ quốc trong lịch sử Việt Nam.
- Trình bày được nội dung chính và giải thích được nguyên nhân thắng lợi và không thành công của các cuộc kháng chiến chống xâm lược.
- Vận dụng kiến thức đã học, rút ra được những bài học lịch sử và nhận thức được giá trị của các bài học lịch sử đối với sự nghiệp xây dựng và bảo vệ Tổ quốc hiện nay.
- Biết cách sưu tầm và sử dụng tư liệu lịch sử để tìm hiểu về các cuộc kháng chiến thắng lợi tiêu biểu của dân tộc Việt Nam.
- Có ý thức trân trọng, tự hào về truyền thống đấu tranh bảo vệ, xây dựng đất nước của dân tộc Việt Nam, tham gia vào công tác đền ơn đáp nghĩa ở địa phương và sẵn sàng tham gia đóng góp xây dựng, bảo vệ Tổ quốc.

sách-giáo-khoa.com

Hình bên là một con tem trong bộ tem do nước Việt Nam Dân chủ Cộng hoà phát hành vào năm 1971 nhân kỉ niệm 200 năm phong trào Tây Sơn. Hãy cho biết hình ảnh đó nhắc đến sự kiện lịch sử nào? Kể tên một số cuộc kháng chiến thắng lợi tiêu biểu trong lịch sử Việt Nam mà em biết. Theo em, những nguyên nhân nào làm nên thắng lợi của các cuộc kháng chiến đó?



Hình 1.

1. Vị trí địa chiến lược của Việt Nam và vai trò, ý nghĩa của chiến tranh bảo vệ Tổ quốc trong lịch sử Việt Nam

a) Vị trí địa chiến lược của Việt Nam



Hình 2. Lược đồ khu vực Đông Nam Á ngày nay

Việt Nam thuộc khu vực Đông Nam Á – khu vực nằm trên trục đường giao thông quan trọng kết nối châu Á và châu Đại Dương, Ấn Độ Dương và Thái Bình Dương. Việt Nam cũng là cầu nối giữa Trung Quốc với khu vực Đông Nam Á, giữa Đông Nam Á lục địa và Đông Nam Á hải đảo. Cùng với nguồn tài nguyên phong phú, dân cư đông đúc,... Việt Nam trở thành một trong những quốc gia có vị trí địa chiến lược quan trọng. Vì vậy, trong suốt tiến trình lịch sử, Việt Nam luôn phải đối phó với nhiều thế lực ngoại xâm và tiến hành nhiều cuộc chiến tranh bảo vệ Tổ quốc.

b) Vai trò, ý nghĩa của chiến tranh bảo vệ Tổ quốc trong lịch sử Việt Nam

Chiến tranh bảo vệ Tổ quốc có vai trò quan trọng đối với sự sinh tồn và phát triển của dân tộc Việt Nam. Thắng lợi của những cuộc kháng chiến góp phần bảo vệ vững chắc nền độc lập, giữ gìn bản sắc văn hoá và tạo điều kiện thuận lợi cho quá trình xây dựng đất nước.

Sau cuộc kháng chiến chống quân Nguyên năm 1287 – 1288 thắng lợi, vua Trần Nhân Tông đến lễ tại lăng vua Trần Thái Tông. Nhìn con ngựa đá lấm bùn, vua đã làm những câu thơ:

Xã tắc hai phen chồn ngựa đá

Non sông nghìn thuở vững âu vàng.

Chiến tranh bảo vệ Tổ quốc có ý nghĩa to lớn trong việc hình thành và nâng cao lòng tự hào, ý thức tự cường và tô đậm những truyền thống tốt đẹp của dân tộc, đồng thời để lại nhiều bài học kinh nghiệm sâu sắc.

TƯ LIỆU 1. Lịch sử chống ngoại xâm vừa thử thách, vừa tôi luyện dân tộc ta. Những cuộc chiến tranh yêu nước đã tạo nên cho dân tộc ta một bản lĩnh kiên cường, một sức sống bền bỉ, mãnh liệt, đã hun đúc nên nhiều truyền thống tốt đẹp, tiêu biểu là: lòng yêu nước tha thiết, ý chí độc lập tự chủ mạnh mẽ, tinh thần đoàn kết keo sơn, chí quật cường bất khuất, trí thông minh sáng tạo,...

(Theo Phan Huy Lê,..., *Một số trận quyết chiến chiến lược trong lịch sử dân tộc*, NXB Hồng Đức, 2019, tr. 15)

1. Khai thác Hình 2 và thông tin trong mục, nêu vị trí địa chiến lược của Việt Nam.
2. Cho biết vị trí đó ảnh hưởng như thế nào đến lịch sử chống ngoại xâm của dân tộc Việt Nam?
3. Khai thác Tư liệu 1 và thông tin trong mục, phân tích vai trò và ý nghĩa của chiến tranh bảo vệ Tổ quốc trong lịch sử Việt Nam.

2. Một số cuộc kháng chiến thắng lợi tiêu biểu

a) Khái quát về một số cuộc kháng chiến thắng lợi

Cho đến trước Cách mạng tháng Tám năm 1945, dân tộc Việt Nam đã tiến hành nhiều cuộc kháng chiến chống ngoại xâm giành thắng lợi.

sach-giao-khoa.com

Bảng 1. Tóm tắt một số cuộc kháng chiến thắng lợi tiêu biểu trước Cách mạng tháng Tám năm 1945

Tên cuộc kháng chiến	Thời gian	Người chỉ huy	Trận quyết chiến
Kháng chiến chống quân Nam Hán	938	Ngô Quyền	Sông Bạch Đằng (tỉnh Quảng Ninh, thành phố Hải Phòng)
Kháng chiến chống quân Tống	981	Lê Hoàn	Sông Bạch Đằng (tỉnh Quảng Ninh, thành phố Hải Phòng)
Kháng chiến chống quân Tống	1075 – 1077	Lý Thường Kiệt	Phòng tuyến Như Nguyệt (tỉnh Bắc Ninh)
Kháng chiến chống quân Mông Cổ	1258	Trần Thái Tông, Trần Thủ Độ	Bình Lệ Nguyên (tỉnh Phú Thọ), Đông Bộ Đầu (thành phố Hà Nội)

Kháng chiến chống quân Nguyên	1285	Trần Thánh Tông, Trần Quốc Tuấn	Tây Kết, Hàm Tử (tỉnh Hưng Yên), Chương Dương, Thăng Long (thành phố Hà Nội)
Kháng chiến chống quân Nguyên	1287 – 1288	Trần Nhân Tông, Trần Quốc Tuấn	Sông Bạch Đằng (tỉnh Quảng Ninh, thành phố Hải Phòng)
Kháng chiến chống quân Xiêm	1785	Nguyễn Huệ	Rạch Gầm – Xoài Mút (tỉnh Đồng Tháp)
Kháng chiến chống quân Thanh	1789	Quang Trung (Nguyễn Huệ)	Ngọc Hồi – Đống Đa (thành phố Hà Nội)

EM CÓ BIẾT ?

Năm 1637, Giang Văn Minh được vua Lê cử đi sứ sang Triều Minh. Trong buổi triều kiến, vua Minh ra vế đối: *Đồng trụ chí kim dài dĩ lục (Cột đồng đến giờ rêu đã mọc xanh)* nhắc đến sự tích cột đồng Mã Viện và thất bại của cuộc khởi nghĩa Hai Bà Trưng. Giang Văn Minh đã đối lại: *Đằng Giang tự cổ huyết do hồng (Sông Bạch Đằng xưa máu vẫn còn loang đỏ)* gợi lại việc ba lần đánh bại quân xâm lược phương Bắc trên sông Bạch Đằng của dân tộc ta.



Hình 3. Bạch Đằng dậy sóng (mô hình trưng bày tại Bảo tàng Lịch sử quốc gia)



Hình 4. Tượng Quang Trung trong di tích Gò Đống Đa (thành phố Hà Nội)

1. Kể tên một số cuộc kháng chiến thắng lợi tiêu biểu của dân tộc Việt Nam trước Cách mạng tháng Tám năm 1945.
2. Trình bày một số nét chính về các cuộc kháng chiến thắng lợi đó.

b) Nguyên nhân thắng lợi

Trước hết, các cuộc kháng chiến của nhân dân Việt Nam đều là các cuộc chiến tranh chính nghĩa nhằm bảo vệ độc lập dân tộc.

Thứ hai, nhân dân Việt Nam có lòng yêu nước nồng nàn. Tất cả các tầng lớp nhân dân, các dân tộc đều tham gia kháng chiến, tạo thành khối đoàn kết toàn dân vững chắc.

Để chuẩn bị cho cuộc kháng chiến chống quân Nguyên năm 1285, nhà Trần đã tổ chức Hội nghị Bình Than (1282) triệu tập vương hầu, quý tộc, tướng lĩnh để bàn kế sách đánh giặc. Trong thời gian này, Trần Quốc Tuấn viết *Hịch tướng sĩ* khích lệ quân sĩ đứng lên đánh giặc. Năm 1285, tại điện Diên Hồng ở kinh thành Thăng Long, khi Thượng hoàng Trần Thánh Tông hỏi về quyết tâm đánh giặc, các bô lão đồng thanh hô lớn: "Đánh!".

TƯ LIỆU 2. Trần Quốc Tuấn đã tổng kết nguyên nhân thắng lợi: "vì vua tôi đồng tâm, anh em hoà mục, cả nước góp sức, giặc phải bị bắt...".

(Ngô Sỹ Liên, *Đại Việt sử ký toàn thư*, Tập II, NXB Khoa học xã hội, Hà Nội, 1998, tr. 79)

Thứ ba, kế sách đánh giặc đúng đắn, linh hoạt, nghệ thuật quân sự độc đáo, sáng tạo cũng là nguyên nhân quan trọng đưa đến thắng lợi của các cuộc kháng chiến.

Trong cuộc kháng chiến chống Tống (1075 – 1077), Triều Lý đã thực hiện kế sách "tiên phát chế nhân", chủ động tập kích vào các căn cứ Khâm Châu, Liêm Châu, Ung Châu (Trung Quốc) nhằm ngăn chặn âm mưu xâm lược của quân Tống.

Trong cuộc kháng chiến chống quân Thanh, Quang Trung đã vận dụng nghệ thuật "đánh nhanh, thắng nhanh" một cách chủ động, bằng trận quyết chiến chiến lược ở Ngọc Hồi – Đống Đa (Hà Nội) đã đánh tan hàng chục vạn quân Thanh xâm lược chỉ trong thời gian ngắn.

Thứ tư, những người lãnh đạo, chỉ huy các cuộc kháng chiến chống ngoại xâm đều là các vị tướng lĩnh tài năng, mưu lược như: Ngô Quyền, Lê Hoàn, Lý Thường Kiệt, Trần Quốc Tuấn, Nguyễn Huệ,...

Ngoài ra, các cuộc chiến tranh xâm lược của ngoại bang là chiến tranh phi nghĩa. Trong quá trình xâm lược, quân giặc còn gặp một số khó khăn như đường hành quân xa, thiếu lương thực, không quen địa hình và điều kiện tự nhiên của Đại Việt,...

1. Khai thác Tư liệu 2 và thông tin trong mục, nêu những biểu hiện của tinh thần đoàn kết toàn dân trong các cuộc kháng chiến.
2. Giải thích những nguyên nhân chính đưa đến thắng lợi của các cuộc kháng chiến.

3. Một số cuộc kháng chiến không thành công

a) Khái quát về một số cuộc kháng chiến không thành công

Trong các cuộc kháng chiến chống ngoại xâm của dân tộc Việt Nam, có một số cuộc kháng chiến không thành công như: kháng chiến chống quân Triệu của An Dương Vương (179 TCN), kháng chiến chống quân Minh của nhà Hồ (1406 – 1407) và kháng chiến chống thực dân Pháp của nhà Nguyễn (1858 – 1884).

Bảng 2. Tóm tắt một số cuộc kháng chiến không thành công

Tên cuộc kháng chiến	Nội dung chính
Kháng chiến chống quân Triệu (179 TCN)	Sau nhiều năm tấn công xâm lược Âu Lạc nhưng thất bại, Triệu Đà lập kế giảng hoà với An Dương Vương để tìm hiểu bí mật quân sự của thành Cổ Loa, rồi bất ngờ đánh úp. Cuộc kháng chiến của nhân dân Âu Lạc thất bại.
Kháng chiến chống quân Minh (1406 – 1407)	• Cuối năm 1406, nhà Minh huy động một lực lượng quân đội lớn do Trương Phụ và Mộc Thạnh chỉ huy sang xâm lược nước Đại Ngu. Thành Đa Bang, Đông Đô (Hà Nội) lần lượt thất thủ, nhà Hồ phải rút quân về cố thủ ở thành Tây Đô (Thanh Hoá). • Đến tháng 6 – 1407, cuộc kháng chiến của nhà Hồ bị thất bại.
Kháng chiến chống thực dân Pháp (1858 – 1884)	• Năm 1858, liên quân Pháp và Tây Ban Nha tấn công Đà Nẵng, mở đầu cho cuộc chiến tranh xâm lược Việt Nam. • Nhân dân phối hợp với quân đội triều đình anh dũng chiến đấu chống quân xâm lược Pháp ở các mặt trận: Đà Nẵng, Gia Định, Bắc Kì,... Một số cuộc nổi dậy chống quân Pháp xâm lược do Trương Định, Nguyễn Trung Trực, Võ Duy Dương, Nguyễn Hữu Huân,... lãnh đạo và chiến thắng Cầu Giấy lần 1, lần 2,... đã gây cho Pháp nhiều thiệt hại. • Trong lúc phong trào kháng chiến đang diễn ra mạnh mẽ thì triều đình nhà Nguyễn đã từng bước nhượng bộ, lần lượt kí với Pháp các bản hiệp ước Nhâm Tuất (1862), Giáp Tuất (1874), Hác-măng (1883) và Pa-tơ-nốt (1884). • Hiệp ước Pa-tơ-nốt đánh dấu sự đầu hàng hoàn toàn của Triều Nguyễn trước thực dân Pháp, kết thúc giai đoạn tồn tại của Nhà nước phong kiến Việt Nam độc lập.

Trình bày một số nét chính về các cuộc kháng chiến không thành công trong lịch sử dân tộc.

b) Nguyên nhân kháng chiến không thành công

Các cuộc kháng chiến không thành công là do một số nguyên nhân chủ yếu sau đây:

Một là, những người lãnh đạo kháng chiến đã không tập hợp được đông đảo quần chúng nhân dân tham gia, không xây dựng được khối đoàn kết toàn dân.

Tương truyền, An Dương Vương không nghe lời khuyên bảo, can ngăn của các tướng giỏi như Cao Lỗ, Nồi Hầu,... làm cho nội bộ bất hoà.

TƯ LIỆU 3. Khi họp bàn về kế sách chống giặc Minh, Hồ Nguyên Trừng nói: "Thần không sợ đánh, chỉ sợ lòng dân không theo mà thôi".

(Theo Ngô Sỹ Liên, *Đại Việt sử ký toàn thư*, Tập II, Sđd, tr. 211)

Hai là, trong quá trình tổ chức kháng chiến, những người lãnh đạo, chỉ huy phạm phải một số sai lầm nghiêm trọng.

Triều Hồ quá chú trọng vào việc xây dựng các phòng tuyến quân sự và lực lượng quân đội chính quy. Trong chiến đấu chủ yếu phòng ngự, cố thủ trong các thành Đa Bang, Đông Đô (Hà Nội), Tây Đô (Thanh Hoá).

Triều Nguyễn không có đường lối kháng chiến đúng đắn lại thiên về chủ hoà. Các phong trào kháng chiến của nhân dân tuy diễn ra quyết liệt nhưng thiếu sự lãnh đạo thống nhất của triều đình.

Ba là, tương quan lực lượng chênh lệch không có lợi cho cuộc kháng chiến của nhân dân Việt Nam cũng là nguyên nhân khách quan dẫn đến sự thất bại của các cuộc kháng chiến.

1. Khai thác Tư liệu 3, em rút ra bài học lịch sử gì?
2. Giải thích nguyên nhân không thành công của một số cuộc kháng chiến chống ngoại xâm.

LUYỆN TẬP VÀ VẬN DỤNG

1. Lập sơ đồ tư duy tóm tắt nội dung chính của một số cuộc kháng chiến thắng lợi tiêu biểu trước Cách mạng tháng Tám năm 1945 (thời gian, đối tượng xâm lược/kẻ thù, chiến thắng tiêu biểu, kết quả).

2. Kể tên một số vị tướng tài giỏi trong các cuộc kháng chiến chống ngoại xâm của dân tộc. Em có ấn tượng với vị tướng nào nhất? Vì sao?

Sưu tầm thêm tư liệu từ sách, báo và internet, hãy chỉ ra những bài học từ lịch sử chống ngoại xâm của dân tộc Việt Nam. Những bài học đó có giá trị như thế nào đối với công cuộc xây dựng và bảo vệ Tổ quốc hiện nay?

BÀI 8

MỘT SỐ CUỘC KHỞI NGHĨA VÀ CHIẾN TRANH GIẢI PHÓNG TRONG LỊCH SỬ VIỆT NAM (TỪ THẾ KỈ III TRƯỚC CÔNG NGUYÊN ĐẾN CUỐI THẾ KỈ XIX)

Học xong bài này, em sẽ:

- Trình bày được nội dung chính của các cuộc khởi nghĩa tiêu biểu trong thời kì Bắc thuộc và nêu được ý nghĩa của các cuộc khởi nghĩa đó.
- Nêu được bối cảnh lịch sử, trình bày được diễn biến chính và ý nghĩa của khởi nghĩa Lam Sơn.
- Biết cách sưu tầm và sử dụng tư liệu lịch sử về phong trào Tây Sơn.
- Trình bày được bối cảnh lịch sử, diễn biến chính và nêu được ý nghĩa của phong trào Tây Sơn.
- Rút ra được những bài học lịch sử chính của các cuộc khởi nghĩa và chiến tranh giải phóng trong lịch sử Việt Nam.
- Nêu được các bài học lịch sử đối với sự nghiệp xây dựng và bảo vệ Tổ quốc hiện nay.
- Tự hào về truyền thống đấu tranh bất khuất của dân tộc Việt Nam trong lịch sử, sẵn sàng tham gia đóng góp vào sự nghiệp xây dựng và bảo vệ Tổ quốc.

Chủ tịch Hồ Chí Minh đã khẳng định: "Dân ta có một lòng nồng nàn yêu nước. Đó là một truyền thống quý báu của ta. Từ xưa đến nay, mỗi khi Tổ quốc bị xâm lăng, thì tinh thần ấy lại sôi nổi, nó kết thành một làn sóng vô cùng mạnh mẽ, to lớn, nó lướt qua mọi sự nguy hiểm, khó khăn, nó nhấn chìm tất cả lũ bán nước và lũ cướp nước."

(*Hồ Chí Minh: Toàn tập*, Tập 6, NXB Chính trị quốc gia, 2002, tr. 171)

Lời khẳng định trên gợi cho em suy nghĩ gì về truyền thống yêu nước của dân tộc Việt Nam? Hãy kể tên và chia sẻ hiểu biết của em về một số cuộc khởi nghĩa và chiến tranh giải phóng dân tộc trong lịch sử Việt Nam mà em đã được học.

1. Một số cuộc khởi nghĩa tiêu biểu trong thời kì Bắc thuộc

Trong hơn một nghìn năm Bắc thuộc, nhiều cuộc khởi nghĩa giành độc lập của nhân dân Việt Nam đã nổ ra liên tục và mạnh mẽ.

Bảng 1. Tóm tắt một số cuộc khởi nghĩa tiêu biểu trong thời kì Bắc thuộc

Tên cuộc khởi nghĩa	Người lãnh đạo	Chống chính quyền cai trị	Tóm tắt diễn biến chính và kết quả
Hai Bà Trưng	Trưng Trắc, Trưng Nhị	Nhà Hán	• Năm 40, Hai Bà Trưng khởi nghĩa ở Hát Môn, sau đó nghĩa quân đánh chiếm vùng Mê Linh, Cổ Loa (thành phố Hà Nội) và Luy Lâu (tỉnh Bắc Ninh). Thái thú Tô Định bỏ chạy về nước. Cuộc khởi nghĩa thắng lợi bước đầu, Trưng Trắc lên làm vua. • Năm 43, khởi nghĩa Hai Bà Trưng bị đàn áp và thất bại.
Bà Triệu	Triệu Thị Trinh	Nhà Ngô	Năm 248, Triệu Thị Trinh lãnh đạo nhân dân khởi nghĩa. Nhà Ngô huy động một lực lượng lớn mới đàn áp được.
Lý Bí	Lý Bí, Triệu Quang Phục	Nhà Lương và nhà Tuỳ	• Năm 542, Lý Bí khởi nghĩa chống nhà Lương. Năm 544, cuộc khởi nghĩa thắng lợi, thành lập nước Vạn Xuân. Sau khi Lý Bí qua đời, Triệu Quang Phục lên nắm quyền lãnh đạo tiếp tục cuộc khởi nghĩa. • Năm 545, nhà Lương cho quân sang xâm lược, Triệu Quang Phục chỉ huy nghĩa quân chiến đấu dũng cảm, sáng tạo và giành thắng lợi. • Năm 602, nhà Tuỳ đem quân sang đàn áp, cuộc khởi nghĩa thất bại.
Phùng Hưng	Phùng Hưng	Nhà Đường	• Cuối thế kỉ VIII, Phùng Hưng khởi nghĩa ở Đường Lâm (nay thuộc phường Sơn Tây, thành phố Hà Nội), đánh chiếm phủ thành Tống Bình, quản lí đất nước trong một thời gian. Sau đó, nhà Đường đem quân đàn áp, khởi nghĩa thất bại.



Hình 1. Hai Bà Trưng cưỡi voi ra trận (tranh dân gian Đông Hồ)

Đầu thế kỉ X, cuộc nổi dậy của Khúc Thừa Dụ và trận chiến trên sông Bạch Đằng (938) do Ngô Quyền lãnh đạo giành thắng lợi đã kết thúc hoàn toàn hơn 1 000 năm đô hộ của phong kiến phương Bắc, mở ra thời kì độc lập, tự chủ lâu dài của dân tộc.

Các cuộc khởi nghĩa trong thời kì Bắc thuộc thể hiện tinh thần yêu nước, ý chí quật cường của dân tộc trong đấu tranh chống ách đô hộ của các triều đại phong kiến phương Bắc, giành độc lập dân tộc.

1. Khai thác Bảng 1 (tr. 51) và thông tin trong mục, trình bày nét chính về một số cuộc khởi nghĩa tiêu biểu trong thời kì Bắc thuộc.
2. Nêu ý nghĩa của các cuộc khởi nghĩa tiêu biểu trong thời kì Bắc thuộc.

2. Khởi nghĩa Lam Sơn (1418 – 1427)

a) Bối cảnh lịch sử

Năm 1407, cuộc kháng chiến chống quân Minh của nhà Hồ thất bại, đất nước ta bước vào thời kì bị nhà Minh đô hộ (1407 – 1427). Nhà Minh đã thi hành chính sách cai trị, bóc lột nặng nề đối với nhân dân Việt Nam.

Về hành chính, đổi tên nước ta thành Giao Chỉ, chia thành các phủ, huyện để cai trị.

Về kinh tế – xã hội, đặt ra nhiều thứ thuế nặng nề, lùng bắt những người tài đem về nước phục dịch.

Về văn hoá, bắt dân ta phải theo phong tục của Trung Hoa, dùng nhiều thủ đoạn để thủ tiêu nền văn hoá Việt như ra lệnh đục bia, đốt sách,...

Dưới ách thống trị của nhà Minh, nhân dân ta đã nổi dậy ở nhiều nơi, tiêu biểu là các cuộc khởi nghĩa của Trần Ngỗi (1407 – 1409), Trần Quý Khoáng (1409 – 1413),... song đều bị đàn áp.

Trước cảnh nước mất, nhân dân lầm than, Lê Lợi – một hào trưởng có uy tín lớn ở vùng Lam Sơn (tỉnh Thanh Hoá) đã dốc hết tài sản để triệu tập nghĩa sĩ, bí mật liên lạc với các hào kiệt, xây dựng lực lượng và chọn Lam Sơn làm căn cứ cho cuộc khởi nghĩa.



Hình 2. Tượng đài Lê Lợi (tỉnh Thanh Hoá)

Trình bày bối cảnh lịch sử của cuộc khởi nghĩa Lam Sơn.

b) Diễn biến chính

Năm 1416, Lê Lợi cùng các hào kiệt tổ chức Hội thề ở Lũng Nhai (Thanh Hoá), quyết tâm đánh đuổi giặc Minh. Đầu năm 1418, tại vùng núi rừng Lam Sơn, Lê Lợi tự xưng là Bình Định Vương, kêu gọi nhân dân đứng lên đánh giặc cứu nước.

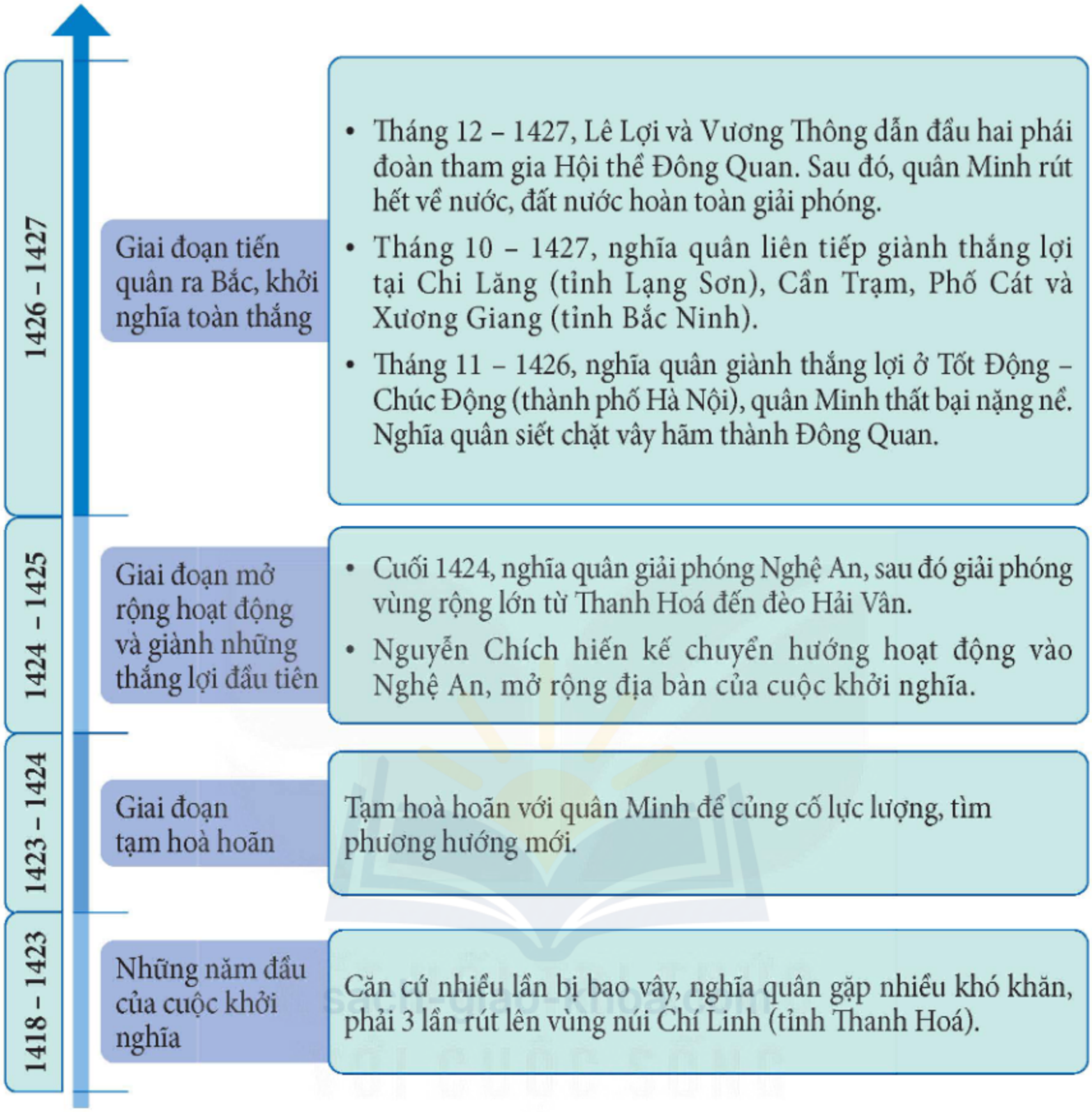
EM CÓ BIẾT ?

Trong khởi nghĩa Lam Sơn từng diễn ra hai hội thề mở đầu và kết thúc cuộc khởi nghĩa tiêu biểu trong lịch sử:

- Năm 1416, Lê Lợi cùng các hào kiệt tổ chức hội thề ở Lũng Nhai (Thanh Hoá) nguyện một lòng đánh giặc cứu nước.
- Hội thề Đông Quan (Hà Nội) do Lê Lợi và Vương Thông dẫn đầu hai phía để bàn về kết thúc chiến tranh, quân Minh rút về nước, thể hiện khát vọng cao cả: *Mở nền thái bình muôn thuở, tắt muôn đời chiến tranh.*



Hình 3. Lược đồ khởi nghĩa Lam Sơn (1418 – 1427)



Hình 4. Sơ đồ tóm tắt diễn biến chính của khởi nghĩa Lam Sơn

1. Khai thác lược đồ Hình 3 và sơ đồ Hình 4, trình bày diễn biến chính của khởi nghĩa Lam Sơn.
2. Việc tổ chức Hội thề Đông Quan có ý nghĩa như thế nào?

c) Ý nghĩa lịch sử

Khởi nghĩa Lam Sơn đã phát triển thành một cuộc chiến tranh giải phóng dân tộc, có tính chất nhân dân rộng rãi. Cuộc khởi nghĩa thắng lợi đã chấm dứt thời kì đô hộ của nhà Minh, khôi phục nền độc lập dân tộc, đập tan âm mưu thủ tiêu nền văn hoá Đại Việt, mở ra thời kì phát triển mới của đất nước.



Hình 5. Khu di tích Lam Kinh (Thanh Hoá)

TƯ LIỆU 2.

... Xã tắc do đó vững bền,
Non sông từ đây đổi mới.
...
Để mở nền thái bình muôn thuở,
Để rửa mối sỉ nhục ngàn thu.

(Trích *Bình Ngô đại cáo* trong *Đại Việt sử ký toàn thư*, Tập II, Sđd, tr. 287 – 288)

sach-giao-khoa.com

Khai thác Tư liệu 2 và thông tin trong mục, trình bày ý nghĩa lịch sử của cuộc khởi nghĩa Lam Sơn.

3. Phong trào Tây Sơn

a) Bối cảnh lịch sử

Từ giữa thế kỉ XVIII, tình hình chính trị, kinh tế, xã hội ở Đàng Trong đã có những dấu hiệu khủng hoảng.

Về chính trị, chúa Nguyễn Phúc Thuần nối ngôi lúc 12 tuổi, chỉ thích chơi bời múa hát,... quyền hành tập trung vào tay quyền thần Trương Phúc Loan. Bộ máy quan lại các cấp cồng kềnh và tệ tham nhũng trở nên nghiêm trọng. Do tệ mua bán quan chức nên một xã có thể lên đến 16 – 17 người thu thuế và hơn 20 xã trưởng.

EM CÓ BIẾT ?

Trương Phúc Loan (? – 1776) quê ở Thanh Hoá, là cậu ruột của chúa Nguyễn Phúc Khoát. Sau khi chúa Nguyễn Phúc Khoát mất, ông tìm cách đưa Nguyễn Phúc Thuần lên ngôi chúa. Năm 1765, ông tự xưng là Quốc phó, chuyên quyền hơn 30 năm, là người rất tham lam và tàn nhẫn, "nhà chứa vàng bạc, của cải vô số".

Về kinh tế, chế độ thuế khoá, binh dịch nặng nề làm cho đời sống nhân dân gặp nhiều khó khăn.

Dưới ách cai trị của chính quyền chúa Nguyễn, các tầng lớp nhân dân đều bất bình, đứng lên đấu tranh, tiêu biểu như: cuộc nổi dậy của Lý Văn Quang ở Trấn Biên (nay thuộc tỉnh Đồng Nai), cuộc khởi nghĩa của chàng Lía ở Truông Mây (nay thuộc xã Hoài An, tỉnh Gia Lai),... Tuy nhiên, các cuộc đấu tranh này đều bị dập tắt.

Trình bày bối cảnh lịch sử của phong trào Tây Sơn.

b) Diễn biến chính

EM CÓ BIẾT ?

Tây Sơn thượng đạo là một vùng cao nguyên rộng lớn, bằng phẳng, bốn mặt có núi cao và rừng già bao bọc. Đất đai ở đây phì nhiêu, có nhiều lâm thổ sản quý, voi, ngựa,...

Mùa xuân năm 1771, ba anh em Nguyễn Nhạc, Nguyễn Huệ, Nguyễn Lữ dựng cờ khởi nghĩa ở Tây Sơn thượng đạo (vùng phía trên đèo An Khê, tỉnh Gia Lai ngày nay) chống lại chính quyền chúa Nguyễn.

Bảng 2. Tóm tắt một số sự kiện chính của phong trào Tây Sơn

Năm	Sự kiện
1773	Chiếm được phủ thành Quy Nhơn.
1774	Kiểm soát được vùng đất rộng lớn từ Quảng Nam (nay thuộc thành phố Đà Nẵng) đến Bình Thuận (nay thuộc tỉnh Lâm Đồng).
1777	Lật đổ chính quyền chúa Nguyễn.
1778	Nguyễn Nhạc lên ngôi hoàng đế, đóng đô ở thành Đồ Bàn (thuộc phường An Nhơn, tỉnh Gia Lai ngày nay).
1785	Chiến thắng Rạch Gầm – Xoài Mút (tỉnh Đồng Tháp), đánh tan 5 vạn quân Xiêm.
1786	• Hạ thành Phú Xuân, giải phóng toàn bộ vùng đất Đàng Trong. • Lật đổ chính quyền họ Trịnh.
1788	Nguyễn Huệ lên ngôi hoàng đế, lấy niên hiệu là Quang Trung, tiến quân ra Bắc.
1789	Chiến thắng Ngọc Hồi – Đống Đa (thành phố Hà Nội), đánh tan 29 vạn quân Thanh.



Hình 6. Lược đồ diễn biến phong trào Tây Sơn

Khai thác Bảng 2 (tr. 56) và lược đồ Hình 6, trình bày diễn biến chính của phong trào Tây Sơn.

c) Ý nghĩa lịch sử

Phong trào Tây Sơn từ một cuộc khởi nghĩa địa phương đã phát triển thành phong trào dân tộc rộng lớn, lập nên những chiến công hiển hách. Phong trào đã lật đổ các chính quyền phong kiến Nguyễn – Trịnh, xoá bỏ tình trạng chia cắt đất nước. Đồng thời, phong trào còn đánh tan các thế lực ngoại xâm hùng mạnh, bảo vệ vững chắc nền độc lập dân tộc và chủ quyền lãnh thổ của Tổ quốc.

EM CÓ BIẾT ?

Bảo tàng Quang Trung ở xã Tây Sơn, tỉnh Gia Lai, khánh thành vào năm 1978. Nơi đây lưu giữ nhiều hiện vật lịch sử liên quan đến cuộc khởi nghĩa Tây Sơn. Hằng năm, bảo tàng thu hút được đông đảo người dân đến tham quan, tìm hiểu về lịch sử.



Hình 7. Tượng Quang Trung ở Bảo tàng Quang Trung

Trình bày ý nghĩa lịch sử của phong trào Tây Sơn.

4. Những bài học lịch sử chính

Các cuộc khởi nghĩa và chiến tranh giải phóng trong lịch sử dân tộc dù thắng lợi hay thất bại đều để lại những bài học lịch sử sâu sắc và giữ nguyên giá trị đến ngày nay.

Thứ nhất, bài học về xây dựng lực lượng. Đây là một trong những nhân tố quyết định thắng lợi của công cuộc chống ngoại xâm của dân tộc.

Hội thề Lũng Nhai với sự tập hợp của các anh hùng hào kiệt các nơi đã đặt cơ sở cho sự hình thành hạt nhân đầu tiên của bộ tham mưu khởi nghĩa Lam Sơn.

Khi Quang Trung tiến quân ra Bắc, đến Nghệ An, ông tổ chức một cuộc duyệt binh lớn, tự mình cưỡi voi ra trận để khích lệ quân sĩ. Tại Thanh Hoá, Quang Trung tuyển mộ thêm binh sĩ và đọc bài dụ quân sĩ tham gia đánh giặc. Nhờ vậy, lực lượng quân Tây Sơn đã tăng lên nhanh chóng.

Thứ hai, bài học về xây dựng khối đại đoàn kết toàn dân. Đoàn kết là sức mạnh giúp nhân dân Việt Nam có thể vượt qua mọi khó khăn, thử thách.

Với tư tưởng "Đem đại nghĩa để thắng hung tàn, lấy chí nhân để thay cường bạo", khởi nghĩa Lam Sơn không chỉ thu hút được sự ủng hộ nhiệt tình, đoàn kết của nhân dân mà còn tranh thủ được lực lượng của kẻ thù. Bộ chỉ huy nghĩa quân Lam Sơn là hình ảnh thu nhỏ của khối đoàn kết toàn dân, với đầy đủ thành phần, lứa tuổi như: hào trưởng (Lê Lợi), nho sĩ (Nguyễn Trãi), quý tộc (Trần Nguyên Hãn), dân nghèo (Nguyễn Chích), thủ lĩnh dân tộc thiểu số (Lê Lai),...

TƯ LIỆU 3. *Dựng gậy làm cờ, tụ hội bốn phương manh lệ,*
Hoà rượu mời lính, dưới trên một dạ cha con.

(Trích *Bình Ngô đại cáo* trong *Đại Việt sử ký toàn thư*, Tập II, Sđd, tr. 285)

Thứ ba, bài học về nghệ thuật quân sự với những kinh nghiệm đánh giặc dũng cảm và mưu trí, phong phú và độc đáo.

TƯ LIỆU 4. Trần Quốc Tuấn – một nhà quân sự nổi tiếng trong lịch sử dân tộc đã từng nói: "Nó cậy trường trận, ta dựa vào đoản binh. Dùng đoản [binh] chế trường [trận] là sự thường của binh pháp. Nếu chỉ thấy quân nó kéo đến như lửa, như gió thì thế dễ chế ngự. Nếu nó tiến chậm như cách tằm ăn, không cầu thắng chóng, thì phải chọn dùng tướng giỏi, xem xét quyền biến, như đánh cờ vậy, tuỳ thời tạo thế, có được đội quân một lòng như cha con thì mới dùng được".

(Ngô Sỹ Liên, *Đại Việt sử ký toàn thư*, Tập II, Sđd, tr. 79)

Khai thác các tư liệu 3, 4 và thông tin trong mục, nêu những bài học lịch sử của các cuộc khởi nghĩa và chiến tranh giải phóng dân tộc trong lịch sử Việt Nam.

LUYỆN TẬP VÀ VẬN DỤNG

1. Hoàn thành bảng thống kê (theo gợi ý dưới đây vào vở) về nội dung chính của các cuộc khởi nghĩa và chiến tranh giải phóng dân tộc diễn ra từ thế kỉ III TCN đến cuối thế kỉ XIX.

Tên cuộc khởi nghĩa	Thời gian	Địa điểm bùng nổ	Người lãnh đạo	Kết quả
?	?	?	?	?

2. Xây dựng trục thời gian thể hiện những sự kiện chính của phong trào Tây Sơn.

1. Khai thác bài *Bình Ngô đại cáo* của Nguyễn Trãi, chỉ ra một số sự kiện lịch sử tiêu biểu của cuộc khởi nghĩa Lam Sơn (1418 – 1427).

2. Theo em, những bài học lịch sử từ các cuộc khởi nghĩa và chiến tranh giải phóng dân tộc có ý nghĩa như thế nào đối với sự nghiệp xây dựng và bảo vệ Tổ quốc hiện nay? Lấy ví dụ chứng minh.

CHỦ ĐỀ 5

MỘT SỐ CUỘC CẢI CÁCH LỚN TRONG LỊCH SỬ VIỆT NAM (TRƯỚC NĂM 1858)

BÀI 9

CUỘC CẢI CÁCH CỦA HỒ QUÝ LY VÀ TRIỀU HỒ

Học xong bài này, em sẽ:

- Trình bày được bối cảnh lịch sử, nội dung, kết quả, ý nghĩa cuộc cải cách của Hồ Quý Ly và Triều Hồ.
- Có ý thức trân trọng giá trị cuộc cải cách của Hồ Quý Ly và Triều Hồ.

Thành Tây Đô (Thanh Hoá) là toà thành kiên cố với kiến trúc độc đáo bằng đá có quy mô lớn ở Việt Nam được Hồ Quý Ly cho xây dựng vào cuối thế kỉ XIV. Đây là một thành tựu cải cách nổi bật của ông nhằm tăng cường sức mạnh quân sự để chuẩn bị đối phó với cuộc xâm lược của nhà Minh. Ngoài ra, Hồ Quý Ly còn tiến hành cải cách trên các lĩnh vực kinh tế, xã hội, văn hoá, giáo dục. Hãy chia sẻ những điều em biết về bối cảnh, nội dung chính và kết quả cuộc cải cách của Hồ Quý Ly và Triều Hồ.

sach-giao-khoa.com

Hình. Cửa Nam thành Tây Đô (Thanh Hoá)



1. Bối cảnh lịch sử

a) Về kinh tế – xã hội

Từ nửa sau thế kỉ XIV, Nhà nước không còn quan tâm đến sản xuất nông nghiệp và chăm lo tu sửa, bảo vệ đê điều, các công trình thuỷ lợi,... nên nhiều năm bị mất mùa, đói kém. Vương hầu, quý tộc, địa chủ chiếm giữ nhiều ruộng đất khiến ruộng đất của nông dân bị thu hẹp, đời sống bấp bênh, khổ cực. Nhiều nông dân phải bán ruộng đất, vợ, con cho các quý tộc, địa chủ giàu có và bị biến thành nô tì. Mâu thuẫn giữa nông dân nghèo, nô tì với giai cấp thống trị trở nên gay gắt. Nhiều cuộc khởi nghĩa của nông dân và nô tì đã nổ ra như: khởi nghĩa Ngô Bệ (thành phố Hải Phòng), khởi nghĩa Phạm Sư Ôn (thành phố Hà Nội),...

EM CÓ BIẾT ?

Dưới Triều vua Trần Dụ Tông, Chu Văn An từng dâng sớ chém 7 gian thần nhưng không được chấp nhận. Ông từ quan về ở ẩn và dạy học ở Chí Linh (nay thuộc thành phố Hải Phòng).

TƯ LIỆU 1. Nguyễn Phi Khanh – một vị quan dưới Triều Trần và sau là Triều Hồ đã viết:

Ruộng lúa ngàn dặm đỏ như cháy
Đồng quê than văn trông vào đâu?
... Lưỡi chài quan lại còn vơ vét
Máu thịt nhân dân cạn nửa rồi...

(Trương Hữu Quýnh (Chủ biên), *Đại cương lịch sử Việt Nam*, Tập I, NXB Giáo dục, 1998, tr. 249)

sach-giao-khoa.com

b) Về chính trị

Mặc cho đời sống của nhân dân sa sút nghiêm trọng, vua và tầng lớp quý tộc, quan lại nhà Trần ngày càng sa vào những thú ăn chơi, hưởng lạc. Trong triều, trung thần thì ít mà kẻ gian nịnh, cơ hội thì nhiều.

Triều Trần suy yếu đến mức không còn khả năng bảo vệ sự an toàn của đất nước, bất lực trước các cuộc tấn công của Chăm-pa và những yêu sách ngang ngược của nhà Minh (Trung Quốc).

Hồ Quý Ly – một quý tộc thuộc dòng họ ngoại của nhà Trần từng bước thâu tóm quyền lực, buộc vua Trần nhường ngôi, lập ra Triều Hồ (1400).

Khai thác Tư liệu 1 và thông tin trong mục, trình bày bối cảnh lịch sử diễn ra cải cách của Hồ Quý Ly và Triều Hồ.

2. Nội dung cải cách

EM CÓ BIẾT ?

Theo *Từ điển Thuật ngữ lịch sử phổ thông*: Cải cách là sự đổi mới cho tiến bộ hơn, phù hợp với sự phát triển chung của xã hội mà không dụng tới nền tảng của chế độ hiện hành. Trong lịch sử Việt Nam đã diễn ra nhiều cuộc cải cách với quy mô, nội dung và tác dụng, ý nghĩa khác nhau.

Ngay từ khi còn là một đại thần, đặc biệt sau khi lên ngôi vua, Hồ Quý Ly đã tiến hành một cuộc cải cách trên hầu hết các lĩnh vực, nhằm củng cố chế độ quân chủ tập quyền và giải quyết các mâu thuẫn về kinh tế, xã hội xuất hiện cuối thời Trần.

a) Về kinh tế, xã hội

Hồ Quý Ly và Triều Hồ ban hành chính sách hạn điền nhằm hạn chế sự phát triển của chế độ sở hữu lớn về ruộng đất trong các điền trang, thái ấp của tầng lớp quý tộc.

TƯ LIỆU 2. "Các đại vương và trưởng công chúa thì ruộng không hạn chế, cho đến thứ dân thì ruộng chỉ 10 mẫu thôi".

(Ngô Sỹ Liên, *Đại Việt sử ký toàn thư*, Tập II, Sđd, tr. 192)

Triều Hồ còn cho phát hành tiền giấy, cải cách chế độ thuế khoá, thống nhất đơn vị đo lường trong cả nước.

Vua hạ lệnh cho người đem tiền đến đổi, mỗi quan tiền đồng đổi lấy 1 quan 2 tiền giấy. Ai làm tiền giấy giả thì bị tội chém. Ai giấu tiền đồng, không nộp thì phải tội như làm tiền giấy giả.

Triều Hồ cũng quy định số lượng gia nô được sở hữu của mỗi vương hầu, quý tộc, quan lại.

TƯ LIỆU 3. "Phép hạn gia nô, chiếu theo phẩm cấp mà có số khác nhau, thừa ra thì sung vào Nhà nước. Mỗi người phải trả 5 quan tiền. Người nào đáng được có gia nô phải xuất trình chúc thư ba đời,...".

(Ngô Sỹ Liên, *Đại Việt sử ký toàn thư*, Tập II, Sđd, tr. 201)

b) Về quân sự

Hồ Quý Ly và Triều Hồ đã thực hiện một số biện pháp nhằm tăng cường lực lượng quân đội chính quy và phòng thủ ở những nơi hiểm yếu.

Triều Hồ cho thống kê hết số nhân khẩu từ 2 tuổi trở lên. Với biện pháp này, số lượng binh lính trong quân đội tăng lên nhiều lần.

Triều Hồ cũng cho xây dựng nhiều thành luỹ kiên cố như Tây Đô (Thanh Hoá), Đa Bang (Hà Nội),...; chế tạo súng thần cơ, đóng thuyền chiến;...

c) Về văn hoá, giáo dục

Hồ Quý Ly bắt các nhà sư dưới 50 tuổi phải hoàn tục nhằm hạn chế sự phát triển của Phật giáo; chấn chỉnh lại chế độ thi cử, mở rộng việc học, đặt học quan đến cấp phủ, châu.

Triều Hồ chú trọng tổ chức các kì thi, tuyển chọn được nhiều nhân tài cho đất nước. Trong 7 năm (1400 – 1407), Triều Hồ đã tổ chức hai kì thi, lấy đỗ gần 200 người, trong đó có một Trạng nguyên.

Dưới Triều Hồ, chữ Nôm được đề cao, sử dụng trong các sáng tác văn chương, nhiều sách chữ Hán được dịch sang chữ Nôm để dạy cho phi tần, cung nữ như *Quốc ngữ thi nghĩa*, chương *Vô dật* trong *Kinh thư*,...

Khai thác các tư liệu 2, 3 và thông tin trong mục, trình bày nội dung cuộc cải cách của Hồ Quý Ly và Triều Hồ.

3. Kết quả và ý nghĩa

Cuộc cải cách của Hồ Quý Ly và Triều Hồ có nhiều điểm tiến bộ, đã góp phần đưa đất nước từng bước thoát khỏi tình trạng khủng hoảng, củng cố quyền lực của chính quyền trung ương.

Chính sách hạn điền, hạn nô đã làm suy yếu thế lực của tầng lớp quý tộc, tôn thất Triều Trần, đồng thời tăng nguồn thu nhập cho Nhà nước, tăng cường quyền lực của Nhà nước quân chủ trung ương tập quyền.

Những cải cách trên lĩnh vực văn hoá, giáo dục của Hồ Quý Ly và Triều Hồ thể hiện tư tưởng tiến bộ nhằm xây dựng một nền văn hoá, giáo dục mang bản sắc dân tộc.

Cuộc cải cách có ý nghĩa trong việc bước đầu ổn định tình hình xã hội, củng cố tiềm lực của đất nước để chuẩn bị đối phó với giặc ngoại xâm.

Tuy nhiên, những cải cách của Hồ Quý Ly và Triều Hồ vẫn còn chưa triệt để và kết quả trong thực tế còn hạn chế.

Trình bày kết quả và ý nghĩa cuộc cải cách của Hồ Quý Ly và Triều Hồ.

LUYỆN TẬP VÀ VẬN DỤNG

Hoàn thành bảng thống kê (theo gợi ý dưới đây vào vở) về các nội dung chủ yếu trong cuộc cải cách của Hồ Quý Ly và Triều Hồ.

Lĩnh vực	Nội dung cải cách	Ý nghĩa
?	?	?

Có nhận định cho rằng: "Hồ Quý Ly là một nhà cải cách lớn, kiên quyết và táo bạo". Em đồng ý với nhận định đó không? Vì sao? Sưu tầm thêm tư liệu từ sách, báo và internet để tìm dẫn chứng chứng minh cho ý kiến của em.

BÀI 10 CUỘC CẢI CÁCH CỦA LÊ THÁNH TÔNG (THẾ KỈ XV)

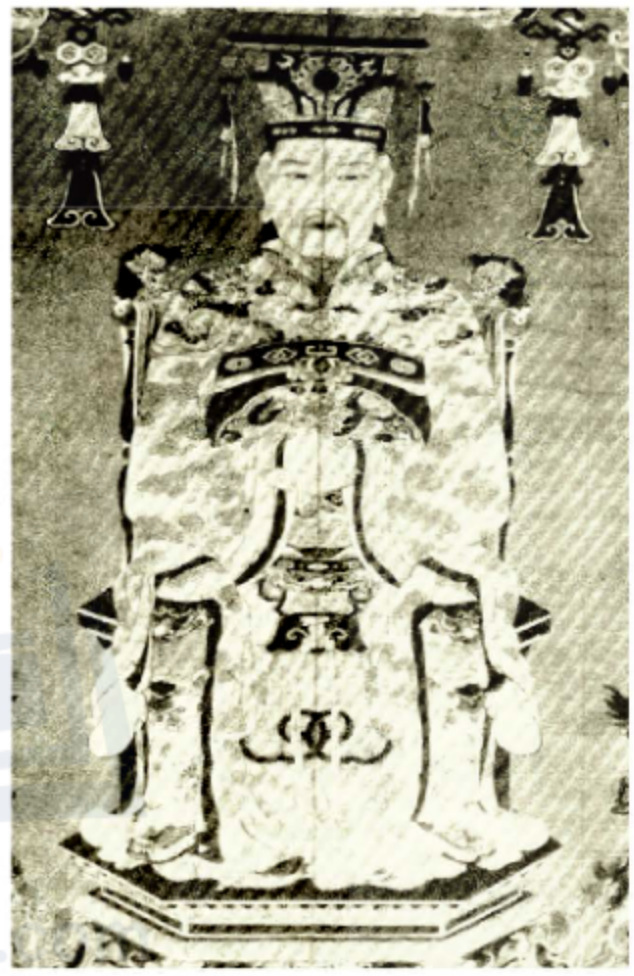
Học xong bài này, em sẽ:

- Trình bày được bối cảnh lịch sử, nội dung, kết quả, ý nghĩa của cuộc cải cách thời Lê Thánh Tông.
- Có ý thức trân trọng giá trị cuộc cải cách của Lê Thánh Tông.

Lê Thánh Tông là một vị vua nổi tiếng trong lịch sử Việt Nam, ông được coi là vị vua "sáng lập chế độ, văn vật khả quan, mở mang đất đai, cõi bờ khá rộng, thực là bậc vua anh hùng tài lược".

(Ngô Sỹ Liên, *Đại Việt sử ký toàn thư*, Tập II, Sđd, tr. 387)

Theo em, vì sao vua Lê Thánh Tông lại được đánh giá cao như vậy? Chia sẻ hiểu biết của em về những chính sách cải cách của Lê Thánh Tông, cũng như kết quả, ý nghĩa của các chính sách đó.



Hình 1. Chân dung vua Lê Thánh Tông (tranh vẽ ở Thái miếu Lam Kinh)

1. Bối cảnh lịch sử

Năm 1460, vua Lê Thánh Tông lên ngôi trong bối cảnh tình hình chính trị, kinh tế, xã hội của đất nước đã từng bước ổn định. Tuy nhiên, bộ máy hành chính nhà nước bắt đầu bộc lộ một số hạn chế.

Ở cấp trung ương, sự tập trung quyền lực chủ yếu trong tay các quan đại thần – những võ quan, công thần trong cuộc khởi nghĩa Lam Sơn đã ảnh hưởng đến tính tập quyền của Nhà nước.

Sau khi vua Lê Thái Tổ qua đời, các vị vua kế vị thường ít tuổi. Tình trạng quan lại lộng quyền, tham nhũng,... ngày càng trở nên phổ biến.

Vua Lê Thái Tông lên ngôi lúc 10 tuổi, vua Lê Nhân Tông lên ngôi lúc 2 tuổi không đủ khả năng kiểm chế tình trạng mâu thuẫn trong nội bộ triều đình. Sự lộng hành của một số quyền thần đã gây nên vụ án oan "Lệ Chi Viên" đối với gia đình Nguyễn Trãi.

Ở cấp địa phương, đất nước rộng lớn nhưng chỉ được chia thành 5 đạo (Đông, Tây, Nam, Bắc và Hải Tây) khiến cho quyền lực của những người đứng đầu mỗi đạo rất lớn, là mầm mống của xu hướng phân tán quyền lực.

Vì vậy, sau khi lên ngôi, vua Lê Thánh Tông đã từng bước tiến hành cải cách nhằm tăng cường quyền lực của Hoàng đế và bộ máy nhà nước.

Trình bày bối cảnh lịch sử cuộc cải cách của vua Lê Thánh Tông.

2. Nội dung cải cách

a) Hành chính

Ở trung ương, vua Lê Thánh Tông xoá bỏ hầu hết các chức quan đại thần có quyền lực lớn, chỉ giữ lại một số ít quan đại thần để cùng vua bàn bạc công việc khi cần thiết. Vua nắm mọi quyền hành và trực tiếp chỉ đạo các cơ quan chuyên môn.

Ông tổ chức hoàn thiện cơ cấu chức năng của Lục Bộ (sáu bộ), đồng thời đặt ra Lục Tự (sáu tự) để giúp việc cho Lục Bộ, Lục Khoa (sáu khoa) để theo dõi, giám sát hoạt động của Lục Bộ.

EM CÓ BIẾT ?

- *Lục Bộ* (Lại, Hộ, Lễ, Binh, Hình, Công) là cơ quan chuyên môn quan trọng. Đầu Triều Lê sơ, nhà nước chỉ có Bộ Lại và Bộ Lễ. Năm 1460, vua Lê Nghi Dân đặt Lục Bộ, nhưng đến năm 1465, vua Lê Thánh Tông mới đưa Lục Bộ trở thành cơ quan có quyền lực thực sự.
- Đô ty phụ trách quân sự. Thừa ty trông coi dân sự. Hiến ty nắm quyền tư pháp.

Ở địa phương, năm 1466, vua Lê Thánh Tông xoá bỏ 5 đạo, chia đất nước thành 12 thừa tuyên và phủ Trung Đô (Thăng Long); năm 1469, đổi tên một số thừa tuyên như Quốc Oai thành Sơn Tây, Bắc Giang thành Kinh Bắc, Nam Sách thành Hải Dương, Thiên Trường thành Sơn Nam; năm 1471, đặt thêm thừa tuyên thứ 13 là Quảng Nam. Đứng đầu thừa tuyên là Đô ty, Thừa ty và Hiến ty có quyền ngang nhau, cùng quản lí công việc chung. Dưới thừa tuyên là phủ, huyện, châu và cuối cùng là xã.

Quan lại trong bộ máy nhà nước được tuyển chọn chủ yếu thông qua khoa cử. Nhà nước chú trọng xây dựng đội ngũ quan lại có năng lực và phẩm chất tốt.

Trong thời kì trị vì của vua Lê Thánh Tông, nhiều khoa thi được tổ chức, chọn được nhiều người tài. Vua cũng đặt ra lệ định kì kiểm tra năng lực quan lại, ai làm tốt thì được thăng chức, ai phạm lỗi thì bị phạt.



Hình 2. Lược đồ Đại Việt thời vua Lê Thánh Tông (1460 – 1497)

b) Pháp luật

EM CÓ BIẾT ?

Luật Hồng Đức đã được dịch và xuất bản bằng tiếng Pháp (1911), tiếng Anh (1987).

Vua Lê Thánh Tông chú trọng hoàn thiện hệ thống pháp luật để quản lí nhà nước. Năm 1483, Nhà nước ban hành bộ *Quốc triều hình luật (Luật Hồng Đức)* gồm 722 điều với nhiều quy định mang tính dân tộc sâu sắc như các điều luật bảo vệ phụ nữ, người già, người tàn tật, trẻ em, bảo vệ sản xuất nông nghiệp,...

TƯ LIỆU 1. • "Người con gái hứa gả chồng mà chưa thành hôn nếu người con trai bị ác tật hay phạm tội hoặc phá tán gia sản thì cho phép người con gái kêu quan mà trả lại đồ lễ. Nếu người con gái bị ác tật hay phạm tội thì không phải trả lại đồ lễ, trái luật bị phạt 80 trượng" (Điều 322).

• "Phá trộm đê làm thiệt hại nhà cửa, lúa má của dân thì xử tội đồ hay tội lưu và bắt đền thiệt hại" (Điều 596).

(*Quốc triều hình luật (Luật hình Triều Lê)* (Viện Sử học dịch), NXB Chính trị quốc gia Sự thật, Hà Nội, 2017, tr. 113 – 114, 190)

c) Quân đội và quốc phòng

Năm 1466, vua Lê Thánh Tông tiến hành cải tổ hệ thống quân đội. Quân đội được chia làm hai loại: quân thường trực bảo vệ kinh thành gọi là cấm binh hay thân binh và quân các đạo, gọi là ngoại binh. Ở mỗi đạo chia binh làm 5 phủ do đô đốc phủ đứng đầu; mỗi phủ gồm 6 vệ; mỗi vệ có 5 hoặc 6 sở. Nhà nước cũng rất chú ý đến rèn luyện quân đội như duyệt binh sĩ hằng năm, quy định cứ 3 năm tổ chức một kì thi khảo võ nghệ của quân sĩ và định lệ thưởng phạt,...

d) Kinh tế

Vua Lê Thánh Tông ban hành các chính sách phát triển kinh tế như chế độ lộc điền và chế độ quân điền.

Chế độ lộc điền là chế độ ban cấp ruộng đất làm bổng lộc cho quý tộc, quan lại cao cấp từ tứ phẩm trở lên.

Chế độ quân điền là chế độ chia ruộng đất thành các phần bằng nhau, ban cấp lần lượt cho quan lại từ tam phẩm trở xuống đến tất cả các tầng lớp nhân dân, trong đó có cả trẻ em mồ côi, đàn bà goá, người tàn tật,... Nguyên tắc ban cấp là ruộng xã nào chia cho dân xã ấy.

e) Văn hoá, giáo dục

Vua Lê Thánh Tông coi trọng biên soạn quốc sử, "xem sử như một tấm gương" để soi vào mà biết đúng sai. Việc sử dụng lễ, nhạc, quy chế thi cử,... cũng được luật hoá nghiêm túc.

Vua Lê Thánh Tông đặc biệt chú trọng giáo dục và khoa cử để đào tạo, tuyển dụng nhân tài cho đất nước. Ông cho xây dựng lại Văn Miếu, mở rộng nhà Thái Học và lập trường học ở nhiều địa phương; cho dựng bia đá ở Văn Miếu để tôn vinh những người đỗ đại khoa. Trong thời kì trị vì của vua Lê Thánh Tông, Nhà nước đã tổ chức được 12 khoa thi Hội, lấy đỗ hơn 500 tiến sĩ.

1. Khai thác Tư liệu 1, hãy chỉ ra những điểm tiến bộ của bộ *Luật Hồng Đức*.

2. Trình bày những nội dung cơ bản trong cải cách của vua Lê Thánh Tông.

3. Kết quả và ý nghĩa

Cuộc cải cách của vua Lê Thánh Tông đã làm cho bộ máy nhà nước trở nên quy củ, chặt chẽ, tập trung cao độ, đề cao quyền hành toàn diện của hoàng đế. Các chức danh được quy định rõ ràng, hệ thống giám sát được tăng cường, hạn chế sự tập trung quyền lực dẫn đến chuyên quyền và nguy cơ cát cứ.

TƯ LIỆU 2. Cuộc cải cách của vua Lê Thánh Tông "khiến cho quan to, quan nhỏ đều ràng buộc với nhau. Chức trọng, chức khinh cùng kiềm chế lẫn nhau. Uy quyền không bị lợi dụng, thế nước vậy là khó lay".

(Ngô Sỹ Liên, *Đại Việt sử ký toàn thư*, Tập II, Sđd, tr. 454)

Các chính sách về ruộng đất góp phần khẳng định quyền sở hữu tối cao của Nhà nước, tạo nền tảng cho kinh tế nông nghiệp phát triển. Chính sách giáo dục, khoa cử đã đào tạo được hệ thống quan lại trí thức có tài, đủ năng lực quản lí đất nước.

Cuộc cải cách của vua Lê Thánh Tông có ý nghĩa quan trọng trong việc làm chuyển biến toàn bộ các hoạt động của quốc gia, tạo cơ sở cho Vương triều Lê sơ phát triển vững mạnh, đất nước hưng thịnh.

Khai thác Tư liệu 2 và thông tin trong mục, trình bày kết quả, ý nghĩa cuộc cải cách của vua Lê Thánh Tông.

LUYỆN TẬP VÀ VẬN DỤNG

1. Lập sơ đồ tư duy về bối cảnh lịch sử, nội dung chủ yếu và kết quả, ý nghĩa cải cách của vua Lê Thánh Tông.

2. Vẽ sơ đồ tổ chức bộ máy nhà nước thời vua Lê Thánh Tông.

Dựa vào kiến thức đã học và tìm hiểu thêm từ sách, báo, internet về cải cách của vua Lê Thánh Tông (thế kỉ XV), em hãy nêu ra một số bài học có thể vận dụng, kế thừa trong công cuộc xây dựng và phát triển đất nước hiện nay.

BÀI 11

CUỘC CẢI CÁCH CỦA MINH MẠNG (NỬA ĐẦU THẾ KỈ XIX)

Học xong bài này, em sẽ:

- Trình bày được bối cảnh lịch sử, nội dung, kết quả, ý nghĩa cuộc cải cách của Minh Mạng.
- Có ý thức trân trọng giá trị của cuộc cải cách Minh Mạng.

Minh Mạng được xem là một vị vua tài năng và quyết đoán của Triều Nguyễn. Trong thời gian trị vì, ông đã thực hiện một số cải cách nhằm tăng cường tính thống nhất và tiềm lực của đất nước. Vậy, nội dung chủ yếu của cuộc cải cách thời vua Minh Mạng là gì? Những cải cách đó đạt được kết quả và ý nghĩa như thế nào?



Hình 1. Vua Minh Mạng (1791 – 1841)

1. Bối cảnh lịch sử

Năm 1802, Triều Nguyễn được thành lập, cai quản đất nước rộng lớn, kéo dài từ Bắc vào Nam. Trong bối cảnh đất nước vừa trải qua thời gian chiến tranh và bị chia cắt lâu dài, đặt ra rất nhiều khó khăn. Dưới thời vua Gia Long, Triều Nguyễn tập trung chủ yếu vào công cuộc ổn định tình hình đất nước và ưu tiên cho sự nghiệp thống nhất về mặt lãnh thổ.

Bộ máy hành chính nhà nước thời kì này còn chưa hoàn chỉnh. Ở trung ương, nhiều cơ quan chưa được hoàn thiện. Ở địa phương, tính phân quyền còn đậm nét với sự tồn tại của Bắc Thành và Gia Định Thành. Tổ chức hành chính giữa các khu vực thiếu thống nhất. Quan lại trong bộ máy nhà nước chủ yếu do các võ quan nắm giữ.

EM CÓ BIẾT ?

Bắc Thành và Gia Định Thành là đơn vị hành chính cao hơn trấn. Bắc Thành tồn tại từ năm 1802 đến năm 1831, cai quản 11 trấn phía bắc. Gia Định Thành tồn tại từ năm 1808 đến năm 1832, cai quản 5 trấn phía nam.

Để khắc phục tình trạng phân quyền, thiếu thống nhất, sau khi lên ngôi hoàng đế (1820), vua Minh Mạng đã thi hành các biện pháp cải cách để tập trung quyền lực và hoàn thiện bộ máy nhà nước.

Nêu bối cảnh lịch sử của cuộc cải cách Minh Mạng.

2. Nội dung cải cách



Hình 2. Lược đồ hành chính Việt Nam (sau cải cách Minh Mạng)

Trọng tâm cuộc cải cách của vua Minh Mạng là hành chính.

Ở trung ương, bước đầu tiên trong công cuộc tập trung quyền lực của vua Minh Mạng là tiến hành cải tổ hệ thống Văn thư phòng và thành lập Cơ mật viện.

Năm 1820, đổi Thị thư viện thành Văn thư phòng. Năm 1829, lập Nội các thay thế cho Văn thư phòng với chức năng như một cơ quan hành chính trung ương, chuyển và tiếp nhận công văn từ triều đình đến các địa phương và ngược lại, khởi thảo các chế cáo, lưu giữ công văn.

Năm 1834, lập Cơ mật viện làm cơ quan tư vấn tối cao cho nhà vua về những vấn đề quân sự quan trọng, đứng đầu là quan văn, võ do đích thân nhà vua lựa chọn.

Nội các cùng với Cơ mật viện là hai cơ quan tham mưu và tư vấn tối cao của hoàng đế về hành chính, chính trị và an ninh, quân sự.

Cải cách quan trọng tiếp theo là hoàn thiện cơ cấu, chức năng của Lục Bộ và cải tổ các cơ quan chuyên môn như Quốc tử giám, Hàn lâm viện,...

Vua Minh Mạng cũng thực hiện chế độ giám sát, thanh tra chéo giữa các cơ quan trung ương thông qua hoạt động của Đô sát viện và Lục Khoa.

Ở địa phương, cải cách quan trọng nhất là về hành chính, đặc biệt là chia đất nước thành các tỉnh. Vua Minh Mạng chia cả nước thành 30 tỉnh và phủ Thừa Thiên. Đứng đầu tỉnh là Tổng đốc, Tuần phủ. Tổng đốc thường là người phụ trách hai tỉnh, trực tiếp cai trị một tỉnh. Tỉnh còn lại do Tuần phủ đứng đầu, đặt dưới sự kiêm quản của Tổng đốc.

EM CÓ BIẾT ?

Trong số các liên tỉnh, Lạng – Bình (các tỉnh Lạng Sơn, Cao Bằng ngày nay) và Thuận – Khánh, tức tỉnh Bình Thuận (nay thuộc tỉnh Lâm Đồng) và tỉnh Khánh Hoà không có Tổng đốc, mà chỉ đặt Tuần phủ ở một tỉnh, tỉnh còn lại do Bố chánh điều khiển công việc.

Năm 1831, xoá bỏ Bắc Thành, chia vùng lãnh thổ từ phủ Thừa Thiên ra Bắc thành 18 tỉnh.
Năm 1832, xoá bỏ Gia Định Thành, chia vùng lãnh thổ từ phủ Thừa Thiên vào Nam thành 12 tỉnh.

Đối với vùng dân tộc thiểu số, vua Minh Mạng cho đổi các động, sách thành xã như vùng đồng bằng, đồng thời bãi bỏ chế độ cai trị của các tù trưởng địa phương, bổ dụng quan lại của triều đình đến cai trị trực tiếp.

EM CÓ BIẾT ?

Hồi tỵ có nghĩa là *tránh đi*. Chế độ hồi tỵ quy định những người thân như anh, em, cha, con, thầy, trò,... không được làm quan cùng một chỗ.

Vua Minh Mạng cũng cải tổ chế độ hồi tỵ bằng việc mở rộng phạm vi, đối tượng áp dụng và bổ sung những quy định mới rất nghiêm ngặt.

1. Khai thác lược đồ Hình 2, nêu nhận xét của em về đơn vị hành chính Việt Nam sau cải cách Minh Mạng.

2. Trình bày một số biện pháp cải cách của vua Minh Mạng.

3. Kết quả, ý nghĩa

Cuộc cải cách của vua Minh Mạng đã mang lại nhiều kết quả như: xây dựng được chế độ quân chủ trung ương tập quyền cao độ (vua nắm trong tay quyền lập pháp, hành pháp, tư pháp và thống lĩnh quân đội); thống nhất đơn vị hành chính địa phương trong cả nước; tổ chức cơ cấu bộ máy nhà nước gọn nhẹ, chặt chẽ; phân định cụ thể chức năng, nhiệm vụ của các cơ quan.

Cuộc cải cách có ý nghĩa quan trọng trong việc hoàn thành thống nhất đất nước về mặt hành chính, làm cho hoạt động của bộ máy nhà nước có hiệu quả hơn trước.

Cuộc cải cách Minh Mạng để lại bài học kinh nghiệm đối với tổ chức hoạt động của bộ máy nhà nước. Trong đó, cách thức phân chia đơn vị hành chính cấp tỉnh thời Minh Mạng là một trong những di sản lớn nhất của cuộc cải cách, có giá trị đến ngày nay.



Hình 3. Lăng Minh Mạng (thành phố Huế)

sach-giao-khoa.com

Trình bày kết quả, ý nghĩa của cuộc cải cách Minh Mạng.

LUYỆN TẬP VÀ VẬN DỤNG

1. Lập sơ đồ tư duy tóm tắt bối cảnh, nội dung chính và ý nghĩa của cuộc cải cách Minh Mạng.

2. Nêu nhận xét của em về cuộc cải cách Minh Mạng.

Liên hệ với thực tiễn và tìm hiểu thêm từ sách, báo, internet, cho biết những bài học kinh nghiệm nào từ cuộc cải cách của vua Minh Mạng có thể áp dụng vào việc xây dựng nền hành chính Việt Nam hiện đại? Lấy ví dụ cụ thể.

CHỦ ĐỀ

6

LỊCH SỬ BẢO VỆ CHỦ QUYỀN, CÁC QUYỀN VÀ LỢI ÍCH HỢP PHÁP CỦA VIỆT NAM Ở BIỂN ĐÔNG

BÀI

12

VỊ TRÍ VÀ TẦM QUAN TRỌNG CỦA BIỂN ĐÔNG

Học xong bài này, em sẽ:

- Xác định được vị trí của Biển Đông trên bản đồ. Giải thích được tầm quan trọng chiến lược của Biển Đông về giao thông biển, vị trí chiến lược, nguồn tài nguyên thiên nhiên biển.
- Xác định được vị trí của các đảo, quần đảo ở Biển Đông trên bản đồ. Giải thích được tầm quan trọng chiến lược của các đảo và quần đảo ở Biển Đông.

Biển Đông là một trong những biển lớn và là đường vận chuyển huyết mạch của khu vực châu Á – Thái Bình Dương. Hãy chia sẻ những hiểu biết của em về Biển Đông. Theo em, Biển Đông có tầm quan trọng như thế nào đối với các nước trong khu vực?

Hình 1. Cảng Xin-ga-po (Xin-ga-po) – một trong những cảng biển sầm uất và hiện đại ở Biển Đông



1. Vị trí của Biển Đông



Hình 2. Lược đồ khu vực Biển Đông

Biển Đông là biển thuộc Thái Bình Dương, trải rộng từ khoảng 3°N đến 26°B và khoảng 100°Đ đến 121°Đ. Biển Đông có diện tích khoảng 3,5 triệu km², trải dài khoảng 3 000 km theo trục đông bắc – tây nam, nối liền Thái Bình Dương và Ấn Độ Dương. Đây là biển tương đối kín vì các đường thông ra Thái Bình Dương và Ấn Độ Dương đều có đảo, quần đảo bao bọc.

EM CÓ BIẾT ?

Biển Đông có nhiều cấu trúc địa lí như đảo san hô, bãi cạn, bãi ngầm,... Khí hậu mang tính chất nhiệt đới với nhiệt độ, lượng mưa thay đổi theo vĩ độ và mùa. Đặc biệt, đây là khu vực hình thành và hoạt động nhiều của áp thấp nhiệt đới, bão.

Biển Đông là một trong những biển lớn nhất thế giới, có diện tích gấp khoảng 1,5 lần Địa Trung Hải và 8 lần Biển Đen; độ sâu trung bình khoảng 1 140 m, nơi sâu nhất khoảng hơn 5 000 m.

Quan sát lược đồ Hình 2 (tr. 74) và dựa vào thông tin trong mục, xác định vị trí của Biển Đông. Kể tên các nước và vùng lãnh thổ tiếp giáp với Biển Đông.

2. Tầm quan trọng chiến lược của Biển Đông

a) Tuyến đường giao thông biển huyết mạch

Biển Đông có vị trí quan trọng trong giao thông hàng hải quốc tế. Khu vực này tập trung các tuyến đường biển chiến lược kết nối Thái Bình Dương – Ấn Độ Dương, châu Âu – châu Á, Trung Đông – Đông Á.

5 trong số 10 tuyến đường vận tải biển trọng yếu của thế giới liên quan đến Biển Đông. Giao thông đường biển trong khu vực này nhộn nhịp vào hàng thứ hai thế giới, với nhiều tàu có trọng tải trên 5 000 tấn, trong số đó phần lớn là tàu chở dầu.

Khu vực Biển Đông có nhiều eo biển quan trọng như: eo Đài Loan, Ba-si, Ga-xpa, Ca-ri-ma-ta và đặc biệt là Ma-lắc-ca.

Eo Ma-lắc-ca là điểm điều tiết giao thông đường biển quan trọng bậc nhất châu Á, tạo nên "hành lang" hàng hải chính, kết nối nhiều nước, trong đó có 3 nước đông dân của thế giới là Ấn Độ, In-đô-nê-xi-a và Trung Quốc.

Giải thích vai trò quan trọng chiến lược của Biển Đông trong giao thông hàng hải quốc tế.

b) Địa bàn chiến lược quan trọng ở khu vực châu Á – Thái Bình Dương

Biển Đông có vị trí chiến lược quan trọng ở khu vực châu Á – Thái Bình Dương về quốc phòng – an ninh, giao thông vận tải và các hoạt động kinh tế khác.

Vùng biển này là tuyến đường ngắn nhất tạo thuận lợi cho các tàu biển di chuyển giữa Thái Bình Dương và Ấn Độ Dương.

EM CÓ BIẾT ?

- Các nước giáp Biển Đông có sản lượng đánh bắt và nuôi trồng hải sản đứng hàng đầu thế giới như: Trung Quốc, Thái Lan, Việt Nam, In-đô-nê-xi-a và Phi-líp-pin.
- Theo Tổ chức Lương thực và Nông nghiệp Liên hợp quốc (FAO), Biển Đông là vùng biển có sản lượng đánh bắt hải sản hàng đầu thế giới với khoảng 6 triệu tấn, chiếm 10% tổng khối lượng toàn thế giới, riêng sản lượng cá xếp thứ 4/19 thế giới.

Các nước như Ấn Độ, Nhật Bản, Trung Quốc, Xin-ga-po, Ma-lai-xi-a, Việt Nam,... đều có các hoạt động thương mại hàng hải hoặc cả hoạt động khai thác hải sản và dầu khí rất sôi động trên vùng biển này.

Các cảng biển lớn trên Biển Đông là điểm trung chuyển, trao đổi và bốc dỡ hàng hoá quan trọng của nhiều tàu thuyền như các cảng: Xin-ga-po (Xin-ga-po), Ku-an-tan (Ma-lai-xi-a), Ma-ni-la (Phi-líp-pin), Đà Nẵng (Việt Nam), Hồng Công (Trung Quốc),...

Biển Đông có ảnh hưởng trực tiếp tới cuộc sống của người dân ở một số nước thuộc khu vực châu Á – Thái Bình Dương. Các nước Đông Nam Á ven biển đang được hưởng lợi ích trực tiếp từ Biển Đông trong phát triển kinh tế và giải quyết các vấn đề xã hội.

Vì sao Biển Đông là địa bàn chiến lược quan trọng ở khu vực châu Á – Thái Bình Dương?

c) Nguồn tài nguyên thiên nhiên biển

Biển Đông là khu vực có nguồn tài nguyên thiên nhiên phong phú với trữ lượng lớn như: sinh vật biển, khoáng sản (ti-tan, thiếc, chì, kẽm,...). Đặc biệt, Biển Đông là một trong những bồn trũng chứa dầu khí lớn nhất thế giới.


sach-giao-khoa.com

Hình 3. Giàn khoan Đại Hùng 01 của Tập đoàn Dầu khí Quốc gia Việt Nam trên Biển Đông

TƯ LIỆU. Biển Đông là nơi cư trú của trên 12 000 loài sinh vật, trong đó có khoảng 2 040 loài cá, 350 loài san hô, 662 loài rong biển, 12 loài có vú,... Trong khu vực này tập trung 221 loài cây nước mặn tạo nên diện tích rừng ngập mặn tương đối lớn.

Khu vực thềm lục địa của Biển Đông có tiềm năng dầu khí cao như bồn trũng Bru-nây, Nam Côn Sơn, Hoàng Sa,...

(Theo Nguyễn Văn Âu, *Địa lí tự nhiên Biển Đông*, NXB Đại học Quốc gia Hà Nội, 2002, tr. 33, 71 – 72)

Nguồn tài nguyên thiên nhiên đa dạng của Biển Đông có giá trị cao đối với hoạt động nghiên cứu khoa học, phục vụ đời sống hằng ngày của người dân và phát triển kinh tế – xã hội của các nước trong khu vực.



Hình 4. Sinh vật dưới Biển Đông

Khai thác tư liệu và thông tin trong mục, phân tích vai trò của nguồn tài nguyên thiên nhiên biển đối với sự phát triển kinh tế – xã hội của các nước trong khu vực.

3. Tầm quan trọng của các đảo và quần đảo trên Biển Đông

a) Vị trí của quần đảo Hoàng Sa và quần đảo Trường Sa

Biển Đông có hàng nghìn đảo và quần đảo nằm rải rác với diện tích khác nhau.

Quần đảo Hoàng Sa và quần đảo Trường Sa thuộc chủ quyền của Việt Nam nằm ở trung tâm của Biển Đông và có vị trí chiến lược quan trọng. Địa hình của hai quần đảo này là sự nối tiếp liên tục của lục địa Việt Nam từ đất liền ra biển.

Quần đảo Hoàng Sa là một quần đảo san hô ở phía bắc Biển Đông, gồm có hơn 37 đảo, đá, bãi cạn,...

Quần đảo Hoàng Sa nằm giữa kinh tuyến từ khoảng 111°Đ đến 113°Đ,... trải từ khoảng vĩ tuyến 15°45'B đến 17°15'B với các đảo lớn như đảo Phú Lâm, đảo Linh Côn,... Một số đảo rất gần lục địa Việt Nam như đảo Tri Tôn, đảo Hoàng Sa.

Quần đảo Trường Sa nằm ở phía đông nam của bờ biển Việt Nam, bao gồm hơn 100 đảo, đá, bãi ngầm, bãi san hô nằm trong vùng biển rộng gấp nhiều lần so với quần đảo Hoàng Sa.

Quần đảo Trường Sa nằm ở vĩ tuyến từ khoảng 6°30'B đến 12°B và kinh tuyến từ khoảng 111°30'Đ đến 117°20'Đ. Đảo gần đất liền nhất là đảo Trường Sa, đảo cao nhất so với mực nước biển là Song Tử Tây và đảo có diện tích lớn nhất là Ba Bình (0,6 km^2).

Quần đảo được chia làm 8 cụm: Song Tử, Thị Tứ, Loại Ta, Nam Yết, Sinh Tồn, Trường Sa, Thám Hiểm, Bình Nguyên.



Hình 5. Đảo Trường Sa thuộc quần đảo Trường Sa (đặc khu Trường Sa, tỉnh Khánh Hoà)

Xác định vị trí của một số đảo, quần đảo thuộc Biển Đông và quần đảo Hoàng Sa, quần đảo Trường Sa trên lược đồ Hình 2 (tr. 74).

b) Tầm quan trọng chiến lược của quần đảo Trường Sa và quần đảo Hoàng Sa

Hệ thống đảo, quần đảo trên Biển Đông nằm trên những tuyến đường hàng hải quốc tế quan trọng, kết nối các châu lục nên có ý nghĩa chiến lược về quốc phòng, an ninh đối với nhiều quốc gia ven biển. Một số đảo, quần đảo có vị trí, điều kiện tự nhiên thích hợp để phát triển nền kinh tế biển toàn diện, xây dựng thành cơ sở hậu cần – kĩ thuật phục vụ hoạt động quân sự và kinh tế.

Đặc biệt, quần đảo Hoàng Sa và quần đảo Trường Sa có vị trí chiến lược quan trọng, giúp kiểm soát và bảo đảm an ninh cho các tuyến đường giao thông trên biển, trên không trong khu vực Biển Đông.

Với nguồn tài nguyên sinh vật, khoáng sản và du lịch đa dạng, các đảo, quần đảo trên Biển Đông là không gian hoạt động kinh tế có tầm quan trọng chiến lược. Một số ngành kinh tế biển có thể phát triển bền vững như du lịch, nuôi trồng và chế biến thuỷ sản, khai thác dược liệu biển và khoáng sản,...

Nằm trải rộng trên một vùng biển lớn, quần đảo Trường Sa và quần đảo Hoàng Sa tạo nên ngư trường đánh bắt hải sản khổng lồ với nhiều loài quý hiếm và có giá trị kinh tế cao như: tôm hùm, hải sâm, đồi mồi, ốc tai voi,...

Nguồn tài nguyên khoáng sản ở các đảo và vùng biển xung quanh gồm dầu mỏ, khí đốt, phốt phát, cát, vỏ sò,... có thể khai thác với trữ lượng lớn. Đặc biệt, khu vực biển của quần đảo Hoàng Sa và quần đảo Trường Sa chứa đựng tài nguyên băng cháy rất lớn, được coi là nguồn năng lượng thay thế dầu khí trong tương lai.

Kinh tế du lịch biển được đẩy mạnh nhờ hệ sinh vật đa dạng dưới đáy biển, cảnh quan thiên nhiên đẹp ven biển và trên nhiều hòn đảo.

Tại các đảo còn có thể xây dựng các khu bảo tồn biển, trung tâm nghiên cứu để duy trì và phát triển các loài sinh vật hoang dã, các loài quý hiếm có nguy cơ tuyệt chủng.

Giải thích tầm quan trọng chiến lược của các đảo, quần đảo ở Biển Đông và quần đảo Hoàng Sa, quần đảo Trường Sa.

LUYỆN TẬP – VẬN DỤNG

1. Lập sơ đồ tư duy thể hiện vai trò quan trọng của Biển Đông và quần đảo Hoàng Sa, quần đảo Trường Sa.

2. Vì sao các quốc gia trong khu vực châu Á – Thái Bình Dương đặc biệt quan tâm tới Biển Đông và các đảo, quần đảo trên Biển Đông?

Sưu tầm tư liệu từ sách, báo, internet, nêu đề xuất của em về các biện pháp để khai thác hiệu quả, bền vững vị trí và tài nguyên thiên nhiên của Biển Đông.

BÀI 13

VIỆT NAM VÀ BIỂN ĐÔNG

Học xong bài này, em sẽ:

- Nêu được tầm quan trọng chiến lược của Biển Đông đối với Việt Nam về quốc phòng, an ninh, về phát triển các ngành kinh tế trọng điểm.
- Nêu được Việt Nam là Nhà nước đầu tiên xác lập chủ quyền và quản lí liên tục đối với quần đảo Hoàng Sa và quần đảo Trường Sa trong lịch sử.
- Trình bày được nét chính về cuộc đấu tranh bảo vệ, thực thi chủ quyền, các quyền và lợi ích hợp pháp của Việt Nam ở Biển Đông.
- Nêu được chủ trương của Việt Nam giải quyết các tranh chấp bằng biện pháp hoà bình.
- Trân trọng những thành quả đấu tranh bảo vệ chủ quyền, các quyền và lợi ích hợp pháp của Việt Nam ở Biển Đông trong lịch sử, sẵn sàng tham gia đóng góp vào cuộc đấu tranh bảo vệ chủ quyền, các quyền và lợi ích hợp pháp của Nhà nước Việt Nam.

Biển Việt Nam là một phần của Biển Đông. Việt Nam có 21 tỉnh, thành phố giáp biển, cứ 100 km^2 lãnh thổ đất liền có 1 km bờ biển, cao gấp sáu lần tỉ lệ trung bình của thế giới. Theo em, biển có vai trò như thế nào đối với sự phát triển của đất nước? Những hình ảnh dưới đây gợi cho em suy nghĩ gì về việc bảo vệ, thực thi chủ quyền, các quyền và lợi ích hợp pháp của Việt Nam ở Biển Đông?



Hình 1. Tàu Kiểm ngư KN-491 của Việt Nam



Hình 2. Cảng Quy Nhơn (tỉnh Gia Lai)

1. Tầm quan trọng của Biển Đông đối với Việt Nam

Việt Nam giáp với Biển Đông ở ba phía (đông, nam và tây nam) và có đường bờ biển dài khoảng 3 260 km, từ tỉnh Quảng Ninh đến tỉnh An Giang. Biển Đông đóng vai trò quan trọng đối với sự nghiệp xây dựng và bảo vệ Tổ quốc trong lịch sử, hiện tại và tương lai.

a) Về quốc phòng, an ninh

Biển Đông là tuyến phòng thủ phía đông của đất nước. Hệ thống các đảo, quần đảo của Việt Nam trên Biển Đông hợp thành tuyến phòng thủ bảo vệ vùng trời, vùng biển và đất liền.

EM CÓ BIẾT ?

Vịnh Cam Ranh (tỉnh Khánh Hoà) được coi là một trong những cảng nước sâu tốt nhất châu Á. Vị trí và địa hình của vịnh rất thuận lợi cho xây dựng các cơ sở phòng vệ chiến lược quan trọng.



Hình 3. Một góc đảo Cồn Cỏ (tỉnh Quảng Trị) – "vọng gác tiền tiêu" của Việt Nam ở phía nam vịnh Bắc Bộ

Trình bày tầm quan trọng của Biển Đông đối với Việt Nam về quốc phòng, an ninh.

b) Về phát triển các ngành kinh tế trọng điểm

Vị trí địa lí và tài nguyên của Biển Đông tạo điều kiện thuận lợi cho phát triển kinh tế biển đa dạng với các ngành mũi nhọn như: thương mại biển, khai thác và nuôi trồng thuỷ sản, khai thác khoáng sản, sửa chữa và đóng tàu, du lịch,...

Trữ lượng cá ở vùng biển Việt Nam có khả năng khai thác hằng năm đạt khoảng 2,3 triệu tấn. Trữ lượng dầu mỏ và khí đốt được xác minh là gần 550 triệu tấn dầu và trên 610 tỉ m^3 khí.

Vùng ven biển Việt Nam còn có tiềm năng to lớn về quặng sa khoáng như: ti-tan, thiếc, vàng, sắt, man-gan, đất hiếm,... trong đó, cát nặng, cát đen là nguồn tài nguyên quý giá của đất nước.

EM CÓ BIẾT ?

Cát Bà (thành phố Hải Phòng) là một quần đảo với hơn 300 đảo lớn nhỏ, có vị trí địa lí thuận lợi trong giao lưu kinh tế với vùng kinh tế trọng điểm Bắc Bộ và có tiềm năng du lịch phong phú. Đây là địa bàn trọng điểm được thành phố Hải Phòng đầu tư xây dựng và phát triển du lịch bền vững để trở thành điểm du lịch xanh đẳng cấp quốc tế.

Đường bờ biển dài có nhiều bãi cát, vịnh, hang động tự nhiên đẹp như Hạ Long, Cửa Lò, Đà Nẵng, Nha Trang, Phú Quốc,... tạo điều kiện cho Việt Nam trở thành một "điểm du lịch hấp dẫn". Dọc bờ biển có thể xây dựng các cảng biển nước sâu (Cái Lân, Nghi Sơn, Dung Quất, Vân Phong, Cam Ranh, Vũng Tàu,...) và cảng trung bình (Hải Phòng, Đà Nẵng, Quy Nhơn, Nha Trang,...).



Hình 4. Một góc đảo Phú Quốc (tỉnh An Giang)

Biển Đông là "cửa ngõ" để Việt Nam giao lưu kinh tế và hợp tác với các nước trên thế giới, đặc biệt là với khu vực châu Á – Thái Bình Dương. Hàng hoá xuất – nhập khẩu của Việt Nam chủ yếu được vận chuyển bằng đường biển qua Biển Đông.

1. Nêu tầm quan trọng của Biển Đông đối với Việt Nam về phát triển các ngành kinh tế.
2. Liên hệ với địa phương em hoặc địa phương khác mà em biết (tỉnh/thành phố), chỉ ra một số vai trò của biển đối với việc phát triển kinh tế.

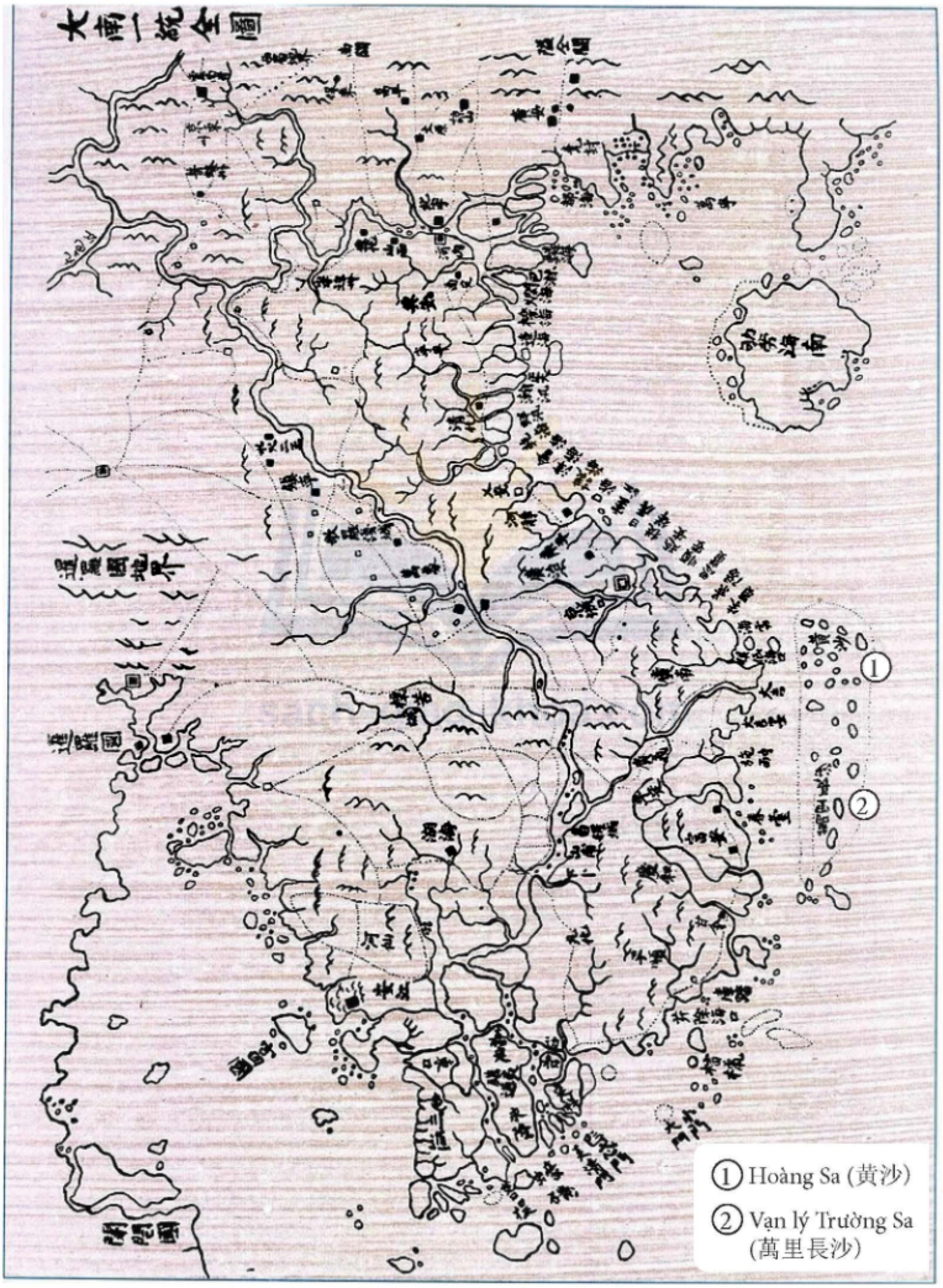
2. Lịch sử bảo vệ chủ quyền, các quyền và lợi ích hợp pháp của Việt Nam đối với quần đảo Hoàng Sa và quần đảo Trường Sa

a) Quá trình Việt Nam xác lập chủ quyền và quản lí đối với quần đảo Hoàng Sa và quần đảo Trường Sa

Các bằng chứng khảo cổ học đã chứng minh rằng ngay từ đầu Công nguyên, người Việt đã tích cực, chủ động và sớm có hoạt động kinh tế và văn hoá ở Biển Đông. Cùng với những nguồn sử liệu tin cậy, có giá trị pháp lí cao của Việt Nam và nước ngoài (văn bản hành chính, tư liệu lịch sử,...) qua các thời kì đã khẳng định Việt Nam là Nhà nước đầu tiên xác lập chủ quyền và thực hiện quản lí liên tục đối với quần đảo Hoàng Sa và quần đảo Trường Sa.

• **Trước năm 1884**

Nhiều tập bản đồ của các triều đại quân chủ Việt Nam như: *Toản tập Thiên Nam tứ chí lộ đồ thư* (1686), *Giáp Ngọ niên bình Nam đồ* (1774), *Đại Nam nhất thống toàn đồ* (1838),... và của người phương Tây như: Bộ *Át lát thế giới* (1827), *An Nam đại quốc hoạ đồ* (1838),... đã thể hiện quần đảo Hoàng Sa, quần đảo Trường Sa thuộc lãnh thổ Việt Nam.



Hình 5. *Đại Nam nhất thống toàn đồ* (1838)

Một số công trình sử học và địa lí của Việt Nam cũng ghi chép tường tận về cương vực lãnh thổ và những hoạt động thực thi, bảo vệ chủ quyền của các chính quyền chúa Nguyễn, vua Lê – chúa Trịnh, Triều Tây Sơn và Triều Nguyễn ở quần đảo Hoàng Sa, quần đảo Trường Sa như: *Đại Việt sử ký tục biên, Phủ biên tạp lục, Đại Nam thực lục, Hoàng Việt nhất thống dư địa chí, Đại Nam nhất thống chí,...*

KẾT NỐI VỚI NGÀY NAY

Lễ Khao lề thế lính Hoàng Sa là một tập tục cổ truyền có từ thời Hải đội Hoàng Sa (thế kỉ XVII)nhằm tri ân những người đi làm nhiệm vụ và cầu cho họ được bình an trở về,... Ngày nay, lễ Khao lề thế lính Hoàng Sa vẫn được duy trì nhằm tri ân Hải đội Hoàng Sa năm xưa, đồng thời giáo dục thế hệ trẻ về trách nhiệm giữ gìn biển đảo quê hương.

Hoạt động xác lập chủ quyền, quản lí liên tục mang tính nhà nước đối với quần đảo Hoàng Sa, quần đảo Trường Sa được khẳng định thông qua việc thành lập và hoạt động của các đội Hoàng Sa, đội Bắc Hải từ thế kỉ XVII đến đầu thế kỉ XIX.

TƯ LIỆU 1. Họ Nguyễn đặt đội Hoàng Sa 70 suất, lấy người xã An Vĩnh sung vào, cắt phiên mỗi năm cứ tháng Hai nhận giấy sai đi, mang lương đủ ăn sáu tháng, đi bằng năm chiếc thuyền nhỏ, ra biển 3 ngày 3 đêm thì đến đảo ấy. Lấy được hoá vật của tàu như là gươm ngựa, hoa bạc, hòn bạc, đồ đồng, khối chì, súng, ngà voi, đồ sứ, đồ chiêm, cùng là vỏ đồi mồi, hải sâm, hạt ốc vân rất nhiều... Đến kì tháng Tám thì về.

Họ Nguyễn lại đặt đội Bắc Hải. Lệnh cho đi chiếc thuyền câu nhỏ ra các xứ Bắc Hải, cù lao Côn Lôn và các đảo ở Hà Tiên.

(Theo Lê Quý Đôn, *Phủ biên tạp lục*, NXB Văn hoá – Thông tin, 2007, tr. 155)



Hình 6. Tượng đài đội Hoàng Sa kiêm quản Bắc Hải ở đảo Lý Sơn (Quảng Ngãi)

Dưới thời vua Gia Long, triều đình đã tiến hành các hoạt động khẳng định chủ quyền ở quần đảo Trường Sa và quần đảo Hoàng Sa một cách quy củ như tổ chức đội thuỷ quân chuyên trách thực thi chủ quyền ở đây. Đến thời vua Minh Mạng, việc cử thuỷ quân ra quần đảo Hoàng Sa và quần đảo Trường Sa đã trở thành lệ đều đặn hằng năm. Nhà vua cũng coi việc vẽ bản đồ hai quần đảo này là trọng trách của Nhà nước, lệnh cho cắm dấu mốc tại nơi khảo sát và thực hiện cứu nạn, bảo đảm an toàn cho tàu thuyền qua lại khu vực

Biển Đông,... Năm 1835, vua Minh Mạng cho người dựng miếu và trồng cây ở một số đảo thuộc quần đảo Hoàng Sa.

Việc tổ chức đơn vị hành chính của quần đảo Hoàng Sa trong hệ thống tổ chức hành chính nhà nước lúc bấy giờ cũng được thực hiện. Thời chúa Nguyễn, quần đảo Hoàng Sa thuộc phủ Quảng Nghĩa (Quảng Ngãi). Thời nhà Nguyễn, quần đảo Hoàng Sa thuộc tỉnh Quảng Ngãi.

• ***Từ năm 1884 đến năm 1975***

Cuối thế kỉ XIX, chính quyền thực dân Pháp (khi đó là đại diện ngoại giao của Triều Nguyễn) tiếp tục khẳng định chủ quyền của Việt Nam, quản lí, bảo vệ quần đảo Hoàng Sa và quần đảo Trường Sa theo đúng thông lệ pháp lí quốc tế.

Năm 1909, người Pháp đã có thông báo về các cuộc khảo sát trái phép của Trung Quốc tại quần đảo Hoàng Sa thuộc chủ quyền của Việt Nam.

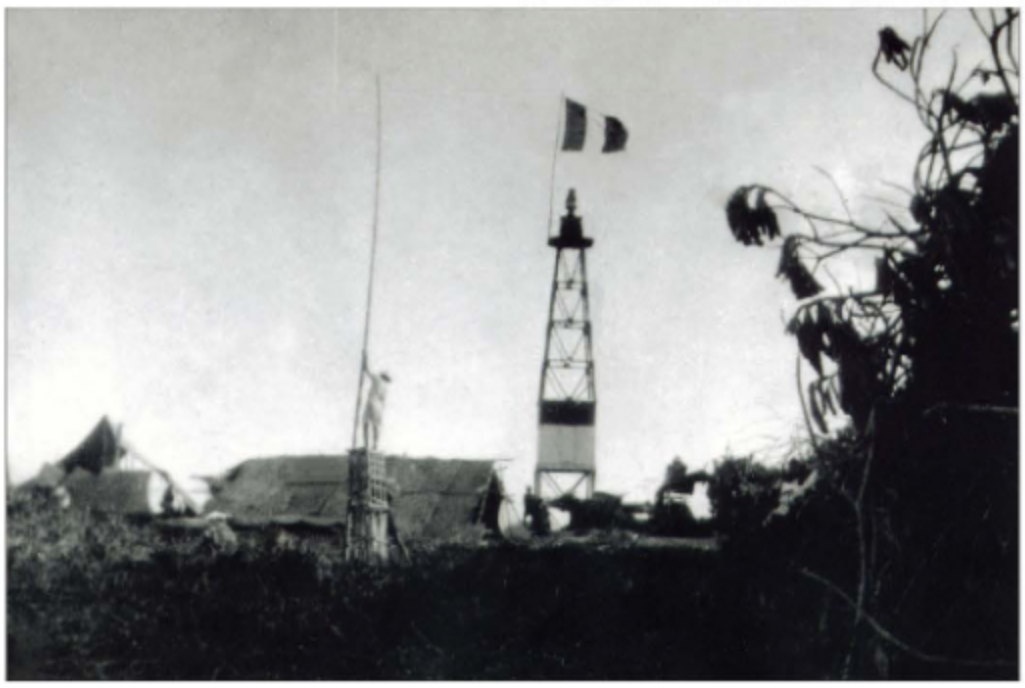
EM CÓ BIẾT ?

Cuối thế kỉ XIX, công ti bảo hiểm Anh đòi Trung Quốc bồi thường vì không đảm bảo an ninh hàng hải khi ngư dân nước này đã lấy hàng hoá từ con tàu Bê-lô-na (Đức) bị đắm ở khu vực quần đảo Hoàng Sa. Tuy nhiên, chính quyền Mãn Thanh đã từ chối bồi thường với lí do quần đảo Hoàng Sa không thuộc chủ quyền của Trung Quốc.

Sau đó, chính quyền Pháp chú trọng hơn việc nghiên cứu quá trình xác lập chủ quyền của Việt Nam tại quần đảo này. Cuộc khảo sát khoa học đầu tiên của các nhà khoa học người Pháp đã được tiến hành tại quần đảo Hoàng Sa vào năm 1925 và tại quần đảo Trường Sa vào năm 1927.

Quần đảo Trường Sa thuộc tỉnh Bà Rịa và quần đảo Hoàng Sa thuộc tỉnh Thừa Thiên.

Từ những năm 30 của thế kỉ XX, người Pháp đã tiến hành xây dựng cột mốc chủ quyền, đèn biển, trạm khí tượng, trạm vô tuyến điện và thực hiện nhiều khảo sát khoa học,...



Hình 7. Cột hải đăng trên quần đảo Hoàng Sa được người Pháp xây dựng năm 1937



Hình 8. Bia chủ quyền của Việt Nam trên quần đảo Hoàng Sa do người Pháp xây dựng năm 1938

TƯ LIỆU 2. Trong bản ghi chú gửi Vụ Châu Á đại dương, Cố vấn pháp luật Bộ Ngoại giao Pháp đã viết: "Việc chiếm hữu quần đảo Spartly (Trường Sa) do Pháp tiến hành năm 1930 – 1932 là nhân danh Hoàng đế An Nam. Trong trường hợp này, danh nghĩa mà Pháp đòi hỏi ở đây là việc thực thi chủ quyền có từ trước [...], và với tư cách là nước bảo hộ, chịu trách nhiệm về các quan hệ đối ngoại của An Nam, Pháp có thể sử dụng các quyền đó để chặn nước thứ ba, và có thể nhận được xét xử quốc tế việc thừa nhận các quyền nói trên".

(Theo Hãn Nguyên Nguyễn Nhã, *Những bằng chứng về chủ quyền của Việt Nam đối với hai quần đảo Hoàng Sa và Trường Sa*, NXB Giáo dục Việt Nam, 2013, tr. 124)

Đến tháng 9 – 1951, chủ quyền của Việt Nam đối với quần đảo Hoàng Sa và quần đảo Trường Sa tiếp tục được tuyên bố tại Hội nghị Hoà bình Xan Phran-xi-xcô mà không bị các quốc gia tham dự hội nghị phản đối.

Từ sau Hiệp định Giơ-ne-vơ (1954), quần đảo Hoàng Sa và quần đảo Trường Sa được đặt dưới sự quản lí hành chính của các chính quyền ở miền Nam Việt Nam.

Việt Nam Cộng hoà (chính quyền Sài Gòn) đã liên tục thực thi chủ quyền của Việt Nam ở quần đảo Hoàng Sa và quần đảo Trường Sa thông qua việc ban hành các văn bản hành chính nhà nước, cử quân đồn trú, dựng bia chủ quyền, treo cờ trên các đảo chính. Về mặt hành chính, quần đảo Hoàng Sa thuộc tỉnh Quảng Nam (thuộc thành phố Đà Nẵng ngày nay) và quần đảo Trường Sa thuộc tỉnh Phước Tuy (thuộc Thành phố Hồ Chí Minh ngày nay).

Từ giữa tháng 4 – 1975, Quân Giải phóng miền Nam Việt Nam đã triển khai lực lượng thực thi chủ quyền đối với quần đảo Trường Sa.

- ***Từ sau năm 1975 đến nay***

Sau khi đất nước thống nhất, Nhà nước Cộng hoà xã hội chủ nghĩa Việt Nam đã tiếp tục quản lí và thực thi chủ quyền của Việt Nam đối với quần đảo Hoàng Sa và quần đảo Trường Sa. Các đơn vị hành chính tại hai quần đảo này đã được thành lập.

Năm 1982, huyện Hoàng Sa thuộc tỉnh Quảng Nam – Đà Nẵng (từ năm 1997 thuộc thành phố Đà Nẵng) và huyện Trường Sa thuộc tỉnh Đồng Nai (từ tháng 7 – 1989 thuộc tỉnh Khánh Hoà) được thành lập. Trong huyện Trường Sa có các đơn vị hành chính nhỏ hơn như: thị trấn Trường Sa (bao gồm đảo Trường Sa và phụ cận); xã Song Tử Tây (đảo Song Tử Tây và phụ cận), xã Sinh Tồn (đảo Sinh Tồn và phụ cận),... Từ tháng 7 – 2025, huyện Hoàng Sa đổi thành đặc khu Hoàng Sa (thành phố Đà Nẵng) và huyện Trường Sa đổi thành đặc khu Trường Sa (tỉnh Khánh Hoà), là hai trong 13 đặc khu của cả nước.

1. Các tư liệu 1, 2 cung cấp cho em thông tin gì về hoạt động xác lập, thực thi chủ quyền của Việt Nam đối với quần đảo Hoàng Sa và quần đảo Trường Sa?
2. Trình bày khái quát quá trình xác lập chủ quyền và quản lí liên tục của Việt Nam đối với quần đảo Hoàng Sa và quần đảo Trường Sa trong lịch sử.

b) Cuộc đấu tranh bảo vệ, thực thi chủ quyền, các quyền và lợi ích hợp pháp của Việt Nam ở Biển Đông

Nhà nước Việt Nam qua các thời kì lịch sử có những hoạt động đấu tranh kiên quyết nhằm bảo vệ, thực thi chủ quyền biển đảo, đặc biệt là đối với quần đảo Hoàng Sa và quần đảo Trường Sa.

Từ sau năm 1975 đến nay

- Nhà nước Cộng hoà xã hội chủ nghĩa Việt Nam kiên trì đấu tranh ngoại giao và pháp lí để khẳng định, bảo vệ chủ quyền của Việt Nam tại quần đảo Hoàng Sa, quần đảo Trường Sa và môi trường hoà bình, hợp tác trên Biển Đông.
- Tháng 3 – 1988, nhiều chiến sĩ Hải quân Nhân dân Việt Nam đã hi sinh anh dũng khi chiến đấu bảo vệ chủ quyền tại các đảo Gạc Ma, Cô Lin, Len Đao trước cuộc tấn công của quân đội Trung Quốc.

Từ năm 1954 đến năm 1975

- Chính phủ Cách mạng lâm thời Cộng hoà miền Nam Việt Nam ra tuyên bố khẳng định chủ quyền, toàn vẹn lãnh thổ là những vấn đề thiêng liêng và bất khả xâm phạm.
- Tháng 1 – 1974, quân đội Việt Nam Cộng hoà (quân đội Sài Gòn) thất bại trong cuộc chiến đấu ở quần đảo Hoàng Sa trước sự tấn công của quân đội Trung Quốc.

Từ năm 1884 đến năm 1954

- Năm 1946 và 1947, chính quyền thực dân Pháp cho hải quân trú đóng ở các đảo chính thuộc quần đảo Hoàng Sa, quần đảo Trường Sa và yêu cầu quân đội Trung Hoa Dân quốc rút khỏi các đảo đã chiếm đóng trái phép.
- Năm 1939, chính quyền thực dân Pháp gửi công hàm phản đối việc Nhật Bản tuyên bố kiểm soát một số đảo thuộc quần đảo Trường Sa.

Trước năm 1884

- Dưới Triều Nguyễn, các đội thuỷ quân chuyên trách công việc bảo vệ, thực thi chủ quyền ở quần đảo Hoàng Sa, quần đảo Trường Sa được tổ chức.
- Từ thời chúa Nguyễn, Vương triều Tây Sơn, các đội Hoàng Sa, Bắc Hải có nhiệm vụ tuần tiễu giữ gìn vùng biển, ứng chiến với nạn cướp biển và những xâm phạm tại quần đảo Hoàng Sa,...

Hình 9. Sơ đồ khái quát về cuộc đấu tranh bảo vệ chủ quyền biển đảo của Việt Nam

EM CÓ BIẾT ?

Khu tưởng niệm chiến sĩ Gạc Ma được xây dựng ở xã Cam Lâm (tỉnh Khánh Hoà) để tưởng nhớ những chiến sĩ hải quân Việt Nam đã hi sinh trong cuộc chiến đấu bảo vệ chủ quyền biển đảo Tổ quốc năm 1988.



Hình 10. Đài tưởng niệm chiến sĩ Gạc Ma (tỉnh Khánh Hoà)

Trình bày nét chính về cuộc đấu tranh bảo vệ và thực thi chủ quyền, các quyền và lợi ích hợp pháp của Việt Nam ở Biển Đông.

3. Chủ trương của Việt Nam trong giải quyết các tranh chấp chủ quyền ở Biển Đông

Nhà nước Việt Nam thực hiện các biện pháp toàn diện trên các lĩnh vực chính trị, ngoại giao, kinh tế và quân sự nhằm bảo vệ quyền, chủ quyền và các lợi ích hợp pháp của Việt Nam ở Biển Đông.

Đối với các tranh chấp chủ quyền, Việt Nam chủ trương giải quyết các tranh chấp trên Biển Đông thông qua biện pháp hoà bình với tinh thần hiểu biết và tôn trọng lẫn nhau, tuân thủ luật pháp quốc tế.

- Ban hành văn bản pháp luật khẳng định chủ quyền:
  - Tuyên bố về lãnh hải, vùng tiếp giáp, vùng đặc quyền kinh tế và thềm lục địa Việt Nam (5 – 1977).
  - Các Sách trắng khẳng định chủ quyền của Việt Nam đối với quần đảo Hoàng Sa và quần đảo Trường Sa theo luật pháp quốc tế (9 – 1979, 12 – 1981, 4 – 1988,...).
  - Luật Biên giới quốc gia (6 – 2003).
  - Bộ luật Hàng hải Việt Nam (6 – 2005, 11 – 2015).

- Tham gia Công ước của Liên hợp quốc về Luật Biển năm 1982 (UNCLOS).

Theo Công ước về Luật Biển (UNCLOS), Việt Nam là quốc gia ven biển có các vùng biển và thềm lục địa để thăm dò và khai thác với diện tích khoảng 1 triệu ki-lô-mét vuông, rộng gấp 3 lần diện tích lãnh thổ đất liền.

• Thông qua Luật Biển Việt Nam năm 2012.

Luật Biển Việt Nam quy định Nhà nước giải quyết các tranh chấp liên quan đến biển, đảo với các nước khác bằng các biện pháp hoà bình, phù hợp với Công ước của Liên hợp quốc về Luật Biển năm 1982, pháp luật và thực tiễn quốc tế.

• Thúc đẩy và thực hiện đầy đủ Tuyên bố về ứng xử của các bên ở Biển Đông (DOC).

TƯ LIỆU 3. Điều 4: Các bên liên quan chịu trách nhiệm giải quyết các tranh chấp về lãnh thổ và về quyền thực thi luật pháp bằng các phương tiện hoà bình mà không viện đến sự đe doạ hoặc sử dụng vũ lực, thông qua các cuộc tham vấn thân thiện và những cuộc đàm phán bởi các quốc gia có chủ quyền có liên quan trực tiếp, phù hợp với những nguyên tắc được thừa nhận phổ quát của luật pháp quốc tế, kể cả Công ước Liên hợp quốc về Luật Biển năm 1982.

(Trích *Tuyên bố về ứng xử của các bên ở Biển Đông (DOC)* được các nước ASEAN và Trung Quốc kí ngày 4 – 11 – 2002 tại Thủ đô Phnôm Pênh, Cam-pu-chia)



Hình 11. Lễ kí kết Tuyên bố về ứng xử của các bên ở Biển Đông (DOC) tại Cam-pu-chia (2002)

Đồng thời, để tăng cường tiềm lực quốc gia phục vụ hoạt động bảo vệ chủ quyền biển đảo, Việt Nam thực hiện phát triển kinh tế biển gắn với tăng cường quốc phòng, an ninh trên biển và xây dựng thế trận quốc phòng toàn dân trên biển.



Hình 12. Tàu hộ vệ tên lửa 016 Quang Trung – chiến hạm của Hải quân Nhân dân Việt Nam

1. Khai thác Tư liệu 3 (tr. 89) và thông tin trong mục, hãy trình bày chủ trương của Việt Nam khi giải quyết các tranh chấp chủ quyền ở Biển Đông.
2. Nêu một số ví dụ thực tiễn về việc thực hiện chủ trương này của Việt Nam mà em biết.

LUYỆN TẬP – VẬN DỤNG

sách-giáo-khoa.com

1. Lập sơ đồ tư duy về tầm quan trọng chiến lược của Biển Đông trên các mặt quốc phòng, an ninh, kinh tế đối với Việt Nam.

2. Sử dụng tư liệu lịch sử để chứng minh rằng: Việt Nam là Nhà nước đầu tiên xác lập, quản lí liên tục và thực thi, bảo vệ chủ quyền ở quần đảo Hoàng Sa và quần đảo Trường Sa.

3. Giải thích vì sao Việt Nam chủ trương giải quyết các tranh chấp ở Biển Đông bằng biện pháp hoà bình?

1. Là một học sinh, em cần làm gì để góp phần bảo vệ chủ quyền biển đảo của Tổ quốc?

2. Sưu tầm tư liệu từ sách, báo và internet, hãy viết bài (khoảng 300 chữ) về hoạt động bảo vệ chủ quyền biển đảo của Việt Nam hiện nay.

BẢNG TRA CỨU KHÁI NIỆM, THUẬT NGỮ

B

Bảo hộ (86): 1. chế độ cai trị về chính trị của các nước đế quốc, thực dân đối với một nước bị xâm lược; 2. hình thức một nước đế quốc bắt một nước nhỏ yếu phụ thuộc vào mình, tuy nước này vẫn có chính quyền riêng.

C

Cải cách (7): đổi mới cho tiến bộ hơn, phù hợp với sự phát triển chung của xã hội mà không làm thay đổi chế độ hiện hành.

Chia để trị (33): một chính sách thường dùng của chủ nghĩa thực dân nhằm gây chia rẽ giữa các dân tộc, địa phương, tầng lớp,... để dễ thống trị.

Chính quốc (7): từ dùng để chỉ nước đế quốc, thực dân nhằm phân biệt với thuộc địa của nước đó.

Công nghiệp hoá (23): quá trình xây dựng một nền sản xuất cơ khí hoá trong mọi ngành kinh tế quốc dân, trước hết là trong ngành công nghiệp.

Cấm vận (24): chính sách bao vây về kinh tế đối với một nước, hạn chế đi đến cấm hẳn buôn bán với nước đó, kể cả công ti nhà nước cũng như tư nhân.

D – Đ

Duy tân (15): phong trào đấu tranh đòi thay đổi theo cái mới, cái tiến bộ, bỏ cái cũ, lạc hậu trong đời sống xã hội, xây dựng đất nước.

Đổi mới (22): thay đổi hoặc làm cho thay đổi tốt hơn, tiến bộ hơn so với trước.

Độc quyền (10): chiếm giữ hoàn toàn lấy một mình, không chia sẻ cho ai, trong hoạt động kinh tế, chính trị: độc quyền kinh doanh của Nhà nước; công ti tư bản độc quyền.

K

Kháng chiến (23): chiến đấu chống quân xâm lược do chính quyền/Nhà nước tổ chức nhằm bảo vệ nền độc lập.

Khởi nghĩa (38): tập hợp lực lượng nổi dậy để lật đổ chế độ/chính quyền cai trị trong nước hoặc nước ngoài nhằm giành lấy chính quyền hoặc giành lại nền độc lập dân tộc.

L

Lạm phát (17): phát hành quá nhiều tiền so với nhu cầu lưu chuyển hàng hoá làm đồng tiền sụt giá, nâng giá hàng hoá, gây nhiều khó khăn cho đời sống nhân dân.

N

Ngu dân (33): chính sách cai trị của tầng lớp thống trị nhằm kìm hãm nhân dân trong tình trạng dốt nát để dễ áp bức, bóc lột.

Ngư trường (79): vùng biển có nguồn lợi thuỷ sản tập trung với mật độ cao được xác định để tàu cá đến khai thác.

Q

Quý tộc mới (8): những quý tộc phong kiến đã tư sản hoá, kinh doanh theo lối tư bản chủ nghĩa, như thuê công nhân, mở công xưởng,... để sản xuất hàng hoá, kinh doanh thương nghiệp, chứ không bóc lột tô, bắt lao dịch như trước đây.

Quốc hữu hoá (23): chuyển các hình thức sở hữu tư nhân thành sở hữu của Nhà nước về ruộng đất, xí nghiệp, cơ sở giao thông, bưu điện, ngân hàng.

T

Thuộc địa (7): nước bị thực dân xâm lược và thống trị áp bức, bóc lột, mất hoàn toàn quyền độc lập về chính trị, kinh tế,...

Thương điếm (30): những cơ sở của các nước thực dân (Anh, Pháp, Bồ Đào Nha, Hà Lan,...) đặt ở một số nước châu Á, châu Phi; ban đầu là cơ sở để buôn bán, sau đó dần biến thành căn cứ để xâm lược nước đó làm thuộc địa.

V

Vị trí địa chiến lược (40): là thuật ngữ dùng để chỉ những lợi thế về địa lí của một quốc gia làm cơ sở để xây dựng một kế hoạch mang tính chiến lược, nhằm đạt được các mục tiêu chính yếu, lâu dài về an ninh, phát triển và ảnh hưởng.

Vùng đệm (32): vùng nằm giữa, mang tính chuyển tiếp giữa những vùng có tính chất khác biệt hoặc đối lập nhau.

sach-giao-khoa.com

BẢNG PHIÊN ÂM

Phiên âm	Tên riêng nước ngoài	Trang
A - Ă		
A-cha Xoa	Acha Soa	39
B		
Ba-si	Bashi	75
Ba-xti	Bastille	6
Bê-lô-na	Bellona	85
Béc-lin	Berlin	24
Bê-lô-rút-xi-a	Belorussia	20
Bô-hô	Bohol	38
Bru-nây	Brunei	31
Bun-ga-ri	Bulgaria	22
C		
Ca-ri-ma-ta	Karimata	75
Các-ten	Cartel	16
C. Mác	Karl Marx	12
Cam-pu-chia	Cambodia	35
Ca-na-đa	Canada	17
Cáp-ca-dơ	Kavkaz	20
Ca-ri-bê	Caribe	24
Cham Ê-li-dê	Champs Elysées	6
Chu-la-long-kon	Chulalongkorn	34
Cu-ba	Cuba	24

Phiên âm	Tên riêng nước ngoài	Trang
D – Đ		
D. G. E. Hôn	D. G. E. Hall	31
Di-pô-nê-gô-rô	Diponegoro	38
G		
Ga-xpa	Gaspar	76
G. G. Rút-xô	G. G. Rousseau	9
Gia-các-ta	Jakarta	38
Gia-va	Java	38
Giôn Rít	John Read	19
H		
Hác-măng	Harmand	48
Hung-ga-ri	Hungary	22
I		
In-đô-nê-xi-a	Indonesia	31
I-ta-li-a	Italia	9
K		
Ku-an-tan	Kuantan	76
L		
La-pu-la-pu	Lapulapu	31
La-tinh	Latin	11
Lu-i	Louis	8

sách-giáo-khoa.com

Phiên âm	Tên riêng nước ngoài	Trang
M		
Mác-tan	Mactan	31
Ma-lai-xi-a	Malaysia	31
Ma-lắc-ca	Malacca	31
Ma-ni-la	Manila	76
Man-phờ-rét	Manfred	8
Mát-xcơ-va	Moscow	20
Mi-an-ma	Myanmar	31
N		
Nê-đéc-lan	Nederland	9
P		
Pa-ri	Paris	6
Pa-tơ-nốt	Patenotre	48
Ph. Ăng-ghen	F. Engels	9
Phi-líp-pin	Philippines	31
Phlo-đờ Ma	Flor de la Mar	29
Phnôm Pênh	Phnom Penh	89
Pu-côm-bô	Pukombo	39
R		
Ra-ma	Rama	34
Ru-ma-ni	Rumani	22

Phiên âm	Tên riêng nước ngoài	Trang
S		
Si-vô-tha	Sivotha	39
S. Mông-te-xki-ơ	S. Montesquieu	9
T		
Tơ-rớt	Trust	16
U		
U-crai-na	Ukraine	20
Uôn	Wall	18
V		
Vôn-te	Voltaire	9
Véc-xai	Versailles	13
V. I. Lê-nin	V. I. Lenin	13
X – Y		
Xan Phran-xi-xcô	San Francisco	86
Xanh-đi-ca	Syndicate	16
Xin-ga-po	Singapore	31
Xmô-nưi	Smolny	19
Y-an-gun	Yangun	32

sach-giao-khoa.com

Nhà xuất bản Giáo dục Việt Nam xin trân trọng cảm ơn các tác giả có tác phẩm, tư liệu được sử dụng, trích dẫn trong cuốn sách này.

Chịu trách nhiệm xuất bản:
Chủ tịch Hội đồng thành viên – Tổng Giám đốc NGUYỄN TIẾN THANH

Chịu trách nhiệm nội dung:
Tổng biên tập PHẠM VĨNH THÁI

Biên tập lần đầu: ĐẶNG THỊ HUYỀN TRANG – TRẦN ĐÌNH PHIÊN
Biên tập tái bản: TRẦN ĐÌNH PHIÊN
Biên tập mĩ thuật: PHẠM VIỆT QUANG – LÊ THẾ HẢI
Biên tập và thiết kế bản đồ: PHẠM VĂN HẢI
Thiết kế sách: LÊ THẾ HẢI
Trình bày bìa: NGUYỄN BÍCH LA
Sửa bản in: NGUYỄN DUY LONG – VŨ THỊ THANH TÂM
Chế bản: CÔNG TY CP DỊCH VỤ XUẤT BẢN GIÁO DỤC HÀ NỘI

Bản quyền © (2023) thuộc Nhà xuất bản Giáo dục Việt Nam.

Xuất bản phẩm đã đăng kí quyền tác giả. Tất cả các phần của nội dung cuốn sách này đều không được sao chép, lưu trữ, chuyển thể dưới bất kì hình thức nào khi chưa có sự cho phép bằng văn bản của Nhà xuất bản Giáo dục Việt Nam.

LỊCH SỬ 11

Mã số: G1HHYS001h26
In ..... cuốn (QĐ .....), khổ 19 x 26,5cm.
In tại Công ty cổ phần in .....
Số ĐKXB: 7-2026/CXBIPH/162-09/GD
Số QĐXB: ..... / QĐ-GD ngày ... tháng ... năm 202.....
Nộp lưu chiểu quý ..... năm 202....
Mã số ISBN: 978-604-0-35077-0



HUÂN CHƯƠNG HỒ CHÍ MINH

BỘ SÁCH GIÁO KHOA LỚP 11 – KẾT NỐI TRI THỨC VỚI CUỘC SỐNG

1. Ngữ văn 11, tập một
2. Ngữ văn 11, tập hai
3. Chuyên đề học tập Ngữ văn 11
4. Toán 11, tập một
5. Toán 11, tập hai
6. Chuyên đề học tập Toán 11
7. Lịch sử 11
8. Chuyên đề học tập Lịch sử 11
9. Địa lí 11
10. Chuyên đề học tập Địa lí 11
11. Giáo dục Kinh tế và Pháp luật 11
12. Chuyên đề học tập Giáo dục Kinh tế và Pháp luật 11
13. Vật lí 11
14. Chuyên đề học tập Vật lí 11
15. Hoá học 11
16. Chuyên đề học tập Hoá học 11
17. Sinh học 11
18. Chuyên đề học tập Sinh học 11
19. Công nghệ 11 – Công nghệ cơ khí
20. Chuyên đề học tập Công nghệ 11 – Công nghệ cơ khí
21. Công nghệ 11 – Công nghệ chăn nuôi
22. Chuyên đề học tập Công nghệ 11 – Công nghệ chăn nuôi
23. Tin học 11 – Định hướng Khoa học máy tính
24. Tin học 11 – Định hướng Tin học ứng dụng
25. Chuyên đề học tập Tin học 11 – Định hướng Tin học ứng dụng
26. Chuyên đề học tập Tin học 11 – Định hướng Khoa học máy tính
27. Mĩ thuật 11 – Thiết kế mĩ thuật đa phương tiện
28. Mĩ thuật 11 – Thiết kế đồ hoạ
29. Mĩ thuật 11 – Thiết kế thời trang
30. Mĩ thuật 11 – Thiết kế mĩ thuật sân khấu, điện ảnh
31. Mĩ thuật 11 – Lí luận và lịch sử mĩ thuật
32. Mĩ thuật 11 – Điêu khắc
33. Mĩ thuật 11 – Kiến trúc
34. Mĩ thuật 11 – Hội hoạ
35. Mĩ thuật 11 – Đồ hoạ (tranh in)
36. Mĩ thuật 11 – Thiết kế công nghiệp
37. Chuyên đề học tập Mĩ thuật 11
38. Âm nhạc 11
39. Chuyên đề học tập Âm nhạc 11
40. Hoạt động trải nghiệm, hướng nghiệp 11
41. Giáo dục thể chất 11 – Bóng chuyền
42. Giáo dục thể chất 11 – Bóng đá
43. Giáo dục thể chất 11 – Cầu lông
44. Giáo dục thể chất 11 – Bóng rổ
45. Giáo dục quốc phòng và an ninh 11
46. Tiếng Anh 11 – Global Success – Sách học sinh

Website: https://www.nxbgd.vn

KẾT NỐI TRI THỨC VỚI CUỘC SỐNG

ISBN 978-604-0-35077-0

9 786040 350770

Giá: 12.100 đ